

**TRẦN THỊ MINH THÀNH**

-----

**PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ, GIAO TIẾP  
CHO TRẺ TỰ KỈ**

HÀ NỘI, 2017

## MỤC LỤC

<b>A. MỤC TIÊU</b>	3
<b>B. CÁC ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN</b>	4
<b>C. NỘI DUNG</b>	
• <b>Bài 1:</b> Một số vấn đề chung về phát triển ngôn ngữ, giao tiếp cho trẻ tự kỉ	5
<b>I.</b> Một số vấn đề lí luận về ngôn ngữ, giao tiếp, lời nói	6
<b>II.</b> Đặc điểm ngôn ngữ, giao tiếp của trẻ TK	17
<b>III.</b> Đánh giá ngôn ngữ, giao tiếp của trẻ	20
• <b>Bài 2.</b> Phát triển ngôn ngữ, giao tiếp cho trẻ tự kỉ	25
<b>I.</b> Nội dung phát triển, ngôn ngữ, giao tiếp cho trẻ tự kỉ	25
<b>II.</b> Phát triển các kĩ năng giao tiếp cho trẻ TK	26
<b>III.</b> Phát triển ngôn ngữ cho trẻ TK	36
• <b>Bài 3.</b> Một số phương thức hỗ trợ giao tiếp cho trẻ tự kỉ	55
<b>I.</b> Phương pháp giao tiếp tương quan	55
<b>II.</b> Phương pháp giao tiếp tăng cường và thay thế	65
<b>III.</b> Hệ thống giao tiếp bằng trao đổi tranh	68
<b>D. TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	77
<b>E. PHỤ LỤC</b>	

## **A. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

Chuyên đề này giúp trang bị cho học viên các kiến thức, kỹ năng phát triển ngôn ngữ, giao tiếp cho trẻ RLPTK : khái niệm, đặc điểm, các biện pháp và các phương thức phát triển ngôn ngữ, giao tiếp cho trẻ.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

*Học xong bài này, học viên có thể:*

- Trình bày và phân biệt các khái niệm cơ bản
- Phân tích đặc điểm ngôn ngữ, giao tiếp của trẻ tự kỉ
- Tìm hiểu khả năng, nhu cầu của trẻ và lập kế hoạch can thiệp
- Lựa chọn các phương pháp, biện pháp phù hợp
- Có thái độ tôn trọng tính cá nhân của trẻ, nghiêm túc trong hỗ trợ trẻ

và gia đình.

### **B. Điều kiện cần thiết để thực hiện**

- Bảng hình về trẻ tự kỉ
- Giấy A0, bút dạ, giấy màu.
- Phiếu bài tập
- Tài liệu học tập và tài liệu tham khảo

### **C: NỘI DUNG**

## BÀI 1

### Những vấn đề chung về phát triển ngôn ngữ và giao tiếp cho trẻ tự kỉ

---

#### I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NGÔN NGỮ, GIAO TIẾP VÀ LỜI NÓI

##### 1.1. Ngôn ngữ

###### 1.1.1. Khái niệm

Theo nhà ngôn ngữ học người Thụy Sĩ, Ferdinand de Saussure, ngôn ngữ là một hệ thống biểu tượng nhiều tầng được người bản ngữ chấp nhận, ghi nhớ, hiểu và sử dụng trong khi giao tiếp với cộng đồng (Ferdinand de Saussure. *Ngôn ngữ học đại cương*).

Nói một cách đơn giản: *Ngôn ngữ là một hệ thống tín hiệu đặc biệt dùng để giao tiếp và tư duy.*

Ngôn ngữ học nghiên cứu về đặc tính – cấu trúc – chức năng – hệ thống – chuyên hóa trong ngôn ngữ của con người được phân chia thành các lĩnh vực: âm vị học, hình thái học, ngữ vựng, ngữ nghĩa, ngữ dụng.

###### 1.1.2. Các đơn vị và các thành phần chủ yếu của ngôn ngữ

###### 1.2.1.1. Các đơn vị chủ yếu:

*Âm vị:* là các đơn vị ngữ âm nhỏ nhất của ngôn ngữ, có chức năng nhận cảm và chức năng phân biệt nghĩa.

*Hình vị:* là một hoặc chuỗi kết hợp một vài âm vị, biểu thị một khái niệm. Nó là đơn vị nhỏ nhất có ý nghĩa.

*Từ:* là chuỗi kết hợp của một hoặc một vài hình vị mang chức năng gọi tên và chức năng ngữ nghĩa (Ví dụ: *tủ, ghé, đi, cười...*)

*Câu*: là chuỗi kết hợp của một hay nhiều từ, chức năng chính là chức năng thông báo

#### *1.2.1.2. Các thành phần của ngôn ngữ:*

*Ngữ âm*: miêu tả hệ thống âm thanh của một ngôn ngữ

*Ngôn điệu*: sự nghiên cứu về nhịp ngắt, trọng âm của ngôn ngữ

*Cú pháp*: các đơn vị ngữ pháp tương ứng được sử dụng để chuyển tải nghĩa

*Hình thái học*: nghiên cứu cách các từ có thể thay đổi hình dạng hoặc được biến thể trong một ngôn ngữ

*Ngữ nghĩa*: ý nghĩa của từ, phát ngôn và của câu mà nó truyền tải.

*Ngữ dụng*: khả năng sử dụng ngôn ngữ trong các ngữ cảnh xã hội.

Mặc dù các thành phần này thường được nghiên cứu một cách độc lập, chúng lại có mối liên hệ chặt chẽ với nhau trong đứa trẻ.

#### ***1.1.3. Các điều kiện quan trọng trong phát triển ngôn ngữ***

Để tiếp nhận ngôn ngữ trong các giai đoạn phát triển, trẻ cần phải phát triển và chín muồi cả về mặt thể chất và tinh thần.

Trong trường hợp tiếp nhận ngôn ngữ của “Cậu bé vùng hoang dã Avaron”, bác sỹ người Pháp Itard, J.M.J đã trình bày 4 điều kiện cần thiết cho việc tiếp nhận ngôn ngữ.

Sự quan trọng của thính giác – khả năng bắt chước – khả năng nhận thức – môi trường. Nói tóm lại, trẻ tiếp nhận ngôn ngữ ở các thời kỳ thích hợp, và nếu trẻ bỏ qua các thời kỳ đó, trẻ sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

#### **1.1.4. Chức năng của ngôn ngữ**

- Chức năng thúc đẩy của giao tiếp.
- Chức năng hình thành khái niệm.
- Chức năng thứ 3 là điều chỉnh hành động (theo Luria, A.R).

Trong nghiên cứu về ngôn ngữ của trẻ nhỏ, ngôn ngữ nói của trẻ nhỏ được phân loại theo như dưới đây.

Ngôn ngữ bản thân: (a) Phản xạ (ngôn ngữ của người trưởng thành, lặp lại một cách máy móc với các âm thanh của thế giới bên ngoài).

(b) Độc thoại (tự bản thân).

(c) Độc thoại trong nhóm (nhận thức được những lời người khác nói nhưng không phản ứng lại, chỉ nói những chuyện của bản thân).

Ngôn ngữ được xã hội hóa:

(d) Thông tin có ý nghĩa (là các thông tin được tổng hợp từ thông tin của đối phương và thông tin của bản thân).

(e) Phê bình (bao gồm việc phê bình và cười nhạo người khác).

(f) Mệnh lệnh – Yêu cầu – Chống đối (Người khác tuân theo ý kiên của cá nhân).

(g) Hỏi

(h) Trả lời (Trả lời câu hỏi của đối phương và trả lời theo mệnh lệnh).

Theo Piaget, Ngôn ngữ bản thân ở lứa tuổi trẻ 3~5 tuổi chiếm hơn một nửa, ở trẻ 5~7 tuổi chiếm 45% và ở trẻ 7~8 tuổi chiếm khoảng 25%. Đặc biệt là trong ngôn ngữ của trẻ nhỏ, ngôn ngữ bản thân không mang vai trò xã

hội (egocentric speech) chiếm số lượng nhiều, bổ sung cho phát triển đi kèm với chức năng của giao tiếp.

### ***1.1.5. Trình tự phát triển ngôn ngữ thông thường***

Trong vòng 1 năm kể từ lúc được sinh ra, trẻ nói nhiều loại âm thanh. Khi được gần 1 tuổi, trẻ bắt đầu nói và nối kết những từ riêng biệt. Khi được hơn 1 tuổi rưỡi, vốn từ vựng càng tăng lên, khi được 2 tuổi trẻ nói được 2 từ. Trong khoảng 2-3 tuổi, vốn từ vựng tăng nhanh, đồng thời ngôn ngữ nói phát triển rõ rệt. Khi trẻ 5 tuổi, cách dùng từ cũng trở nên phức tạp hơn, đến 6 tuổi trẻ bước vào giai đoạn dùng ngôn ngữ viết.

**Ngôn ngữ tiếp nhận** là khả năng hiểu các thông tin lời nói và phi lời nói. **Ngôn ngữ biểu đạt** là khả năng trình bày ý nghĩ hay cảm xúc của mình qua lời nói, cử chỉ điệu bộ hoặc hành vi.

Ngôn ngữ tiếp nhận

*12 - 18 tháng*

Chỉ những đồ vật tương ứng khi được hỏi, ví dụ “Gấu đâu?”, “Ô tô đâu?”...

Làm theo các hướng dẫn đơn giản, ví dụ: Mặc áo khoác vào, Đóng cửa lại...

Chỉ được tóc, tay, giày ... của búp bê.

Nhận biết được công dụng của một số đồ vật đơn giản. Ví dụ: lược để chải đầu.

2-3 tuổi

Hiểu chức năng của đồ vật và có thể xác định các đồ vật đơn giản bằng công dụng. Ví dụ: “Chúng ta cắt bằng gì?”

Hành động theo yêu cầu đơn giản với 2 từ chính. Ví dụ: “Đặt chiếc hộp lên ghế”

<p>Có thể ghép vật với tranh.</p> <p>Có thể liên hệ ý nghĩa với đồ vật mô hình</p>
<p>3 tuổi</p> <p>Hành động theo hướng dẫn 3 - 4 từ chính. Ví dụ: “Đặt <u>cuốn sách</u> <u>dưới</u> <u>ghế</u>; Đề con gấu lên giường...”</p> <p>Hiểu khái niệm to/ nhỏ/trong/ trên/dưới.</p> <p>Hiểu một vài sự kiện ở quá khứ và tương lai.</p> <p>Hiểu thuộc tính của đồ vật. Ví dụ: Người đàn ông nào có chiếc mũ to nhất?</p> <p>Lắng nghe một câu chuyện dài.</p>
<p>4 tuổi</p> <p>Hiểu ngay những sự kiện ở hiện tại, thể hiện sự phát triển hơn về việc hiểu câu mô tả sự kiện trong quá khứ và tương lai.</p> <p>Hành động thao hướng dẫn nhiều hơn 4 từ chính. Ví dụ: Đề cái <u>bút chì</u> <u>màu đỏ</u> vào trong cái <u>hộp</u> <u>nhỏ</u>.</p> <p>Hiểu các khái niệm như đằng sau/ phía trước và dài/ ngắn</p> <p>Có thể phân biệt một số màu sắc.</p>
<p>5 tuổi</p> <p>Có thể hiểu cuộc hội thoại hàng ngày.</p> <p>Hiểu và làm theo những hướng dẫn phức tạp.</p> <p>Khái niệm thời gian bắt đầu phát triển. Ví dụ “hôm nay”, “hôm qua”, ngày mai”.</p>



## Ngôn ngữ diễn đạt

12 - 18 tháng

Trẻ nói được 2 - 20 từ có nghĩa

Sử dụng một từ để diễn tả toàn bộ ý tưởng.

Có thể nói nhại lời, ví dụ nói nhại từ cuối hoặc từ được nhấn mạnh trong câu nói của người lớn với trẻ.

Chỉ vào những vật mình mong muốn.

2 - 3 tuổi

Từ vựng tăng lên hơn 200 từ nhưng lời nói sẽ thể hiện sự non nớt về cấu trúc câu hoặc phát âm.

Hỏi các câu hỏi cái gì, ai

Dùng những câu đơn giản gồm 2 - 3 từ. Ví dụ: Bỏ đá bóng, Con tắm

3 - 4 tuổi

Câu nói phức tạp hơn: dùng giới từ, tính từ, phụ từ, sử dụng câu mô tả về các sự kiện trong quá khứ.

Bắt đầu hỏi: Tại sao; Khi nào; Ai.

Có thể tham gia những cuộc hội thoại đơn giản

Có thể nói về các sự kiện gần đây.

Có thể đọc thuộc lòng bài thơ hoặc những vần điệu đơn giản.

Chơi tưởng tượng và bình luận về điều đang xảy ra.

Lời nói có thể không trôi chảy
<p>4 - 5 tuổi</p> <p>Câu có cấu trúc ngữ pháp đúng và dễ hiểu.</p> <p>Mắc một số lỗi thay thế trong phát âm (ví dụ canh - căn)</p> <p>Có thể đưa ra sự kết nối các sự kiện gần đây.</p> <p>Biết sự thay đổi của ngữ điệu và sự điệp âm/ điệp vần.</p> <p>Thường hỏi các câu hỏi tại sao/ cái gì/ ở đâu/ khi nào/ như thế nào?</p> <p>Thích hỏi về ý nghĩa của các từ.</p>
<p>6 tuổi</p> <p>Lời nói trôi chảy, đúng ngữ pháp và phát âm đúng.</p> <p>Thích hát và lặp lại những vần điệu êm ái.</p> <p>Luôn hỏi về ý nghĩa của từ trừu tượng và thích dùng chúng.</p> <p>Thích truyện cười và những câu đố.</p>

## 1.2. Lời nói (speech)

Lời nói là cách thể hiện ngôn ngữ - hình thái (ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói đều là dấu hiệu của ngôn ngữ). So với phát âm, lời nói có những sự khác biệt. Lời nói là âm thanh được sản sinh từ kết quả liên tục của sự vận động các cơ phức tạp. Đó là sự phát âm tổng hòa của các cơ quan môi - cằm - vòm miệng - ngạc mềm - họng - lưỡi. Phát triển chín muồi của người nói là sự thể hiện rõ ràng từng âm đơn, nói theo các kiểu mẫu nhất định và trẻ cũng học cách nhận thức như vậy về các âm đơn từ người khác.

Lời nói là tiến trình và kết quả của ngôn ngữ nói và viết của mỗi cá nhân. Lời nói vừa là sản phẩm vừa là phương tiện để giao tiếp.

Lời nói là sự phát ra các âm và ghép các âm đó vào một chuỗi tạo nên một từ.

Ngôn ngữ nói là ghép các từ vào với nhau trong một chuỗi tạo nên một câu có nghĩa. Lời nói là phương tiện của ngôn ngữ nói.

### **1.3. Giao tiếp**

#### ***1.3.1. Khái niệm***

Giao tiếp được định nghĩa một cách thông thường là “Sự truyền đạt mục đích của bản thân tới người khác”.

GS.TS Nguyễn Quang Uẩn định nghĩa ‘*Giao tiếp là sự tiếp xúc tâm lý giữa người với người, thông qua đó con người trao đổi với nhau về thông tin, về cảm xúc, tri giác lẫn nhau, ảnh hưởng tác động qua lại với nhau. Hay nói khác đi giao tiếp xác lập và vận hành các mối quan hệ giữa con người với con người nhằm hiện thực hoá các quan hệ xã hội giữa chủ thể này với chủ thể khác*’.

#### **1.3.2. Sự phát triển giao tiếp của trẻ em**

##### ***Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển giao tiếp của trẻ em***

Sự phát triển về lời nói – ngôn ngữ - giao tiếp của trẻ có sự tổng hợp phức tạp giữa các yếu tố của bản thân trẻ và các yếu tố của môi trường. Với mức tối đa để xử lý các giới hạn đó, B. Buckley đã đưa ra các yếu tố đó như sau:

*<Yếu tố bên trong>*

- (1) Mong muốn được giao tiếp của trẻ
- (2) Trẻ có nhận thức về tương tác xã hội, chú ý đến xã hội và quan tâm đến xã hội
- (3) Tâm quan trọng của việc hiểu tầm quan trọng của mục đích giao tiếp của trẻ
- (4) Tâm quan trọng của cảm giác (đặc biệt là thính giác – thị giác) của trẻ
- (5) Tâm quan trọng của sự phát triển và trưởng thành về tinh thần của trẻ
- (6) Tâm quan trọng của sự phát triển và trưởng thành của toàn bộ cấu trúc của trẻ (Ví dụ, hệ thống phát âm, chính âm, thanh quản...)
- (7) Tâm quan trọng của sự phát triển nhận thức tiếp sau đó của trẻ
- (8) Tâm quan trọng của khả năng cảm giác và khả năng xử lý tâm lý để học lời nói và ngôn ngữ của trẻ

*<Yếu tố môi trường>*

(1) Môi quan hệ về tình cảm ổn định giữa trẻ và người chăm sóc rất quan trọng. Tùy thuộc vào môi quan hệ này mà việc thực hiện các động cơ và phản hồi giao tiếp được bảo đảm.

(2) Thói quen văn hóa - xã hội và để học các tương tác xã hội phù hợp, để hỗ trợ sự phát triển của các kỹ năng giao tiếp (Ví dụ như kỹ năng mở đầu giao tiếp, phản hồi, chào hỏi, đặt câu hỏi...) ở trong các văn cảnh khác nhau (ở nhà, nhà trẻ, bữa tiệc, khu mua sắm...), cơ hội tương tác xã hội với những người quen biết hoặc những người, bạn bè chưa quen biết đóng vai trò rất quan trọng.

(3) Để trẻ có thể nghe và hiểu ngôn ngữ, các cơ hội tương tác xã hội với người lớn rất quan trọng.

(4) Việc trẻ người Nói phù hợp với trình độ nhận thức hiện tại rất quan trọng.

(5) Kinh nghiệm của trẻ về việc có thể tiếp nhận các cơ hội học hỏi ngôn ngữ và các khái niệm liên tưởng rất quan trọng.

(6) Tùy vào các kinh nghiệm của trẻ, đặc biệt là thông qua vui chơi, trẻ học hỏi về thế giới bên ngoài. Để phát triển và hỗ trợ các lĩnh vực nhận thức – ngôn ngữ - hiểu biết xã hội, các cơ hội vui chơi ra bên ngoài và tiếp cận với nhiều đối tượng của thế giới (Ví dụ như động vật, sách, đồ chơi, các đồ vật sử dụng hàng ngày...) rất quan trọng.

### *1.3.3. Trẻ em học các kỹ năng giao tiếp như thế nào?*

\* Một đứa trẻ cần phải học nhiều kỹ năng khác nhau để giao tiếp. Những kỹ năng cần thiết cho sự giao tiếp, đó là:

- Kỹ năng chú ý
- Kỹ năng lắng nghe
- Kỹ năng bắt chước
- Kỹ năng luân phiên
- Kỹ năng chơi
- Cử chỉ
- Lời nói

Những kỹ năng này không phát triển độc lập với nhau mà phụ thuộc lẫn nhau. Mỗi kỹ năng theo sau từng giai đoạn phát triển của chúng.

*\* Trẻ em học những kỹ năng giao tiếp như thế nào?*

- Trẻ học giao tiếp qua việc nhận những đáp ứng của người lớn
- Trẻ học qua việc giao tiếp với người khác: Trẻ cần có ai đó để giao tiếp.
- Trẻ học qua việc thích thú giao tiếp với người khác.
- Trẻ học bằng việc nhắc lại các từ ngữ trong những tình huống có ý nghĩa khác nhau.
- Trẻ học qua việc nghe và nhìn những sự việc đang diễn ra.
- Trẻ học bằng việc trải nghiệm ngôn ngữ trong những tình huống có ý nghĩa.

#### ***1.3.3.4. Sự phát triển giao tiếp thông thường***

Theo Bates, E tùy thuộc vào sự khác nhau về mục đích, mục tiêu, ý đồ của đối phương và đặc biệt là truyền đạt có mục đích mà sự phát triển của Giao tiếp được phân chia làm 3 giai đoạn như sau.

- Giai đoạn đầu tiên của trẻ, ví dụ như sau khi sinh mấy ngày hoặc được một vài tháng, trẻ hoàn toàn chưa biết truyền đạt có mục đích và nhận thấy rằng trẻ chưa tự mình truyền đạt có mục đích được. Tuy nhiên, càng lớn dần, trẻ sẽ dần dần bắt đầu giao tiếp với người lớn. Để hiểu xem trẻ nhỏ muốn gì, người lớn để ý tới sự thay đổi màu sắc của mắt và cách biểu hiện, sự vận động của cơ thể và điệu bộ, sự lo lắng hay thư giãn, từ đó đoán được các ý nghĩa và bắt đầu nảy sinh giao tiếp – đây được gọi là “Giai đoạn truyền đạt hiệu quả tới người Nghe”.

- Mức độ giai đoạn hiệu quả tới người Nghe chính là giai đoạn chưa có phương pháp truyền đạt xó hội. “Khúc – cười – tức giận”, trẻ đều dùng

chân đạp để trực tiếp thể hiện sự thoải mái hay không thoải mái của mình. Và cớch truyền đạt trực tiếp mục đích đó của trẻ với đối phương là tạm đủ.

Ví dụ: “Giai đoạn truyền đạt hiệu quả tới người nghe” – trẻ 6 tháng tuổi

- Trẻ: Vừa nhìn cái rô, vừa hướng cơ thể theo hướng đó và tay thì mở rộng

- Người lớn: “A, con thích chơi cái này phải không?” và mang cái Xúc xắc (đồ chơi) đến trước mặt trẻ

- Trẻ: Nhìn người lớn, tiếp theo là nhìn cái Xúc xắc, tay mở rộng

- Người lớn - đưa Xúc xắc cho trẻ

- Trẻ mở rộng tay (vói tới – chạm tới) và thay đổi điệu bộ của bản thân nhưng khi cầm được Xúc xắc trong tay, trẻ có để ý đến việc người lớn vừa đưa cho mình hay khụng thờ điều đó rất khó phán đoán, cũng như là suy nghĩ rất khó về nỗ lực trẻ đưa ra các dấu hiệu của bản thân để truyền đạt tới người lớn.

- Tuy nhiên, bởi vì người lớn đó tự suy luận được rằng “Trẻ muốn lấy cái Xúc xắc” nên hành động của người lớn đó làm nảy sinh giao tiếp. Thông qua việc phản hồi lại mục đích của các hành động phi ngôn ngữ của đứa trẻ, tính mục đích trong giao tiếp của trẻ được hình thành.

- Giai đoạn tiếp theo là “Giai đoạn có mục đích”. Ở giai đoạn này, suy nghĩ của trẻ, đặc biệt là những điều hướng tới mục đích sẽ được thể hiện với người lớn. Trẻ sẽ thể hiện rừ ràng những điều cần truyền đạt với đối phương. Để làm được điều đó cần sử dụng các phương pháp có mục đích, là giai đoạn sử dụng phương pháp riêng và các phương pháp chưa hoàn thiện. Tiêu

biểu của các phương pháp này là các cử chỉ đưa, cầm hay chỉ ngón tay, hoặc là phát ra các âm ngắn như “aaa”. Mặc dù ngôn ngữ chưa được mở rộng nhưng nếu nhìn vào các hành động này, sẽ có thể hiểu được trẻ mong muốn và muốn nhận cái gì – đó là phương pháp xã hội. Mặc dù chưa truyền đạt được nội dung về “Cái gì” nhưng đó thể hiện được mục đích Thích cái gì? hay Yêu cầu cái gì?. Đây là giai đoạn phát triển của trẻ từ 9 ~ 10 tháng tuổi.

---

● Ví dụ: “Giai đoạn có mục đích” của trẻ 10 tháng tuổi

- Trẻ: Vừa nhìn mẹ, vừa ôm chai nước
  - Mẹ: “Con cho mẹ mượn à? Cảm ơn con nhé” vừa nói vừa muốn lấy chai nước
  - Trẻ: Không đưa chai nước mà kéo lại
  - Trẻ: Thả tay ra “Á à... Không được hả con?” và nhìn trẻ
  - Trẻ: Trẻ mở rộng tay trước mặt mẹ
  - Mẹ: Hướng người về phía trước - “Đây nào” - và đưa mặt đến gần trẻ
  - Trẻ: Đưa tay sờ miệng mẹ và nắm lấy đồ chơi
  - Mẹ: “Cảm ơn con” và xoay người cầm lấy đồ chơi
  - Trẻ: Đưa chai nước lòn ngang mặt và mở rộng tay
  - Mẹ: “Con muốn xin à? Đây” và đưa đồ chơi cho trẻ
- 
- Trẻ cầm đồ chơi còn mẹ không đưa – cứ như thế sẽ tiếp tục Cho và nhận. Phản hồi tương tự với các phương pháp truyền đạt cũng như bổ sung thêm các phương pháp truyền đạt riêng (như là sờ miệng), đó chính là những đặc trưng của truyền đạt có mục đích. Tuy nhiên, để xác định rõ trẻ



muốn truyền đạt điều gì, muốn nói đến cái gì thì không thể nghĩ được một cách chắc chắn. Chính vì vậy, nếu không dựa vào cả các phán đoán từ hoàn cảnh xung quanh thì nhiều trường hợp rất khó xác định.

- Cũng giống như trong các phản hồi, trẻ cảm quyền truyện tranh và kêu “a a a”. Với ý nghĩa là muốn được đọc truyện tranh cho nghe, trẻ quan sát khắp nơi và tự bản thân hướng về phía người lớn để yêu cầu được cùng đọc. Mặc dù chưa có ngôn ngữ nhưng trẻ sẽ nhanh chóng tiến đến “Giai đoạn truyền đạt mệnh đề” và thời kỳ 1 tuổi 4 tháng.

- Ví dụ: “Giai đoạn truyền đạt mệnh đề” của trẻ 1 tuổi 4 tháng

- Trẻ : (Đang nhảy trên tấm nệm lũ xo)

- Chỉ về phía sau của tủ sách và kêu lên “áp pò”

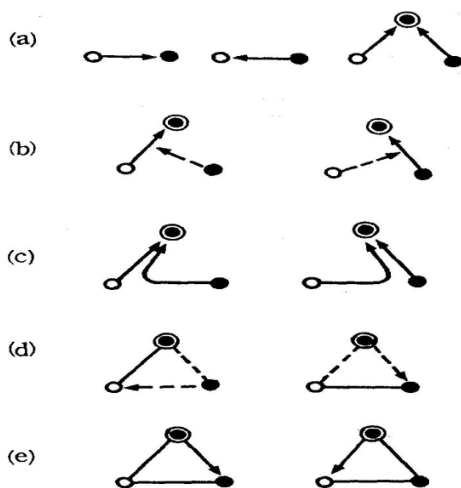
Trẻ dùng “áp pò” để chỉ một đồ vật nào đó ở trên giá sách và muốn chỉ cho người lớn biết. “áp pò” không có nghĩa nên trong thực tế, cách truyền đạt như vậy là không tốt nhưng kết cấu truyền đạt tới người lớn không thay đổi. Một nửa ý nghĩa không được hiểu nhưng người lớn đó được tiếp nhận những biểu hiện về âm thanh, chuyển đổi về các ngôn ngữ thông thường nên việc truyền đạt vẫn thành công. Cuối cùng, tiếp nhận ngôn ngữ chính là mở rộng vốn từ nhằm thể hiện rừ ràng mệnh đề và mục đích truyền đạt. Hướng tới mục tiêu đó, từ giai đoạn truyền đạt có mục đích, người lớn phải yêu cầu trẻ thể hiện rừ mục đích của mớnh, bổ sung một nửa õm thanh cũn thiếu mà đó được người lớn hiểu và chuyển đổi, hướng dẫn trẻ hướng tới thế giới của ngôn ngữ.

Giao tiếp nảy sinh và diễn tiến trong quá trình phát triển của mỗi con người. Ngay cả khi còn ở trong bụng mẹ, trẻ cũng đã có thể bắt đầu giao tiếp với người mẹ. Có không ít các bài nghiên cứu chỉ ra rằng có sự phản ứng của đứa trẻ đối với nhịp tim và giọng nói của người mẹ. Với con người, giao tiếp sản sinh chính là cách để con người phát triển không ngừng tính chủ thể của mình. Giao tiếp không chỉ dừng lại ở chức năng truyền đạt của ngôn ngữ, (chức năng giao lưu) “thay đổi” mà ở thời kỳ trẻ sơ sinh, điều này còn được thể hiện ở việc thể hiện các nhu cầu sinh lý gắn với việc phát ra âm thanh như tiếng khóc, tiếng cười; hay như ở thời kỳ sau thời kỳ trẻ nhỏ, thể hiện ở các âm thanh của tiếng nói bập bẹ, hành động chỉ tay đi kèm với các biểu hiện tình cảm như làm nũng, bất an, thích thú, thể hiện trong cảm xúc và các hành vi. Giao tiếp được phát triển không chỉ thông qua ngôn ngữ như vậy mà còn thông qua việc cho và nhận cảm xúc và tình cảm với nhau. Từ việc phát triển thông thường, ở những thời điểm và không gian mà việc cùng chia sẻ khoảng cách trong thế giới (khung cảnh) giữa mọi người với nhau mới trở nên có ý nghĩa.

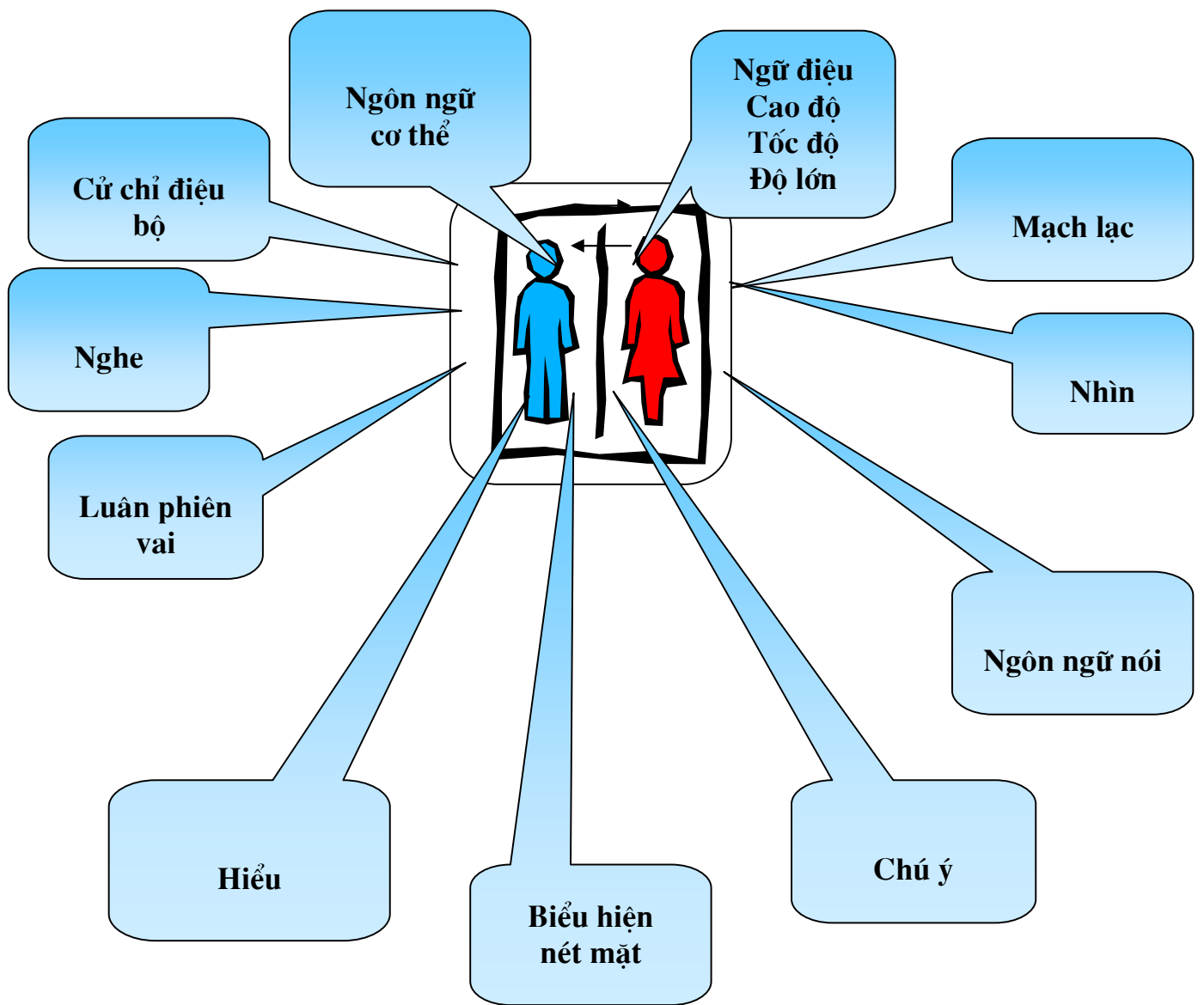
Trong các nghiên cứu về phát triển giao tiếp, chú trọng nhiều đến đối tượng nghiên cứu là nội dung và hình thức truyền đạt tới đối phương, tuy nhiên trong cùng một khung cảnh, việc phát triển giao tiếp không chỉ dừng lại ở đó. Các nghiên cứu về phát triển giao tiếp cho thấy chủ thể phát triển có thể làm đối tượng, đồng thời lấy thế giới chung với đối phương làm nền tảng cho đối tượng “thay đổi” (giao lưu), từ đó hướng tới đối tượng phát triển của mối quan hệ với con người (bao gồm các mối quan hệ hai chiều, ba chiều).

Cho dù có dựa trên các nghiên cứu về sự phát triển giao tiếp của thời kỳ tiếp nhận ngôn ngữ nói cũng như các nghiên cứu phát triển về nhận thức thì cần phải thể hiện được cách suy nghĩ về các vấn đề một cách có hệ thống

giữa cả hai đối tượng “con người” và “đồ vật”, mà đã được đặt ra từ niên đại những năm 70 (J.S.Bruner và A.Garton, 1978). Ở đây, mối quan hệ giữa đối tượng “con người” và đối tượng “đồ vật” được thống nhất với “Mối quan hệ ba chiều”, là những điểm lưu ý quan trọng của các chẩn đoán phát triển; đây cũng là chủ trương của Tanaka Nasato - chuyên gia tư vấn phát triển của thành phố Otsu (Tanaka Nasato, 1978). Biểu hiện của “Mối quan hệ ba chiều” chính là khái niệm đã được nói tới của quá trình tiếp nhận ngôn ngữ với các gợi ý được thuyết minh rõ ràng về quan điểm thống nhất giữa mối quan hệ tương tác với đồ vật và mối quan hệ tương tác với con người. Theo quan điểm của Tanaka, từ khi sinh cho đến lúc 9 tháng tuổi, trẻ bắt đầu nảy sinh hướng tới “Người thứ 3” và đến 18 tháng tuổi thì trẻ đã có thể hoàn thiện mối quan hệ cùng chia sẻ với người thứ 3 (Mối quan hệ ba chiều)



Sơ đồ 1. Mô hình hình thành Mối quan hệ ba chiều



## Phương tiện

(Chúng ta giao tiếp như thế nào?)

nói  
ký hiệu  
biểu tượng  
cử chỉ điệu bộ  
ngôn ngữ cơ thể  
biểu lộ  
chỉ  
đồ vật

## Lý do

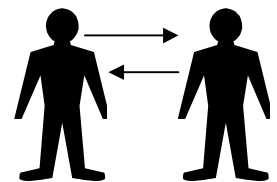
(Tại sao chúng ta giao tiếp)

gây chú ý  
chào hỏi  
muốn/cần  
đề nghị thông tin  
đưa thông tin  
từ chối/phản đối  
cảm xúc  
lựa chọn  
sở thích  
đàm phán  
trao đổi kế hoạch

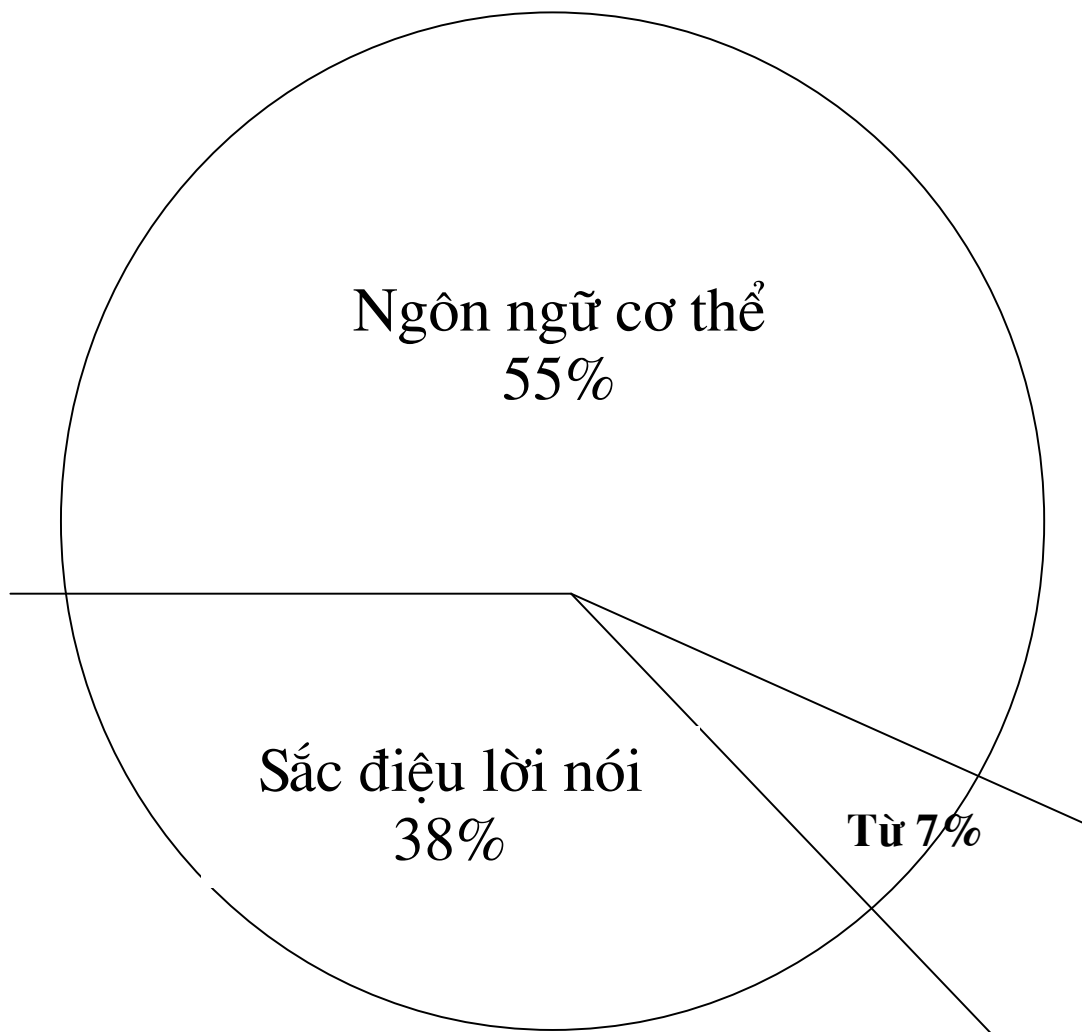
## Cơ hội

(Chúng ta giao tiếp ở đâu, khi nào và với ai?)

gia đình  
bạn bè  
nhà chức trách  
cộng đồng  
điện thoại, thư, thư điện tử  
nơi: nhà, xã hội  
ngôn ngữ được chia sẻ  
sở thích được chia sẻ



- Không có **phương tiện** giao tiếp, bạn không thể tự diễn đạt
- Không có **lý do** giao tiếp tức là không cần thiết phải giao tiếp
- Không có **cơ hội**, có thể không có giao tiếp.



Nguồn: British Journal of Social and Clinical Psychology Vol 9,1970,pp222-31

## 2. Đặc điểm phát triển ngôn ngữ, giao tiếp của trẻ tự kỉ (ASD)

### 2.1. Đặc điểm ngôn ngữ của trẻ

Ngôn ngữ và Giao tiếp là những vấn đề cơ bản của hầu hết trẻ có RLPTK. Vấn đề trong giao tiếp có thể được biểu hiện như chậm hoặc hoàn toàn không có ngôn ngữ nói (không đi kèm với nỗ lực sử dụng các phương pháp giao tiếp thay thế, ví dụ như cử chỉ). Những cá nhân nói được thì lại gặp khó khăn trong việc bắt đầu và duy trì cuộc hội thoại (thường chỉ nói chuyện theo cách rất hạn chế, ví dụ như đòi vật gì đó bằng cách gọi tên vật, phản đối bằng cách nói "không" nhưng lại không đưa ra các dạng giao tiếp qua lại), mắc **chứng nhại lời- echolalia** (chỉ nhại lại đúng những gì chúng vừa nghe được một cách vô nghĩa). Ví dụ, khi người khác hỏi: “Con có muốn uống nước không?”, thay vì trả lời một câu có nghĩa, các trẻ này thường trả lời bằng cách lặp lại đúng câu hỏi vừa rồi. Ngoài ra, chúng thường nhại lại một bài hát nào đó hoặc một đoạn quảng cáo. Giọng của chúng thường cao một cách bất bình thường và không có khả năng hiểu những câu hỏi, các chỉ dẫn hay những câu chuyện cười đơn giản. Đồng thời, chúng thiếu các kỹ năng bắt chước xã hội, thiếu những kỹ năng đa dạng để tạo lòng tin.

Trẻ thường có biểu hiện sau:

- Không chỉ hoặc không nhìn theo tay chỉ
- Dùng tay đẩy người lớn để lấy đồ vật yêu thích hoặc tự lấy nó.
- Nói một cách đều đều, đơn điệu
- Lặp lại những gì mà trẻ nghe được trên tivi.
- Nói quá to hoặc quá nhỏ

- Không khởi xướng sự tương tác
- Nhìn chăm chăm vào người khác khi nói chuyện
- Kém giao tiếp mắt – mắt; ví dụ nhìn sai thời điểm, nhìn đi hướng khác.

- Đòi hỏi sự chú ý
- Lời nói quá chính xác và có vẻ mô phạm
- Diễn giải lời nói một cách văn học
- Ngữ điệu khác thường ví dụ: giọng nước ngoài
- Tiếp xúc không phù hợp, ví dụ đẩy ra để nói ‘xin chào’
- Hiểu tốt hơn nếu có sự gắn kết qua thị giác.
- Lặp đi lặp lại một câu hỏi
- Có vấn đề về biểu lộ nét mặt (của chính mình và của người khác)
- Làm ồn nhưng không nói thành từ
- Có thể gọi tên các đồ vật nhưng không sử dụng từ vựng để trò chuyện

- Dường như chỉ nghe một phần những gì người ta nói

## **2.2. Đặc điểm phát triển giao tiếp của trẻ ASD**

Trẻ ASD sẽ thường có khó khăn trong việc hiểu và học về các lí do giao tiếp. Sự giao tiếp của trẻ có thể theo các giai đoạn giao tiếp sau:

### **1- Theo đuổi mối quan tâm của bản thân**

- Thường chọn những thứ thuộc về mình; có thể mỉm cười, cười, phát âm với chính bản thân mình nhưng không thường giao tiếp có mục đích với



người khác. Có thể hét để thể hiện nỗi buồn.

- Có thể thể hiện rất ít sự thích thú với con người hơn với các đồ vật và chơi bất thường. Sự hiểu biết sớm về một số từ đang phát triển nhưng sự tương tác rất hạn chế, đặc biệt với trẻ khác.

## **2- Đòi hỏi cho nhu cầu và mong muốn**

- Có thể nhại lời vài từ trong khi chơi; những trẻ này thường tự nói, không nói với những người khác và không sử dụng thông tin trong giao tiếp. Một số trẻ này nhại lời sớm trở thành một phần của lịch trình ví dụ chào hỏi.

*H thường với tới đồ vật mong muốn, đôi khi truyền đạt nhu cầu bằng cách vỗ vào người lớn, chỉ bằng tay, cầm tay người lớn để vào đồ vật mong muốn, tạo ra âm thanh hoặc chuyển động một phần cơ thể*

*M chơi một mình nhưng đang phát triển giai đoạn tương tác như chơi luân phiên đơn giản (vd, chơi đuổi bắt).*

## **3- Phát triển kĩ năng luân phiên**

- H giao tiếp với mọi người mà bé biết (thường là với người lớn) trong gia đình, sử dụng những từ quen thuộc.

- Lịch trình và trò chơi xã hội đơn giản có thể được lồng ghép trong trò chơi luân phiên. Hiểu các từ và theo lớn hướng dẫn đơn giản.

## **4-Mở rộng đối tượng giao tiếp**

Tham gia vào hội thoại với người lớn cho các mục đích khác nhau: gây chú ý, chào hỏi, đòi hỏi nhu cầu, yêu cầu, phản đối, lựa chọn, kể...

Bắt đầu giao tiếp về các sự kiện bên ngoài “đây và bây giờ”, ví dụ quá khứ/ tương lai, cảm xúc, cùng chơi giả vờ.... M diễn giải thông tin một cách trôi chảy và không thể nhận thức các nhu cầu khác của những người mà họ giao tiếp với.

### **5- Trở thành đối tượng giao tiếp**

Nhận ra các lí do giao tiếp khác nhau. Trẻ có thể sử dụng các từ để diễn đạt cảm xúc, thương lượng, dự đoán. Nhận thức về nhu cầu và kĩ năng của những người giao tiếp đang mở rộng và họ có thể điều chỉnh ngôn ngữ để phù hợp với các tình huống khác nhau, ví dụ thân mật với bạn bè hơn với người lạ.

### **Các điểm mạnh của trẻ ASD**

*Trẻ ASD có thể thể hiện một số điểm mạnh sau:*

- Nhận ra chữ cái và số sớm
- Nhận ra màu sắc và hình dạng tốt
- Giỏi về phân loại hình và xếp hình
- Giỏi về kĩ thuật và kĩ năng máy móc, vd, làm video

*Một số trẻ ASD có thể giỏi những vấn đề sau:*

- Nói rõ ràng và trôi chảy
- Sử dụng câu phức tạp, dài
- Bắt chước và sao chép
- Học từ mới (đặc biệt liên quan tới mối quan tâm cụ thể của trẻ)
- Học vẹt ví dụ chuỗi số

- Nhớ những đồ vật mà chúng thích, vd video, sách, xếp hình, thời gian biểu

- học đọc (mặc dù không hiểu)

- học quy tắc và lịch trình, vd thời khóa biểu ở trường (cấu trúc trường học thường phù hợp với trẻ)

- Duy trì các quy tắc trường học

- Sử dụng máy tính và chơi game

- Các kĩ năng nghệ thuật, đặc biệt vẽ kĩ thuật và nhớ các mẫu thiết kế.

Điểm khác biệt trong giao tiếp của trẻ ASD

*Các vấn đề về chú ý*

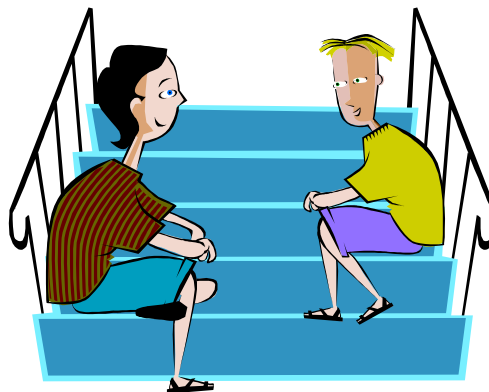
- Khó chia sẻ sự chú ý

*Các vấn đề về hiểu ngôn ngữ*

- Có vấn đề trong xử lí ngôn ngữ: Quá nhiều từ, Lời nói quá nhanh, Quá nhiều ý một lúc.

- Các vấn đề về trí nhớ: Nhớ vẹt tốt nhưng khó khăn khi nhớ ý nghĩa

- Thất bại trong khái quát ý nghĩa: Có thể hiểu từ trong một tình huống nhưng không hiểu ở tình huống khác



### *Các vấn đề về diễn đạt ngôn ngữ*

- + Khó khăn trong luân phiên
- + Khó khăn khi trao đổi về bất cứ điều gì khác ngay lập tức
- + Khó diễn đạt cảm xúc
- + khó khăn với cử chỉ, nét mặt hoặc những gì tương tự
- + Không nhìn vào điểm chính khi “trò chuyện”



\*\*\*\*\*

### **III. TÌM HIỂU KỸ NĂNG NGÔN NGỮ VÀ GIAO TIẾP CỦA TRẺ RLPTK**

Như trên đã nói, kỹ năng giao tiếp, ngôn ngữ đề cập đến 3 vấn đề chính là giao tiếp, ngôn ngữ, lời nói. Việc đánh giá kỹ năng giao tiếp và ngôn ngữ của trẻ nhỏ sẽ xét trên cả ngôn ngữ tiếp nhận và ngôn ngữ biểu đạt.

Khi kỹ năng giao tiếp bị khiếm khuyết hay chậm phát triển, khi đánh giá cần chú ý đến ý định giao tiếp của trẻ, có nghĩa là họ tập trung vào những cái mà trẻ cố gắng trao đổi, những ý định giao tiếp của trẻ qua cử chỉ điệu bộ, ánh mắt, phát âm...

Đánh giá kỹ năng giao tiếp và ngôn ngữ của trẻ có RLPTK nên lưu ý các mặt sau:

- Chức năng của giao tiếp: (điều chỉnh, bình luận, tương tác xã hội)
- Phương tiện giao tiếp: trẻ sử dụng những phương tiện giao tiếp nào.
- Đánh giá mặt ngữ dụng trong ngôn ngữ nói (Chức năng giao tiếp, Điều khiển cuộc hội thoại, Sự linh hoạt trong sử dụng các hình thức ngôn ngữ, Tổng hợp thông tin, Phong cách hội thoại).Lỗi phát âm tiếng Việt thường ở 3 phần: phụ âm đầu, phần vần và thanh điệu. Để đánh giá phát âm của trẻ, có thể dùng 2 cách chính: *nói chuyện tự nhiên với trẻ hoặc sử dụng bộ từ thử và câu mẫu.*

### CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân biệt các khái niệm ngôn ngữ, giao tiếp, lời nói.
2. Trình bày ý nghĩa của ngôn ngữ cơ thể đối với trẻ tự kỉ.
3. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển ngôn ngữ, giao tiếp của trẻ.
4. Phân tích đặc điểm ngôn ngữ, giao tiếp của trẻ tự kỉ.
5. Tìm hiểu mức độ phát triển ngôn ngữ, giao tiếp của một trẻ tự kỉ.

## **BÀI 2. BIỆN PHÁP, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ VÀ GIAO TIẾP CHO TRẺ TỰ KỶ**

### **I. Nội dung phát triển ngôn ngữ, giao tiếp cho trẻ ASD**

#### ***1. Đối với trẻ chưa nói được***

a. Phát triển kỹ năng tập trung chú ý: chú ý vào người và vật, cùng chú ý tới đối tượng thứ 3 hoặc chia sẻ sự chú ý là những kỹ năng quan trọng cần dạy trẻ.

b. *Kỹ năng tham gia trò chơi*: Bé có thể tham gia vào “hội thoại” tốt trước khi bé có thể dùng từ ngữ. Để được như vậy, bé phải chú ý vào việc người khác làm, và chú ý vào trò chơi. Khi trẻ lớn lên, trẻ sẽ sử dụng kỹ năng chơi để khám phá những sự vật xung quanh và những thứ mà trẻ muốn giao tiếp.

c. *Sự luân phiên*: Đàm thoại là một quá trình 2 chiều: lắng nghe và chờ đợi tham gia để nói. Thời kỳ bé thơ là một thời kỳ lý tưởng để bé bắt đầu học cách luân phiên với âm thanh hay hành động trong các trò chơi đơn giản. Trẻ lớn hơn nhưng chưa nói được cũng có thể được lợi ích to lớn trên qua thực hành sự luân phiên.

d. *Bắt chước*: Trò chơi bắt chước góp phần to lớn trong việc học những âm thanh mới, từ những âm thanh này sẽ thành từ sau này. Phần lớn các em bé thích thú bắt chước, bé chỉ mới có vài ngày tuổi nhưng đã quan sát và bắt chước những biểu hiện trên gương mặt của mẹ. Hoạt động bắt chước không nên giới hạn là bắt chước âm thanh, hành động cũng có thể bắt chước được.

e. *Sử dụng âm thanh và điệu bộ cho những mục đích khác nhau*: trẻ cần học để biết rằng những âm thanh và cử chỉ mà trẻ làm có thể ảnh hưởng đến hành vi của người xung quanh, điều này giúp trẻ kiểm soát được môi trường.

Âm thanh và cử chỉ có thể được sử dụng để “chào” hay “tạm biệt”, để đòi hỏi các vật ngoài tầm tay của trẻ, đòi hỏi sự giúp đỡ, chia sẻ thông tin, để bỏ thức ăn, đồ chơi... mà trẻ không thích.

*f. Sự hiểu biết:* Trẻ chưa biết nói có thể hiểu những từ mô tả con người, đồ vật, hành động, hiện tượng chung quanh.

## **2. Đối với trẻ đã biết nói**

Những vấn đề mô tả ở phần trên cũng rất quan trọng cho trẻ đang học nói. Ở đây trẻ đang học cách luân phiên với từ ngữ, hành động và âm thanh. Bất chước là cách chủ yếu để học từ mới. Dần dần trẻ sẽ sử dụng từ ngữ nhiều hơn cử chỉ điệu bộ hay âm thanh để biểu lộ những nhu cầu xã hội, tình cảm hoặc vật chất.

Một số lĩnh vực khác cũng trở nên quan trọng trong giai đoạn này

### **a. Diễn tả các ý nghĩa khác nhau**

Trẻ không chỉ cần hiểu từ vựng. Chắc chắn chúng ta muốn trẻ học nhiều từ, nhưng chúng ta cần phải chắc chắn rằng trẻ có thể dùng những từ đó để nói về nhiều việc khác nhau. Trẻ có thể biết 50 từ, nhưng các từ này đều là những từ gọi tên như xe, ba, nhà, táo...thì trẻ không thể nói về các vật này là gì? đang làm gì?, trông như thế nào?... Trẻ không có khả năng kết hợp các từ này thành một câu có ý nghĩa.

### **b. Sử dụng văn phạm**

Trẻ có thể giao tiếp ở một mức độ nào đó nhưng văn phạm chưa hoàn chỉnh. Do đó chúng ta chưa quan tâm đến văn phạm cho đến khi trẻ có thể nói chuyện tốt theo hướng này. Nhưng nếu trẻ diễn đạt gần như người bình

thường khác, và cần diễn tả những nghĩa phức tạp hơn thì trẻ cần được học về kỹ năng văn phạm.

### *c. Phát âm rõ ràng*

Sử dụng giọng nói hay phát âm là điều khó khăn cho trẻ Tự Kỉ, ngay cả khi các kỹ năng khác của trẻ rất tốt.

### *d. Khởi đầu và tham gia hội thoại*

Kỹ năng giao tiếp chín muồi khi có sự cân bằng giữa nói và phản ứng với những gì người khác nói. Trẻ biết luân phiên tốt là trẻ nắm được sự cân bằng mà không cần sự giúp đỡ đặc biệt. Nhưng đôi khi sự cân bằng không phát triển tự nhiên. Có trẻ nói nhiều về các vấn đề trẻ thích thú, nhưng không nghe người khác nói. Và có trẻ chỉ nói được khi người khác hỏi tới, rất ít khi bắt đầu câu chuyện. Hai loại trên đây không là cuộc hội thoại thực sự và có hiệu quả, và như thế đặt ra cho ta những vấn đề phải dạy cho trẻ.

## **II. Phương pháp phát triển các kỹ năng giao tiếp cho trẻ tự kỉ**

### *1. Phát triển kỹ năng chú ý và lắng nghe*

\* Mục đích, ý nghĩa:

Trẻ có thể nghe tốt nhưng nếu chúng không có khả năng lắng nghe và tập trung chú ý, chúng sẽ khó nhớ và hiểu những điều mà người khác nói với trẻ.

*Các hoạt động và chiến lược chung để phát triển sự chú ý và kỹ năng lắng nghe*

- Làm việc với trẻ trong môi trường yên tĩnh, ít sự xao lãng, để cho phép trẻ tập trung vào hoạt động hiện tại.



- Bắt đầu công việc với trẻ một cách từ từ trong môi trường bình thường của chúng vì điều này cho phép trẻ dần điều chỉnh sự xao lãng hiện tại một cách bình thường và bắt đầu tập trung vào hoạt động.

- Đảm bảo rằng các hoạt động vừa thú vị vừa phù hợp với sự phát triển của trẻ.

- Để thu hút sự chú ý của trẻ, luôn luôn chỉ đích danh trẻ bằng cách gọi tên khi chúng có sự phản ứng, khuyến khích sự liên lạc bằng mắt với người nói.

- Cố gắng thiết lập sự chia sẻ chú ý tới mối quan tâm chung bất cứ khi nào có thể.

- Khuyến khích trẻ theo tia mắt của bạn hoặc chú ý khi bạn chỉ vào sự vật, ví dụ xem sách và khám phá các đồ vật và các hoạt động cùng nhau sẽ khuyến khích sự chia sẻ mối quan tâm chung.

- Kết hợp yêu cầu bằng lời “hãy nhìn” với việc chỉ vào sự vật một cách rõ ràng.

- Tạo cơ hội tối đa để hướng dẫn cho trẻ xử lý, hoàn thành một nhiệm vụ. Đừng lúc nào cũng giúp trẻ hoàn thành nhiệm vụ. Thay vào đó bạn có thể xây dựng sự hướng dẫn ví dụ, bằng việc tháo các mảnh ghép hình ra và chỉ vào mảnh mà bạn muốn chúng chọn và nói “Mảnh ghép này sẽ vào đâu?”.

- Đảm bảo khuyến khích trẻ khi trẻ có câu trả lời phù hợp.

- Sử dụng sự hướng dẫn đơn giản hoặc đồ chơi bị khuyết bộ phận để minh họa “phần nào còn thiếu?”.

- Chọn những hoạt động dễ hoàn thành để sự hướng dẫn của bạn là cần thiết. Sử dụng ngôn ngữ mẫu như “nhìn này, nó ra đây”, hoặc “giờ đến mảnh này”.

- Trẻ sẽ nhận được lợi ích từ trò chơi “làm con mèo”, chúng phải bắt chước các hoạt động mẫu của người lớn. Khuyến khích trẻ bắt chước hành động của bạn, luôn kèm theo sự hướng dẫn bằng lời, ví dụ “vỗ tay, vỗ vào chân mình”, v..v...

- Khuyến khích trẻ tham gia những bài hát có vận động và vận động các ngón tay.

- Chú ý khi trẻ sử dụng tương tác mắt luân phiên hơn. Cùng cố điều này bằng cách nhắc lại hoạt động đó bất cứ khi nào có thể.

- Ngôn ngữ rõ ràng, đơn giản. Đảm bảo trẻ chú ý vào bạn bằng cách nói: “P, hãy nhìn cô và lắng nghe”.

- Trẻ sẽ cần chơi các trò chơi để phát triển các kỹ năng luân phiên. Các câu chuyện và sách tương tác có thể được sử dụng để luân phiên nhắc lên... Luân phiên chơi nhạc cụ sẽ giúp phát triển kỹ năng luân phiên.

\* Đối với nhiều trẻ, hoạt động này bắt đầu bằng tương tác 1-1 giữa GV và trẻ trước khi chuyển sang chơi nhóm nhỏ. Chơi nhóm nhỏ rất quan trọng để bạn theo dõi mức độ chú ý của những trẻ khác và bạn có thể đưa ra các hoạt động khác nhau một cách phù hợp.

### ***Các chiến lược phát triển kỹ năng chú ý***

#### **Giai đoạn 1: Trong suốt năm đầu cuộc đời**

Hoàn toàn dễ xao lãng – sự chú ý của trẻ được giữ trong chốc lát và bị phân tán bởi bất cứ sự kích thích trội hơn.

*Các chiến lược:*

Mục đích là để thu hút và duy trì sự chú ý của trẻ tới người, vật và sự kiện trong môi trường xung quanh trẻ.

- Khuyến khích tương tác mắt tốt bằng việc thu hút sự chú ý tới mắt bạn – bất cứ cái gì để thu hút sự chú ý của trẻ vào khuôn mặt bạn.

- Sử dụng tên của trẻ một cách thường xuyên nhưng có chủ đích.

- Các kích thích thị giác và kí hiệu có thể được sử dụng để duy trì sự chú ý và sự hiểu.

Giai đoạn 2 – Năm thứ hai

Sự chú ý ổn định và thiếu linh hoạt – trẻ có thể tập trung trong một thời gian vào nhiệm vụ hoặc vào điều gì trẻ thích, nhưng không thể chấp nhận bất cứ sự can thiệp nào của người lớn. Mức độ chú ý tốt nhất là vào hoạt động mà trẻ lựa chọn.

*Các chiến lược:*

\* Mục đích là để giúp trẻ thoải mái với sự có mặt và sự tham gia của người lớn vào 1 HĐ

- Trước hết ngồi với trẻ và xem trẻ.

- Sau đó ngồi bên cạnh và chơi cạnh trẻ.

- Khi trẻ có thể thoải mái với người lớn và bắt đầu bắt chước người lớn, điều chỉnh chút ít trò chơi của trẻ ví dụ, đưa mẫu ghép hình cho trẻ hoặc thêm 1 viên gạch.

Dần dần kết hợp các hành động với sự hướng dẫn bằng lời, ví dụ “Viên gạch đi lên trên cùng”.

### Giai đoạn 3 – Năm thứ ba

Sự chú ý đơn kênh, nhưng trở nên linh hoạt hơn. Với sự giúp đỡ của người lớn có thể tập trung chú ý. Trẻ có thể di chuyển từ nhiệm vụ của trẻ tới sự chỉ dẫn của người lớn, và ngược lại.

#### *Các chiến lược*

Mục đích: để thiết lập sự kiểm soát của bản thân trẻ tập trung chú ý. Một số hoạt động này phù hợp cho nhóm nhỏ.

- Giới thiệu cho trẻ tài liệu hoạt động và cho phép 1 vài phút để chơi khám phá. Trước khi đưa ra bất cứ sự hướng dẫn bằng lời nào, đảm bảo rằng trẻ vẫn ngồi và không chán đồ chơi rồi gọi tên trẻ, thiết lập tương tác mắt mắt và đưa ra lời hướng dẫn đơn giản, ngắn gọn, ví dụ, yêu cầu trẻ vẽ lại các hình lên tờ giấy.

- Bước tiếp theo để đạt sự chú ý của trẻ trong khi trẻ đang hoạt động. Gọi tên trẻ, nói “nhìn này”, “hãy lắng nghe” nhưng không đưa ra bất cứ một sự hướng dẫn nào đến khi bạn thiết lập được sự tương tác bằng mắt.

- Giảm dần số lượng các hành động cảnh báo cần thiết đến khi trẻ có thể nhìn lên và lắng nghe khi được gọi tên.

### Giai đoạn 4: Năm thứ tư

Vẫn đơn kênh tới một nhiệm vụ nhưng trẻ có thể di chuyển nó một cách luân phiên. Sự di chuyển dần dần tới giai đoạn mà trẻ chỉ cần nhìn vào người nói nếu sự hướng dẫn khó hiểu.

#### *Các chiến lược:*

Mục đích: để bắt đầu kỹ năng di chuyển sự chú ý tới nhóm hoặc cả lớp. Dạy trẻ lắng nghe và tiếp thu những điều bạn nói một cách chậm rãi mà

không ngừng việc trẻ đang làm bằng những bước sau:

- Báo cho trẻ biết sự có mặt của bạn trong khi trẻ đang làm một hoạt động, ví dụ ghép hình, bằng cách gọi tên trẻ và đưa ra lời hướng dẫn ngắn gọn.

- Đứng cạnh trẻ không nói cho đến khi trẻ nhận ra bạn và sau đó đưa ra sự hướng dẫn.

- Nếu trẻ nhìn lên bạn, khuyến khích trẻ tiếp tục hoạt động của mình với một lời nhận xét như “đừng nhìn lên, rất tốt”.

- Đôi khi đứng đằng sau trẻ, trong khi bình luận/ gợi ý về các hoạt động của trẻ. Vì vậy, trẻ không thể nhìn bạn mà không quay sang phải.

Giai đoạn 5. Sự chú ý hai kênh, trẻ giờ đây có khả năng chú ý tới hướng dẫn bằng lời trong mối liên hệ với nhiệm vụ, không nhìn vào người lớn. Sự chú ý có thể chỉ duy trì trong thời gian ngắn.

#### *Các chiến lược*

Mục đích: để tăng sự mở rộng sự chú ý và tiếp tục di chuyển tới tình huống lớp học.

- Trẻ có thể làm việc bên cạnh trẻ khác cũng đang làm hoạt động tương tự.

- Tăng sự chịu đựng của trẻ bằng việc cho trẻ vào nhóm nhỏ các trẻ có cùng mức độ chú ý.

#### Giai đoạn 6.

Mức độ chín muồi ở độ tuổi đến trường, sự chú ý được thiết lập và duy trì tốt.

## **2. Phát triển kỹ năng bắt chước và lần lượt**

▶ Bắt chước là việc lặp lại gần giống hoặc giống hệt âm thanh và

hành động của người khác. Bắt đầu từ khi mẹ lặp lại hành động và âm thanh của trẻ và đến lượt mình, trẻ lặp lại hành động và âm thanh của mẹ

▶ Luân phiên là sự tiếp nối lần lượt và tương đương nhau của hai hoặc nhiều người. Bắt đầu từ khi trẻ khóc và mẹ tới dỗ.

▶ Bao gồm:

- Cử động nét mặt
- Hành động
- Hoạt động với đồ vật
- Âm thanh
- Từ

*Tại sao lại quan trọng?*

Giao tiếp là quá trình diễn ra giữa hai hay nhiều người và cần có sự lần lượt.

*Các hoạt động*

- Đặt mẫu xếp hình vào bảng xếp hình
- hỏi và trả lời câu đố.
- Xâu hạt
- Xây tháp
- Làm những công việc nhà
- Bắt chước lời nói

### **3. Phát triển kĩ năng tương tác mắt**

#### **▶ *Tại sao lại quan trọng?***

Đây là một phần quan trọng trong giao tiếp; nó là một kĩ năng xã hội để thể hiện rằng trẻ đang lắng nghe và thích thú với những gì người khác đang nói hoặc làm.

#### **▶ *Có thể giúp trẻ như thế nào?***

- Đảm bảo trẻ đang nhìn bạn khi bạn nói với chúng.
- Trong khi chơi, cầm búp bê/ đồ chơi lên ngang tầm mắt của bạn để trẻ nhìn bạn khi bạn nói về búp bê.
- Chơi trò “ú òa”
- Cùng nhìn vào mặt nhau trong gương

### **4. Phát triển kĩ năng chơi**

#### **\* Mục đích, ý nghĩa**

Thông qua chơi, trẻ có thể phát triển những kĩ năng mới và luyện tập những kĩ năng đã được hình thành. Chơi là một lĩnh vực phát triển đóng vai trò quan trọng trong việc học ngôn ngữ. Chơi giúp trẻ phát triển những kĩ năng cần thiết cho sự phát triển ngôn ngữ như: lắng nghe, quan sát, bắt chước, hình thành khái niệm, cấu tạo (từ), và tư duy biểu tượng.

#### **\* *Chiến lược***

#### ***Cung cấp và hướng dẫn trẻ chơi các thể loại trò chơi***

Tuy được chia thành nhiều thể loại khác nhau song những thể loại trò chơi mô tả dưới đây thực tế không tồn tại tách biệt mà có mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau.

1. **Trò chơi khám phá:** Hầu hết trẻ em có trí tò mò bẩm sinh về bản thân và thế giới xung quanh. Trẻ nhận thấy có những vật thể và con người tồn tại bên ngoài bản thân mình. Chính sự khám phá đã cho trẻ các phương tiện để tìm hiểu các phẩm chất và tổ chức của những thực thể khác. Sự khám phá đòi hỏi phải có sự kết hợp giữa các kỹ năng vận động, nhận thức và hiểu biết.

2. **Trò chơi thể chất:** Là trò chơi chứa đựng sự phát triển và cải tiến các kỹ năng vận động thô như ngồi, chạy và giữ thăng bằng. Trò chơi này bao gồm khả năng bắt chước, phối hợp và vận động.

3. **Trò chơi xây dựng:** Là trò chơi có sự tham gia của các kỹ năng vận động và cảm xúc vào một hoạt động mà kết quả là một sản phẩm, ví dụ: dùng gạch xây tháp. Trò chơi này cũng đòi hỏi sự tham gia của các quá trình tư duy như trí nhớ, sự lưu trữ và phục hồi thông tin; khả năng biến những chất liệu sẵn có thành những mô hình thực tế .

4. **Trò chơi tưởng tượng :** Thể loại trò chơi này chủ yếu sử dụng những đồ vật hoặc cử chỉ nào đó để đại diện cho những đồ vật hoặc sự kiện khác ẩn sau nó. Đặc trưng của thể loại này là các hoạt động đóng giả và đóng vai. Các kỹ năng bắt chước, vận động, cảm giác và nhận thức là trung tâm trong sự phát triển của thể loại trò chơi này.

5. **Trò chơi xã hội:** Là trò chơi trong đó trẻ có thể chơi một mình hoặc cùng với người lớn hoặc những trẻ khác. Phối hợp hành động là yếu tố chủ chốt trong trò chơi xã hội. Nó liên quan tới chu trình 2 chiều cho và nhận giữa những người chơi. Trẻ cần phải hiểu thế nào là sự chia sẻ và thế nào là thứ tự luân phiên.



6. **Trò chơi có luật chơi:** Để tham gia vào thể loại trò chơi này, trẻ phải có những kỹ năng cần có của trò chơi cũng như có khả năng tuân theo các luật chơi đã được đề ra. Trẻ phải biết cách chơi chung và theo thứ tự luân phiên trước khi có thể tham gia những trò chơi thuộc thể loại này.

Khi chuẩn bị chơi với trẻ, hãy nghĩ về những câu hỏi sau:

- Bạn sắp thực hiện những hoạt động nào và tại sao?
- Bạn đã có mọi thứ đồ chơi/thiết bị mà bạn cần chưa?
- Nơi bạn sẽ chơi cùng trẻ có phải là một nơi yên tĩnh, thư giãn và không có sự sao lãng không?

Những việc nên làm khi chơi với trẻ.

- Hãy lựa chọn các hoạt động phù hợp với mức độ phát triển của trẻ.
- Hãy linh hoạt trong cách tiếp cận của bạn. Khi một cái gì đó hấp dẫn trẻ, hãy theo sự dẫn đường của trẻ. Bạn không thể bắt trẻ thích thú với những gì mà bạn chọn.
- Hãy ngợi khen và khuyến khích trẻ khi trẻ cố gắng. Chơi không phải là một bài kiểm tra để trẻ phải vượt qua hay thất bại. Điều quan trọng là phải ngợi khen những cố gắng mà trẻ đã làm.
- Hãy cố gắng giữ bình tĩnh và không bị sao lãng trong suốt thời gian bạn ở bên trẻ.
- Hãy khuyến khích trẻ tham gia vào nhiều hoạt động chơi khác nhau. Đừng nên chỉ tập trung vào một loại trò chơi nào đó.
- Trước khi chơi với trẻ, hãy đảm bảo chắc chắn là trẻ tỉnh táo và ngồi ở một vị trí thoải mái trong đó trẻ được tự do dùng tay của mình.

- Hãy cho trẻ thấy là bạn đang thích thú chơi với trẻ thể hiện qua khuôn mặt và giọng nói của mình. Hãy đáp ứng một cách tích cực đối với bất kỳ một cố gắng nào mà trẻ đã thực hiện để chơi.
- Hãy chơi trong một thời gian ngắn. Khi trẻ bắt đầu mất hứng thú, hãy chuyển sang một hoạt động khác.
- Kỹ năng chơi của trẻ sẽ được tăng cường nếu bạn thực hiện từng bước nhỏ một và luôn lặp lại một hoạt động với trẻ.
- Khi giới thiệu một hoạt động chơi mới, hãy làm mẫu hoạt động đó cho trẻ trước. Khi bạn nghĩ trẻ đã hiểu phải làm gì, hãy để cho trẻ tự thử làm.
- Việc chơi một mình cũng quan trọng đối với trẻ. Hãy cho trẻ cơ hội tự thử nghiệm và khám phá mọi thứ.

## **5. Phát triển kĩ năng hiểu ngôn ngữ**

*\* Mục đích, ý nghĩa:*

Để nói nhiều từ hơn trẻ sẽ cần hiểu chúng trước tiên.

Sự hiểu ngôn ngữ cũng được xem như “ngôn ngữ hiểu” hoặc “ngôn ngữ tiếp nhận”.

\* Những vấn đề về hiểu cũng có thể theo những mức độ khác nhau, được gây ra bởi:

- Trí nhớ thính giác kém
- Khó khăn về sự sắp xếp theo trình tự.
- Sự non nớt của khả năng kiểm soát chú ý.

\* Trẻ có khó khăn trong việc hiểu có thể sẽ dẫn đến những vấn đề sau:

- Khó khăn làm theo hướng dẫn
- Không thể theo dõi câu chuyện hoặc trả lời câu hỏi
- Ngôn ngữ diễn đạt bị ảnh hưởng bởi thiếu từ vựng hoặc các vấn đề về ngữ pháp và cú pháp.

- Khó tập trung và ngồi yên trong lớp học.
- Có thể đọc trôi chảy nhưng không hiểu bài khoá.
- Có thể kèm theo khó khăn về hành vi.
- Có thể kém tự tin; khó khăn trong việc hoà đồng với trẻ khác.

**\* Chiến lược:**

Ban đầu giúp trẻ hiểu những từ ngữ đơn giản như những từ chỉ đồ vật và những từ chỉ hành động.

**\* Các từ chỉ đồ vật.**

- Dành thời gian để xem trẻ chơi và gọi tên đồ vật mà trẻ quan tâm.
- Đưa ra 2 thứ để trẻ lựa chọn: vd, thức ăn, đồ chơi, quần áo. Khi bạn nói mỗi từ, chỉ vào đồ vật hoặc đưa ra cho trẻ một cái mà trẻ chỉ hoặc sờ tới.

Vd. Người lớn “Con muốn ăn chuối hay ăn táo?”

Trẻ - chỉ hoặc chạm vào thức ăn

Người lớn – “táo”

Sau đó bạn có thể tăng dần số lượng đồ vật để trẻ chọn.

- Để trẻ chỉ hoặc tìm đồ vật mà bạn nói tên. Vd như gấu bông, bóng, ô tô, mũi, chân con, giày...

- Chơi trò chơi đi mua hàng với các đồ chơi. Bảo trẻ mỗi lần mua một thứ.

- Xem sách cùng trẻ - bảo trẻ chỉ vào những đồ vật, con vật hoặc người có trong sách.

Ví dụ “Con gà đâu?”

\* Các từ chỉ hành động (động từ)

- Nói về những việc trẻ đang làm vd nhảy, chạy, ăn...

- Cùng xem tranh, sách. Bảo trẻ tìm trong sách hoặc bức tranh một người đang ăn, đang ngủ, đang khóc...

- Suru tâm các đồ vật: cốc, sách, thìa, bàn chải... Dùng những thứ này để chơi với con gấu: vd cho con gấu đọc sách, cho gấu ăn...

- Giấu các đồ vật xung quanh phòng và bảo trẻ đi tìm chúng theo chức năng sử dụng. Vd hãy tìm một thứ có thể ăn được.

*Các chiến lược chung để giúp cải thiện khả năng hiểu ngôn ngữ của trẻ*

- Gọi tên trẻ và thiết lập tương tác bằng mắt trước khi nói.

- Khuyến khích sự lắng nghe tích cực.

- Đảm bảo rằng các hoạt động phù hợp với mức độ phát triển của trẻ, vd dùng đồ vật thật đối với trẻ nhỏ.

- Khi dạy động từ, yêu cầu trẻ diễn tả bằng hành động và dùng từ để miêu tả chúng.

- Sử dụng chủ đề hàng ngày quen thuộc với trẻ.

- Thay đổi chủ đề và hoạt động để duy trì sự thích thú.

- Đảm bảo thường xuyên luyện tập và củng cố những từ mới và khái niệm mới.

- Dùng trong những hoàn cảnh khác nhau để khuyến khích kỹ năng khái quát hoá của trẻ. Nên nhớ, việc học những từ mới và khái niệm mới chiếm nhiều thời gian.

- Lời nói của người lớn nên rõ ràng và chậm rãi, với việc phát âm chuẩn.

- Nói câu ngắn, nếu cần thì chia câu thành những phần nhỏ.

- Nhắc lại câu, cụm từ.

- Cho trẻ có thời gian để phản ứng.

- Khi đọc với trẻ, nói về một câu chuyện; hỏi cái gì? ở đâu? ai? để giúp trẻ hiểu.

- ở mức độ cao hơn, hỏi tại sao, thế nào, khi nào về câu chuyện, sự kiện, đồ vật.

- Khuyến khích trẻ nói với bạn khi chúng không hiểu.

- Đưa ra nhiều sự lựa chọn: hỏi cho rõ, dùng từ điển, đọc lại bài khoá hoặc hỏi bạn bên cạnh.

- Dùng hình ảnh để hỗ trợ thông tin được nói bằng lời và nếu phù hợp, sử dụng cử chỉ dấu hiệu kết hợp với ngôn ngữ.

### *Hỗ trợ thị giác*

Trẻ có khó khăn về giao tiếp có thể cần đến chiến lược thị giác để trợ giúp cho việc hiểu. Hình ảnh có thể cung cấp một con đường giao tiếp hai chiều cho bất cứ ai có giới hạn khả năng ngôn ngữ nói.

Tod và Blamires (1998) đã gợi ý rằng người học có thể cần có những hỗ trợ bằng hình ảnh được phóng to khi chúng không thể tạo ra nhiều cơ hội sử dụng như phương tiện giao tiếp.

### *Ngôn ngữ cơ thể*

Ví dụ, diễn tả nét mặt, cử chỉ, sờ chạm, liên hệ mắt, sự thay đổi của ánh mắt.

### *Các công cụ để đưa ra thông tin và trợ giúp việc tổ chức*

Ví dụ: lịch, kế hoạch hàng ngày, thời gian biểu, danh sách mua bán, ghi chú, thực đơn, bản đồ...

### *Các công cụ được thiết kế đặc biệt cho nhu cầu đặc biệt*

- Thời gian biểu và thời gian biểu ngắn – kế hoạch trong ngày hoặc một phần trong ngày. Chúng có thể cho tất cả lớp sử dụng hoặc cho một trẻ cá biệt bằng cách dán thời gian biểu vào bàn học của trẻ.

- Bảng lựa chọn – Thể hiện các lựa chọn khác nhau.

- Tổ chức nhiệm vụ – từng bước một để giúp người học hoàn thành nhiệm vụ. Điều này có thể bao gồm phiếu làm việc cá nhân cái thể hiện nhiệm vụ gì, tài liệu được yêu cầu là gì, các giai đoạn của nhiệm vụ và cách hoàn thành nhiệm vụ. Có một số quy tắc truyền thống để thiết lập cấu trúc bài tập, ví dụ như từ trái qua phải và từ trên xuống dưới.

### *Dán nhãn trong môi trường*

Hỗ trợ trẻ sử dụng các phương tiện thị giác, ví dụ dấu hiệu, kí hiệu của nhà vệ sinh, lối ra... Trẻ cần thêm sự trợ giúp về dán nhãn các khu vực và các đồ vật. Có những khu vực dành cho mọi hoạt động và vì vậy cần làm cho nó trở nên

rõ ràng qua việc dùng các nhãn hiệu hoặc những vách ngăn ví dụ khu vực được trải thảm là nơi dành cho việc nghe đọc truyện hoặc đọc truyện cần sự yên tĩnh.

### *Tranh ảnh*

Máy ảnh KTS rất có ích vì nó cho ra những bức ảnh một cách nhanh chóng và đơn giản. Điều này có thể được sử dụng như một sự hướng dẫn một hoạt động hoặc một nhiệm vụ thể hiện trong mỗi bức ảnh ở từng phần hoặc toàn bộ. Các bức ảnh cần chỉ ra yếu tố chính cần quan tâm.

### *Sự liên kết giao tiếp bằng hình ảnh*

Bảng tranh ảnh có thể trao đổi thông tin từ nơi này đến nơi khác, ví dụ giữa trường và nhà.

### *Máy tính*

Phần mềm máy tính có thể cung cấp những kích thích bằng hình ảnh và lời nói cho hoạt động đọc và viết.

### *Hệ thống trao đổi tranh ảnh hoặc đồ vật*

Điều này liên quan đến trao đổi tranh ảnh hoặc đồ vật về vật mong muốn với giáo viên, giáo viên ngay lập tức đáp ứng yêu cầu. VD về hệ thống PECS.

## **6. Phát triển kĩ năng diễn đạt ngôn ngữ**

### *\* Mục đích, ý nghĩa:*

Để phát triển các từ, trẻ cần có khả năng nghe và bắt chước các từ đó. Điều quan trọng là cần đáp ứng và khen ngợi tất cả sự cố gắng của trẻ khi giao tiếp.

*Khi khó khăn về ngôn ngữ diễn đạt sẽ nảy sinh các vấn đề sau:*

- Trẻ có thể rút lui hoặc bị cô lập.
- Có thể khó kết bạn.
- Kỹ năng luân phiên và liên hệ bằng mắt kém.
- Bị bối rối và xuất hiện những hành vi khó khăn.
- Cấu trúc câu chưa thành thục; sắp xếp từ lộn xộn
- Có thể sử dụng cử chỉ và từ “rỗng/ vô nghĩa” như “đó là” hoặc “coi như là”.

- Không thể tham gia thảo luận trong lớp hoặc trả lời câu hỏi.
- Không thể diễn đạt nhu cầu hoặc sự lo lắng.
- Có thể khó khăn về đọc viết
- Có thể có khó khăn trong việc dự đoán, trình tự và suy luận.

*Các chiến lược giúp trẻ Tự Kĩ phát triển kỹ năng diễn đạt*

- Kiểm tra sức nghe
- Kiểm tra khả năng hiểu của trẻ
- Quan sát trẻ, xem khi nào và ở đâu trẻ nói một cách tự nhiên
- Trẻ có thể cần một sự quan tâm, thân thiện để khuyến khích nói.
- Đừng mong đợi trẻ nói trôi chảy trong mọi hoàn cảnh đến khi trẻ tự tin trong những hoàn cảnh quen thuộc.
- Sử dụng các đồ vật cụ thể và những sự kiện quen thuộc để nói về chúng.
- Chú ý lắng nghe trẻ nói



- Cho trẻ thời gian để nói.
- Ghi lại những mẫu ngôn ngữ của trẻ và nơi thích hợp cho một đánh giá. Tìm kiếm sự giúp đỡ đặc biệt nếu phù hợp.
- Gợi ý các hoạt động, nói trong khi chơi hoặc làm việc cạnh trẻ, khuyến khích sự giao tiếp.
- Phản hồi chính xác, nhưng không ép trẻ nhắc lại những điều khó.
- Dùng sự phân loại để giúp trẻ phát triển kỹ năng tìm từ.

### **III. Phát triển ngôn ngữ cho trẻ rối loạn phổ tự kỉ**

#### **1. Phát triển khả năng nghe và luyện phát âm cho trẻ**

*1.1. Khả năng nghe:* Nghe là cơ sở quan trọng cho giao tiếp bằng lời nói. Khả năng nghe giúp cho chúng ta nhận được các tín hiệu ngôn ngữ bằng lời.

Nếu khả năng nghe kém, trẻ sẽ khó khăn để học từ mới và đạt được các kỹ năng ngôn ngữ cao hơn. Trẻ cũng có khó khăn trong việc phát triển các kỹ năng phát âm cần thiết để đọc hiệu quả.

Khả năng nghe bao gồm nhiều khả năng nhỏ như phân biệt thính giác, trí nhớ thính giác và định vị. Phân biệt thính giác là khả năng nói được sự khác nhau giữa các âm thanh. Trí nhớ thính giác là khả năng nhớ những gì nghe được trong một khoảng thời gian ngắn. Định vị là khả năng định vị nguồn âm thanh/ nhận ra âm thanh đến từ đâu.

#### *1.2. Ngữ âm tiếng Việt*

Ở tiếng Việt, một phát ngôn bao gồm một hoặc nhiều âm tiết. Nó bao gồm các yếu tố chiết đoạn (phụ âm, nguyên âm) và các yếu tố siêu đoạn (đó là

những đặc trưng âm học trải rộng trên toàn âm tiết hoặc nhiều âm tiết, ví dụ như thanh điệu).

\* *Các phụ âm*: Phụ âm là những âm thanh được tạo ra có sự nghẽn tắc của luồng hơi đi ra trong cơ quan phát âm. Hai yếu tố xác định chân dung phụ âm là vị trí và phương thức cấu âm - âm được tạo ra ở đâu và theo cách nào.

- Vị trí cấu âm: là vị trí mà các bộ phận cấu âm vận động và tiếp xúc với nhau tạo thành âm thanh. Các âm được phân loại theo vị trí cấu âm gồm:

+ Âm môi: [m, b, p...]

+ Âm răng: [t, th, d...]

+ Âm vòm cứng: [n, c]

+ Âm lợi – vòm cứng: âm quặt lưỡi (về mặt âm học chúng là các âm có sức căng cơ mạnh, áp suất đi ra từ phổi lớn, ví dụ như s, tr,...)

+ Âm vòm mềm: [ng, kh, ngh, g...]

+ Âm họng [h]

- Phương thức cấu âm: Có 3 cách cơ bản để tạo nên các phương thức cấu âm của phụ âm:

+ Âm tắc: Sự nghẽn tắc hoàn toàn của luồng hơi đi ra. Sức căng cơ của mô lớn, sức nén của luồng hơi tăng đến mức vượt qua chương ngại, tạo thành âm tắc. Thời gian tắc nghẽn ngắn, ví dụ: /p, b, t, d/...

+ Âm xát: Sự tắc nghẽn không hoàn toàn của luồng hơi trong một khoảng thời gian tương đối dài hơn. Sức căng cơ tương đối và áp lực của dòng khí vừa phải. Ví dụ, /f, v, s, z/

+ Bán âm: Âm mang đặc tính trung gian giữa nguyên âm và phụ âm là mang đặc tính cận kề ví dụ như /l/

\* Nguyên âm: là những âm được cấu tạo theo nguyên tắc cộng hưởng, do luồng hơi đi ra không bị nghẽn tắc. Để tạo nguyên âm có 2 yếu tố:

- Hình dạng khoang miệng.
- Dung tích khoang miệng.

Hình dạng khoang miệng phụ thuộc vào độ nâng của lưỡi hoặc độ mở của miệng. Dung tích của miệng và tỉ lệ giữa nó với dung tích hộp thanh quản sẽ xác định nguyên âm đó là nguyên âm nào.

Theo tiêu chí khu biệt các nguyên âm trong tiếng Việt, (gồm: Độ nâng của lưỡi (cao, vừa, thấp) và vị trí của lưỡi (trước, giữa, sau)) 9 nguyên âm cơ bản được sắp xếp như sau:

	Trước	Giữa	Sau
Cao	i	ư	u
Vừa	e	ơ	o
Thấp	ê	a	ô

Ngoài ra còn các nguyên âm đôi và các nguyên âm ngắn. Các lỗi phát âm thường rơi vào nguyên âm đôi.

\* *Thanh điệu*: là yếu tố siêu đoạn của âm tiết, thể hiện diễn biến về mặt cao độ của một âm tiết. Cao độ của âm tiết phụ thuộc vào tần số dao động của dây thanh tính bằng chu kì dao động trong một giây. Tiếng Việt có 6 thanh: ngang, huyền, sắc, nặng, hỏi, ngã. Tuổi và giới ảnh hưởng trực tiếp đến tần số dao động của dây thanh: ở trẻ em cao hơn so với người lớn, phụ

nữ cao hơn nam giới. Thanh điệu trong tiếng Việt là đơn vị khu biệt có ý nghĩa quan trọng.

## ***2. Phương pháp phát triển khả năng nghe và phát âm cho trẻ ASD***

- Trò chuyện với trẻ: với trẻ nhỏ ASD cần trò chuyện với trẻ bằng âm điệu nhẹ nhàng, âu yếm, tạo sự giao tiếp tình cảm với trẻ nhằm kích thích nhu cầu học nói của trẻ; sử dụng ngữ điệu khác nhau kết hợp với nét mặt khi nói chuyện với trẻ; tạo sự liên hệ mắt – mắt khi nói chuyện với trẻ.

- Sử dụng các đồ vật, đồ chơi hấp dẫn (màu sắc, có âm thanh khác nhau...) nhằm rèn khả năng chú ý thị giác và thính giác, luyện khả năng phân biệt thính giác.

- Sử dụng các nhạc cụ để dạy trẻ phân biệt và định vị âm thanh: nốt cao, nốt thấp, âm ngắn, âm dài.

- Kích thích trẻ phát ra các âm thanh khác nhau.

- Tập cho trẻ phát âm các âm: ba ba, đa đa, cha cha, măm măm, ...

- Dạy cho trẻ nói một số từ, bắt chước tiếng kêu/ âm thanh của một số con vật/ đồ vật.

- Chú ý lắng nghe các âm mà trẻ phát ra và kịp thời nhắc lại các âm đó để kích thích trẻ tiếp tục phát âm. Cùng với việc nhắc lại các âm của trẻ phát ra, người lớn/ giáo viên tạo ra các âm thanh khác để trẻ bắt chước.

- Làm mẫu: GV/ người lớn phát âm mẫu và yêu cầu trẻ phát âm theo

- Sử dụng trò chơi:

+ Các trò chơi luyện thở:

+ Luyện thính giác

- + Luyện cơ quan phát âm: lưỡi, môi, vòm cứng, vòm mềm...
- + Luyện giọng: bắt chước các âm thanh đơn giản, tiếng kêu của con vật...
- Sử dụng vật thật, đồ chơi, tranh ảnh: luyện phát âm qua việc cho trẻ gọi đúng tên sự vật, hiện tượng.
- Sử dụng thơ, ca dao, tục ngữ, bài hát, các bài đồng dao.
- Phát hiện và sửa lỗi phát âm cho trẻ:

### ***3. Các hoạt động để phát triển khả năng nghe:***

- Đọc truyện cho trẻ nghe – hỏi trẻ bất cứ khi nào trẻ nghe một từ đặc biệt, ví dụ tiếng kêu của một con vật hoặc tên của một trẻ.
- Lắng nghe những âm thanh/ tiếng động khác nhau – yêu cầu trẻ ra hiệu chỉ khi trẻ nghe thấy một âm thanh đặc biệt.
- Sắp xếp các âm thanh khác nhau theo trật tự đúng – Yêu cầu trẻ xác định các âm thanh khác nhau và sau đó tạo ra 2 âm thanh và yêu cầu trẻ nhắc lại theo trật tự mà chúng được tạo ra. Sau đó thử 3, 4 âm thanh.
- Yêu cầu trẻ lắng nghe trong môi trường yên tĩnh và sau đó yêu cầu trẻ nói lại điều mà trẻ nghe thấy.
- Lắng nghe trong trò chơi âm thanh – Kể một câu chuyện mà đòi hỏi mỗi trẻ trong nhóm phải phản ứng với một âm thanh khi trẻ nghe thấy tên đồ vật/ con vật, ví dụ: chuông cửa, điện thoại, đài, con mèo. Khi giáo viên/ người lớn kể chuyện, học sinh đưa ra phản ứng theo yêu cầu, những học sinh khác lắng nghe câu trả lời.

- Âm thanh đến từ đâu? – yêu cầu trẻ đứng giữa vòng tròn và nhắm mắt lại. Ai đó đứng trong vòng tròn tạo ra tiếng động, ví dụ vỗ tay, và trẻ phải xác định âm thanh đó ở đâu.

- Giấu một cái đồng hồ ở một chỗ nào đó trong phòng. Yêu cầu trẻ tìm nó bằng cách lắng nghe. Dần dần làm cho âm thanh nhỏ hơn.

- Lắng nghe âm thanh to và nhỏ – sử dụng các vật khác nhau để giúp trẻ phân biệt sự khác nhau.

- Tạo ra những câu ngốc nghếch – nhìn vào bức tranh và bình luận, tạo ra một lỗi thật buồn cười khi nói về nó. Khuyến khích trẻ nói rằng bạn nói sai.

- Các hoạt động hướng dẫn – tô màu/ vẽ tranh từ những chi tiết chính xác, vd, vẽ hình dáng con ngựa, vẽ 4 cửa sổ lên nó, vẽ một cái cây và vẽ quả trên cây, v.v... Tạo ra trò chơi bằng cách dùng một “tín hiệu báo động”, vd, trống hoặc lục lạc. Nếu trẻ làm sai, âm thanh “báo động” sẽ bật lên. Mỗi lần đèn báo, trẻ mất 1 lượt.

- Trò chơi “Xi mô khoai”

- Tượng âm nhạc – khi âm nhạc ngưng, yêu cầu học sinh làm gì đó, như vỗ tay, sờ mũi, ngồi xuống.

Tất cả các trò chơi cần đơn giản. Điều này rất quan trọng để tập trung vào việc phát triển khả năng nghe.

*Các chiến lược để hỗ trợ kỹ năng nhớ thính giác:*

*Kỹ năng nhớ đóng vai trò quan trọng trong việc hiểu và sử dụng ngôn ngữ hiệu quả.*

+ Chiến lược đa giác quan:

- Sờ (cầm một đồ vật hoặc sờ mó nó)
- Nhìn (nhìn đồ vật hoặc vẽ hình của nó trong trí nhớ)
- Nói (nhắc lại điều bạn muốn nhớ).

(Những kĩ năng này có trật tự và khi trẻ phát triển, trẻ có thể đạt được mỗi lĩnh vực này ở mức độ cao hơn).

- Đặt ngôn ngữ nói vào từng phần của ý nghĩa riêng lẻ. Nói rõ ràng và tạm dừng giữa mỗi phần của hướng dẫn/ lời giải thích, vd. “Để vở của các em vào ngăn/ đưa bút chì của em cho P/ và đọc sách”.

- Yêu cầu trẻ nhắc lại thông tin hoặc lời hướng dẫn để đảm bảo rằng trẻ đã hiểu. Điều này sẽ kiểm tra nếu trẻ nắm được những ý chính.

- Dùng hình ảnh thị giác để nhắc nhở bằng đồ vật, tranh ảnh, hình vẽ đơn giản hoặc biểu tượng.

- Khuyến khích trẻ tìm kiếm sự rõ ràng. Nếu trẻ quên, khuyến khích hỏi lại cho rõ. Quan trọng là người lớn làm mẫu chính xác điều trẻ cần nói, vd, Cô không thể nhớ được phần cuối, em có thể làm ơn nhắc lại được không?” v.v... Khen ngợi trẻ khác trong lớp khi chúng tìm kiếm sự rõ ràng để nó được thấy như một chiến thuật thực tế khi trẻ không chắc chắn.

- Trò chơi với rào cản – GV và trẻ ngồi, có tấm chắn ở giữa GV và trẻ. GV cung cấp cho trẻ một mẫu giấy và hướng dẫn đơn giản về vẽ/ tô màu. GV cũng vẽ/ tô màu tỉ mỉ hình mẫu như khi hướng dẫn trẻ. Khi tấm chắn được chuyển đi, trẻ phải có phản hồi ngay lập tức.

- Hát các bài hát hoặc vận điệu để xây dựng trí nhớ thính giác.

Vd, a. Trò chơi “Tôi đi ra cửa hàng và mua...”. Trẻ đầu tiên nói một thứ gì đó, trẻ tiếp theo phải nói thứ đầu tiên rồi nói thêm một thứ nữa, cứ thế tiếp tục.

b. TC “Tôi xếp va li và tôi lấy...”

c. TC “Tôi đi chơi vườn thú và nhìn thấy...”

Ở mức độ cao hơn một chút:

d. “Tôi đi thư viện và đọc...”

e. Tôi đi đến rạp chiếu bóng và xem...

- Đọc chuyện trong nhóm nhỏ. Dần kéo dài câu chuyện hơn. Yêu cầu học sinh nhắc lại trình tự đơn giản.

- Sử dụng cả băng đĩa kể chuyện và đóng kịch.

- Phát triển trình tự thính giác bằng việc khuyến khích học sinh chọn đồ vật nhanh nhất.

- Dạy trẻ ngôn ngữ trình tự: đầu tiên, tiếp theo, cuối cùng, bắt đầu, kết thúc...

- Sử dụng hoạt động “vòng tròn”. Đưa một đồ vật xung quanh vòng tròn và mọi người phải nói một câu về nó, không được nhắc lại người trước.

#### **4. Luyện phát âm**

##### *4.1. Khái niệm*

Trẻ tạo âm sai do một trong 3 yếu tố sau:

- 1) Không đặt đúng vị trí của các cơ quan phát âm tham gia tạo nên âm đó.
- 2) Tạo luồng hơi không chính xác.
- 3) Phối hợp: không đặt được vị trí đúng và đẩy hơi để phát thành tiếng.

*Luyện phát âm cho trẻ là dạy trẻ phát âm đúng các âm vị tiếng Việt.*



Sử dụng 4 kỹ năng cơ bản trong huấn luyện phát âm: nghe, nhìn, xúc giác, cảm giác.

Bước đầu tiên, dạy một phụ âm hoặc một nguyên âm chứ không đi từ tiếng hoặc từ vì trẻ khó bắt chước. Sau khi nói tốt âm đó, chúng ta mới ghép vào các tiếng, các từ, cụm từ, các câu và cuối cùng là hội thoại.

GV/ người lớn sẽ làm mẫu âm cần dạy, giới thiệu cách tạo nên âm và hướng dẫn trẻ làm. Bằng cách: đặt chiếc gương trước mặt, GV sẽ làm mẫu và nói về vị trí tạo nên âm đó (vị trí của lưỡi, hình dáng độ mở của miệng, cử động của vòm miệng...), cách tạo nên âm đó (cách lấy hơi và đẩy hơi) và sự cảm nhận của dây thanh nếu có. Ví dụ để tạo âm “v”, ta có các bước sau: Răng hàm trên cắn nhẹ vào môi dưới; Đẩy nhẹ hơi ra ngoài (chạm tay vào cổ để thấy có sự rung nhẹ khi đẩy hơi); Há miệng và phát tiếng.

Sau khi trẻ đã nói tốt các âm độc lập, người hướng dẫn chọn từ 15 – 20 bức tranh có âm đó để dạy trẻ phát âm vào các tiếng và từ.

Việc sửa lỗi âm được coi như hoàn thành khi trẻ nói đúng được các âm lỗi trong mọi hội thoại, ở mọi hoàn cảnh khác nhau. Nên kiểm tra lại sự phát âm của trẻ 3 tháng/ lần.

#### *4.2. Các bước khi thực hành luyện phát âm cho trẻ:*

##### 1) Kiểm tra ngôn ngữ

\* Kiểm tra cấu tạo và hoạt động của bộ máy phát âm:

- Kiểm tra luồng hơi từ phổi đi ra theo các đặc điểm: độ mạnh – yếu, dài – ngắn, khả năng điều khiển luồng hơi theo ý muốn ;

- Quan sát cấu tạo và vận động của môi xem có bình thường hay không, đặc biệt là sự linh hoạt của môi trong các vận động doãng môi và chúm môi ;

+ Kiểm tra cấu tạo và độ linh hoạt của lưỡi trong các vận động: nâng lên – hạ xuống, đưa ra trước – đưa vào trong, đưa sang hai bên,...

+ Vận động của hàm : mở rộng miệng và vận động sang hai bên ;

+ Vận động của ngạc mềm (lưỡi gà) : điều khiển lưỡi gà nâng lên và hạ xuống (qua điều khiển luồng hơi : chỉ ra đằng mũi, chỉ ra đằng miệng, vừa ra mũi vừa ra miệng) ;

+ Phát âm ra âm thanh và phát không ra âm thanh để kiểm tra hoạt động của dây thanh.

- Kiểm tra thực trạng ngôn ngữ:

+ Ngôn ngữ nói: Phát âm và vốn từ cá nhân

+ Ngôn ngữ viết

+ Tốc độ đọc thành tiếng

+ Khả năng hiểu văn bản vừa đọc (thông qua trả lời câu hỏi về nội dung văn bản) Kiểm tra vở ghi bài và các bài làm văn của HS

- Kiểm tra những khó khăn về nói:

Nói ngọng : phát âm sai so với âm chuẩn.

1) nói ngọng phụ âm đầu

2) nói ngọng âm đệm

3) nói ngọng âm chính

4) nói ngọng âm cuối

5) nói ngọng thanh điệu.

- Nói lắp : lặp đi lặp lại về âm, từ hoặc ngữ hoặc một cấu trúc câu, hoặc có những quãng cách, những chỗ ngắt, nghỉ, giật không bình thường trong chuỗi lời nói

- Nói khó : phát âm rất khó khăn, nước dãi chảy nhiều và có hiện tượng co cứng ở cơ quan phát âm (môi, hàm, lưỡi,...).

- Không nói được : hầu như không phát hiện thấy những bất thường ở bộ máy phát âm, vẫn nghe được người khác nói nhưng lại không nói được.

- Mất ngôn ngữ : Trẻ mất hoàn toàn hay một phần khả năng nói, mặc dù trước đó từng nói được.

2) Luyện phát âm - Hỗ trợ cá nhân

- Luyện tập cấu âm cơ bản

- Luyện thở:
- Thở mạnh
- Thở nhẹ
- Thở ngắt quãng/ giữ hơi
- Luyện giọng:
- Giọng cao
- Giọng trầm
- Giọng quá mạnh

- Giọng quá yếu
- Thể dục câu âm
- Thể dục môi : chu – chành – mím.
- Thể dục hàm : đưa hàm sang phải – sang trái ; há miệng – ngậm miệng.
- Thể dục lưỡi : đưa lưỡi lên (phía môi) trên – xuống dưới – sang phải – sang trái – ra trước – lùi (co) lại sau ; nâng cao – hạ thấp đầu, mặt, gốc lưỡi.
- Các động tác kết hợp: khép môi thổi hơi cho căng má, há miệng kêu *a – a – a – a –...*, thổi kèn (thật), bắt chước một số tiếng con vật kêu : *gâu – gâu – gâu –...*, tiếng còi tàu hoả : *tu – tu – tu –...*

- Hướng dẫn phát âm âm vị

+ Tri giác âm vị

Thính giác

Thị giác

Xúc giác

+ Hướng dẫn phát âm âm vị

Bước 1 : Làm xuất hiện từ khoá mà trẻ phát âm sai (ví dụ : dùng tranh hỏi trẻ xem tranh vẽ gì).

Bước 2 : Phát âm mẫu từ đó để trẻ bắt chước và phát âm theo (nếu trẻ làm đúng thì chuyển sang bước 5).

Bước 3 : Luyện phát âm âm vị mà trẻ phát âm sai

Bước 4 : Phát âm đúng âm vị đó trong từ khoá ba lần.

Bước 5 : Luyện tập mở rộng, cho trẻ tìm và phát âm nhiều tiếng/từ có âm vị đó.

## **2. Phát triển vốn từ**

Phát triển vốn từ cho trẻ là giúp trẻ tích lũy được số lượng từ cần thiết cho giao tiếp ngôn ngữ, hiểu ý nghĩa của từ và biết sử dụng từ trong các tình huống giao tiếp.

\* Từ vựng được học thông qua văn cảnh và trải nghiệm. Trẻ có khó khăn về từ vựng sẽ như thiếu đi những viên gạch trong toà nhà của sự phát triển ngôn ngữ sau này.

### *2.1. Nội dung:*

- Cung cấp cho trẻ những từ về những gì có xung quanh trẻ (gia đình, trường mầm non...), những từ liên quan đến cuộc sống cá nhân và quan hệ của trẻ; những từ cần cho cuộc sống sinh hoạt, học tập và vui chơi.

+ Dạy trẻ tên gọi một vài sự vật, hành động gần gũi, quen thuộc với trẻ. Vd: bố, mẹ, bà, gà, chó, mèo, đi, ăn (măm măm), chào (ạ),...

+ Tên gọi của một số đồ chơi, đồ dùng quen thuộc gần gũi với trẻ (ô tô, em bé, bát, đĩa, cốc, áo, dép...)

+ Dạy trẻ biết tên gọi của mình và những người gần gũi xung quanh; biết thực hiện một số yêu cầu, một số hành động thường gặp ở người và động vật (nhìn, đi, ngồi, nằm, đứng, đưa, lấy, ăn...)

+ Tên một số bộ phận trên cơ thể mình, người khác, các con vật (mắt, mồm, tay, chân, tai...)

+ Tên gọi của các sự vật mà trẻ được tiếp xúc, hoạt động hàng ngày theo các chủ đề khác nhau.

Ví dụ: Về quần áo: quần dài, đùi, áo dài tay, cộc tay, may ô...

Về đồ dùng ăn uống: bát, thìa, đũa, cốc...

Về đồ chơi: ô tô, búp bê, ...

+ Dạy trẻ hiểu các hành động (đứng lên, ngồi xuống, lại đây, đưa cho, đi ra kia...); tên gọi của một số hành động với các đồ vật mà trẻ dùng hàng ngày: bế em, xúc cơm (cháo), mặc áo (quần), đội mũ, đi dép...

+ Tên công việc của những người thân (bố, mẹ, cô giáo...), biết một số ngành nghề phổ biến (công an, bác sĩ,...), tên một số phương tiện giao thông

+ Những từ biểu thị tính chất, đặc điểm của sự vật, biểu thị sự so sánh, mối quan hệ không gian, thời gian...

Nội dung phát triển vốn từ cần được phức tạp hóa dần cùng với sự phát triển nhận thức của trẻ.

## *2.2. Phương pháp, biện pháp phát triển vốn từ cho trẻ Tự Kĩ:*

- Hướng dẫn trẻ quan sát: Hướng dẫn trẻ tìm ra những đặc điểm, thuộc tính của đối tượng quan sát và các mối quan hệ của nó với môi trường xung quanh.

- Sử dụng đồ chơi, vật thật.

- Sử dụng các trò chơi: Cái gì biến mất (cái gì thay đổi), chiếc túi kì diệu, Thi xem ai nhanh, Đoán vật, Thêm từ....

- Trò chuyện, đàm thoại với trẻ: về những gì đang diễn ra, những gì trẻ đang làm, đang nhìn thấy, nghe thấy.

- Cho trẻ vẽ tranh

- Cho trẻ kể về những gì trẻ đã được làm quen

- Sử dụng kí hiệu, tranh, ảnh để phát triển vốn từ: Trẻ Tự Kì không có khả năng tiếp thu đầy đủ ngôn ngữ để giao tiếp do khả năng tập trung và khả năng nhớ kém. Việc sử dụng kí hiệu, tranh ảnh để giao tiếp với trẻ và dạy trẻ sử dụng kí hiệu tranh ảnh sẽ giúp trẻ tiếp thu lời nói dễ dàng hơn và nhớ lâu hơn. Qua đó vốn từ của trẻ được phát triển tốt hơn.

+ Để việc học sử dụng cử chỉ, tranh ảnh có hiệu quả, chúng ta cần dạy trẻ theo các bước sau:

B1: Giới thiệu về cử chỉ và tranh ảnh mà ta muốn dạy trẻ. Nói và đưa ra kí hiệu, tranh ảnh một cách chậm rãi, rõ ràng.

B2: GV làm mẫu, sau đó yêu cầu trẻ bắt chước lại, càng nhiều càng tốt

B3: Trẻ tự sử dụng cử chỉ, kí hiệu, tranh ảnh để giao tiếp.

\* Khi dạy cử chỉ, tranh ảnh, cần lưu ý những điểm sau:

- Chú ý đến nhu cầu của trẻ, ưu tiên những nhu cầu cần thiết trong cuộc sống hàng ngày như: thức ăn, uống, vệ sinh, các cảm giác: nóng, lạnh, đau...., các hoạt động...

- Đáp ứng ngay khi trẻ sử dụng tranh ảnh và cử chỉ trong sinh hoạt hàng ngày

- Luôn đánh giá lại để tăng thêm số lượng cử chỉ và tranh ảnh

- Kết hợp với gia đình.

- Đối với việc sử dụng tranh ảnh, để thuận lợi hơn, người ta có thể sắp xếp các tranh thành một bảng tranh giao tiếp. Sau khi trẻ sử dụng thành thạo bảng tranh thì có thể thay thế các tranh bằng các biểu tượng

- Các kỹ năng cần thiết khi dạy cử chỉ, tranh ảnh là: mặt đối mặt, lần lượt, chờ đợi

\* *Chiến lược giúp trẻ hiểu từ vựng:*

- Sử dụng từ đồng âm hoặc thành ngữ để lựa chọn thông tin
- Dạy từ vựng trong ngữ cảnh
- Minh họa nghĩa của từ bằng cách sử dụng tranh, ảnh hoặc vật cụ thể
- Mở rộng cơ hội để thực hành và củng cố từ vựng
- Nhấn mạnh ngôn ngữ tượng trưng và đa nghĩa khi chúng xuất hiện.

Việc học các từ bắt đầu từ bậc thấp nhất. Trẻ bắt đầu bằng việc học một ít từ gọi tên và từ phủ định đầu tiên “không”. Sau đó, khi học nhiều từ gọi tên hay từ phủ định, trẻ bắt đầu sử dụng từ chỉ hành động. Sau đó một thời gian trẻ bắt đầu học từ vị trí, và trong cả thời gian dài trẻ dùng cả 3 loại từ trên. Cuối cùng, các từ trở lại được đưa vào. Đến khi lên đến bậc thang cuối cùng, trẻ đã học được nhiều từ thuộc cả 5 loại.

Trong thực tế trẻ không theo mô hình này một cách chính xác. Mô hình các bước này cho bạn một hướng dẫn hữu ích để xây dựng mục tiêu mới. Nếu trẻ đã sử dụng các từ đơn, hãy nghĩ đến việc lấp đầy bất kỳ một khoảng trống nào cũng như phát triển việc sử dụng từ của trẻ theo chiều ngang và chiều dọc của mô hình. Nếu trẻ mới bắt đầu nói, bắt đầu từ bậc cuối cùng ở bên trái với một ít từ gọi tên và phủ định, tuần tự giới thiệu nhiều loại từ cũng như làm tăng số lượng từ cho mỗi loại.



Khi bạn quyết định dạy loại từ nào, câu hỏi sẽ là loại từ cụ thể nào được chọn. Bạn chọn từ nào mà trẻ hiểu và cần, chọn từ mà trẻ muốn dùng sau này, từ về vật và hành động mà trẻ thích, những từ sẽ tham gia vào cuộc sống hàng ngày của trẻ. Ở giai đoạn đầu, nên chọn những từ về vật và hành động mà trẻ có thể gặp phải một cách trực tiếp, từ về những vật mà trẻ có thể sờ thấy hơn là những vật có khoảng cách xa với trẻ, hành động mà trẻ có thể tự làm hơn là hành động trẻ được chỉ dẫn.... Sự thích thú của trẻ sẽ giúp bạn đi đúng hướng.

Trẻ bắt đầu kết hợp 2 từ trẻ biết trong cụm 2 từ đơn giản kết hợp hành động và tác nhân (Vd: Mẹ ngồi) hay một vật (vd : xe đồ, gối đu). Vào thời điểm này trẻ dùng cụm từ phủ định (không sữa) hoặc câu trở lại (bánh nữa). Một thời gian sau, trẻ sẽ nắm được cụm từ chỉ vị trí (con mèo trên) đồng thời có thể dùng nhiều hơn các động từ trong 3 loại đầu. Và do đó trẻ sẽ có tiến bộ cho đến khi trẻ nắm được các cụm từ trên và sẵn sàng tiến tới cụm 3 từ.

Biểu đồ này sẽ cho biết bạn cần bắt đầu dạy từ đâu. Khi trẻ bắt đầu kết hợp 2 từ đơn, hoặc khi trẻ bắt đầu loại cụm từ mới, thật sự có ích nếu bạn ghi rõ những câu mà bạn muốn trẻ học. Chọn từ mà trẻ dùng tự do ở mức độ từ đơn và kết hợp chúng vào câu diễn tả tình huống mà trẻ thích thú, Vd : bạn có thể dạy tác nhân - hành động “con nhảy” và câu phủ định “không sữa”.

Một khi trẻ làm chủ các câu trên, bạn có thể giới thiệu nhiều thí dụ đơn giản bằng cách dùng các từ chủ yếu đó như bảng sau đây:

Tác nhân - hành động	Phủ định
Con nhảy	Không sữa

*Gấu nhảy*

*Không nước*

Mẹ nhảy

Không tắm

Chị nhảy

Không bánh

*Số lượng và sự đa dạng của các câu tác nhân - hành động, phủ định có thể được giới thiệu dần dần, cùng lúc với loại câu khác sẽ được giới thiệu, ví dụ: hành động - vật.*

*Một khi trẻ dùng một số cụm có 2 từ, không cần nói chính xác trong mục tiêu của bạn những cụm từ mà bạn muốn trẻ dùng. Bạn chỉ cần xác định loại và dùng một thí dụ mẫu bất kỳ. Thí dụ như mục tiêu là loại cụm từ thuộc tính, bạn có nhiều cơ hội trong ngày để nói về các vật như muống lớn, muống nhỏ, vở đỏ, hoa đẹp chạy nhanh.....*

Tóm lại các bước là;

- Khi lần đầu tiên trẻ học cách kết hợp 2 từ, hay chỉ mới bắt đầu dùng loại từ mới, hãy xác định 2 từ của cụm từ mà bạn muốn trẻ học.

- Khi trẻ nắm được cách kết hợp này, xác định từ chủ yếu và sử dụng nhiều thí dụ mẫu về cách dùng từ này.

- Khi trẻ thành thạo cụm 2 từ, bạn có thể chỉ xác định thể loại hoặc loại cụm từ mà bạn muốn dạy trẻ, ví dụ như từ chỉ sự trở lại, hoặc từ chỉ thuộc tính và hãy dùng tất cả các ví dụ mà bạn muốn trẻ đạt được.

### **3. Dạy trẻ nói đúng ngữ pháp tiếng Việt**

#### **3.1. Khái niệm**

Xét theo mục đích nói, các kiểu câu xuất hiện theo trật tự sau:

- Câu tường thuật
- Câu nghi vấn (câu hỏi)
- Câu mệnh lệnh, cầu khiến, cảm thán.

Dạy trẻ nói đúng ngữ pháp tiếng Việt là dạy các mô hình câu, từ đơn giản đến phức tạp, từ dễ đến khó.

### ***3.2. Nội dung, phương pháp dạy trẻ nói đúng ngữ pháp***

a) Dạy trẻ nói gắn liền với văn cảnh

b) Sử dụng lời nói mẫu:

Giáo viên nói mẫu từ hay cụm từ hoặc câu một cách chính xác, rõ ràng để trẻ bắt chước. Cần xác định mẫu câu cần dạy trẻ và đưa ra lời nói mẫu phù hợp với văn cảnh, tình huống, ví dụ dạy trẻ sử dụng câu có từ phủ định (Lan không chạy).

c) Đàm thoại và sử dụng hệ thống câu hỏi:

Đàm thoại với trẻ về các đề tài quen thuộc, sử dụng các mẫu câu định phát triển cho trẻ. Đặt các câu hỏi để hướng trẻ trả lời theo mẫu câu định dạy. Ví dụ, trong khi trò chuyện về đề tài bản thân, giáo viên có thể nói: Tên của cô là... Hôm nay cô mặc áo màu trắng. Cô thích ăn kem... Đặt câu hỏi: Tên của con là gì? (Trẻ trả lời: Tên con là...), con mặc áo màu gì? Bạn B mặc áo màu gì? Con thích cái gì?...

- Trò chuyện với trẻ về những đề tài quen thuộc hàng ngày (bản thân trẻ, gia đình trẻ, lớp, trường, cây cối và các con vật gần gũi...). Khi trò chuyện, đàm thoại nên dần dần cung cấp các từ mới, hỏi các câu hỏi mở, hạn

ché các câu hỏi đóng. Sử dụng tranh ảnh, biểu tượng, phim... khi đàm thoại với trẻ. Hỗ trợ trẻ trong khi diễn đạt hoặc trả lời.

d) Khuyến khích và tạo cơ hội cho trẻ giao tiếp, kể chuyện

+ Khuyến khích trẻ kể lại những sự kiện đã xảy ra với trẻ, miêu tả đồ vật, sự vật, bức tranh....

+ Dạy trẻ kể chuyện theo tranh: Xây dựng những bộ tranh được vẽ theo trình tự: ví dụ quá trình từ hạt thành cây, quá trình từ trứng nở thành con... Yêu cầu những bức tranh thật đơn giản, rõ ràng; câu chuyện gần gũi với trẻ.

+ Kể về đồ chơi, đồ vật: GV có thể yêu cầu trẻ mang đến lớp một đồ vật mà trẻ yêu thích và kể cho cả lớp nghe về đồ vật đó. Ban đầu giáo viên có thể kể trước và gọi lần lượt trẻ. Hoạt động này thường tổ chức vào đầu giờ (giờ chào hỏi) hoặc giờ chơi...

+ Kể theo trí nhớ: Giáo viên sử dụng những câu hỏi gợi mở để giúp trẻ nhớ những sự kiện đã xảy ra, ví dụ: hôm qua bố mẹ cho con đi đâu? ở đó có những gì? hoặc “Con đã đi công viên bao giờ chưa? Hãy kể cho cô nghe...”

+ Kể lại truyện: GV có thể dùng tranh ảnh minh họa và những câu hỏi để giúp trẻ nhớ được trình tự câu chuyện.

e) Khuyến khích, động viên trẻ: việc khuyến khích động viên trẻ kịp thời sẽ kích thích trẻ phát triển ngôn ngữ.

f) Sửa lỗi câu cho trẻ: khi thấy trẻ nói chưa đúng ngữ pháp cần chỉnh sửa cho trẻ ngay bằng cách hỏi lại hoặc đưa ra mẫu câu đúng. Không phê phán trẻ mà nhẹ nhàng nhắc nhở hoặc sửa lỗi cho trẻ một cách gián tiếp.

**g) Một số chiến thuật phát triển lời nói cho trẻ:**

*\* Chiến lược chung:*

- Lắng nghe trẻ, cho thời gian để nói, không trả lời hộ
- Nhắc nhở nhẹ nhàng nếu trẻ mắc lỗi.
- Hướng dẫn trẻ giải quyết vấn đề của chúng.
- Nói về cảm xúc của trẻ và của người khác khi ở trong hoàn cảnh tương tự
- Cho trẻ sự lựa chọn và để trẻ nói về những gì trẻ thích
- Sử dụng đồ dùng trực quan ở bất cứ nơi nào có thể
- Dùng đồ vật thật bất cứ khi nào phù hợp để minh họa

**(8) Khi trẻ khó khăn trong việc thuật lại câu chuyện:**

- Sử dụng cử chỉ điệu bộ, tín hiệu thị giác xếp theo thứ tự
- Giúp trẻ nhận ra chủ đề chính
- Yêu cầu trẻ dừng lại khi trẻ nói huyên thuyên không liên quan đến chủ đề chính
- Sử dụng cấu trúc thị giác
- Giúp trẻ phối hợp các sự kiện bằng cách hỏi chuyện gì xảy ra đầu tiên, thứ hai, thứ ba....

**(9) Khi trẻ có khó khăn trong việc sử dụng đúng ngữ pháp:**

- Làm mẫu cấu trúc ngữ pháp đúng
- Yêu cầu trẻ nhắc lại cấu trúc ngữ pháp đúng

- Quan sát khi trẻ có thể tự sửa khi được nhắc nhở

+ Khó khăn trong việc đưa ra ý kiến một cách rõ ràng, logic:

- Đưa ra phản ứng và tương tác phù hợp
- Cho trẻ thêm thời gian để trình bày và bày tỏ ý kiến
- Cung cấp cơ hội cho trẻ đề:

Hỏi

Đưa ra thông tin về quan hệ nhân quả

Lựa chọn và thể hiện mong muốn, nhu cầu

Đưa ra thông tin đầy đủ

(10) Khi trẻ bị nói lấp, GV nên:

▪ *Lắng nghe trẻ nói: quan tâm tới việc trẻ nói gì hơn là chúng nói như thế nào; không ngắt lời, không phê bình khi trẻ đang nói; chấp nhận lời nói mất lưu loát của trẻ.*

▪ Nói chậm hơn, thường xuyên dừng lại. Nói chậm để khuyến khích trẻ nói lấp giảm tốc độ.

▪ Tạo cơ hội cho trẻ nói lấp được nói trong môi trường ít cạnh tranh và ít sự xao lãng

▪ Giảm áp lực để tạo ra giao tiếp phù hợp, ví dụ hạn chế số lượng câu hỏi, tạo cơ hội cho trẻ được báo cáo miệng...

▪ Cho phép trẻ có đủ thời gian để trả lời

▪ Tạo ra nhiều cơ hội nói khi trẻ thoải mái

- Giữ sự liên hệ mắt bình thường và tự nhiên; cố gắng không lúng túng, không nóng vội. Khuyến khích trẻ nhìn vào người đang nói.

- Diễn giải những gì trẻ nói để chọn lọc nghĩa.

- Không bao giờ khiến trách học sinh nói lắp.

- Không ám chỉ trẻ là người nói lắp đặc biệt khi có mặt chúng.

- Không nên phản ứng cảm xúc với sự nói lắp.

- Tránh “đi lên đi xuống hàng ghế” để gọi trẻ. Gọi theo thứ tự sẽ khuyến khích trẻ nói lắp tham gia thoải mái hơn. Nếu có thói quen đi lên đi xuống để gọi trẻ thì nên gọi trẻ nói lắp đầu tiên.

\* Khi nói với một trẻ nói lắp nên tập trung vào điều họ nói hơn là tập trung vào việc họ nói như thế nào. Điều chỉnh mức độ nói của chính bạn đối với người nói lắp ở mức độ nhẹ và xen vào thời gian ngừng nghỉ trong lời nói. Nên thư giãn và tập trung. Không nên bỏ cuộc nếu họ gặp sự bẽ tắc; mặt khác cũng không nên nhìn chăm chăm vào họ một cách chú ý. Không nên làm gián đoạn hay chấm dứt câu nói của họ. Lời khuyên như "chậm thôi", "thoải mái đi", "thờ một chút" là KHÔNG hữu ích cho người nói lắp. Vì điều đó chỉ làm tăng thêm sự căng thẳng và dẫn đến càng nói lắp.

#### **4. Phát triển khả năng đọc, viết cho trẻ**

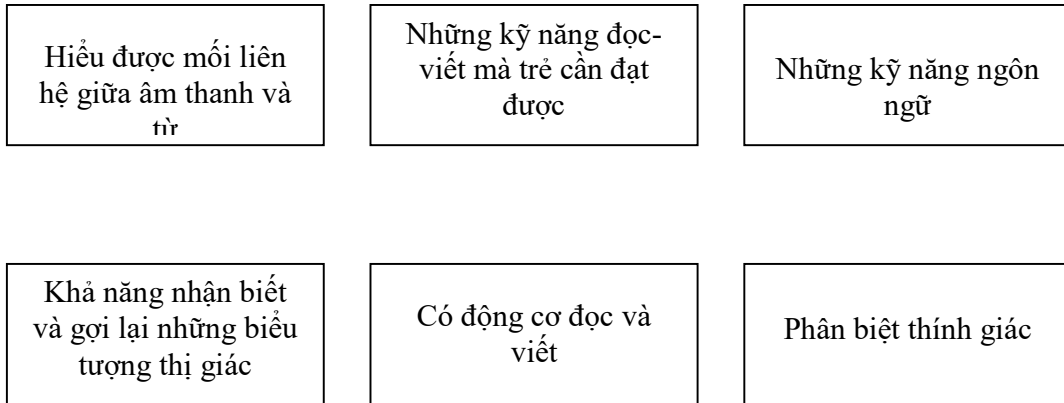
##### **4.1. Kỹ năng đọc - viết**

Trước khi biết đọc và viết, trẻ cần phát triển nhiều kỹ năng. Phần lớn trẻ không thực sự học tiến trình “giải mã” cho đến khi 5 tuổi, có nhiều trẻ phải đến 6 hoặc 7 tuổi. Dưới đây là những kỹ năng đọc, viết:

Những kỹ năng vận động thô và vận động tinh
---

Sự thích thú sách vở
----------------------

Hiểu rằng chữ viết mang ý nghĩa
---------------------------------



### *Phát triển kỹ năng đọc – viết cho trẻ*

Để có thể đọc và viết, đưa trẻ cần đạt được những kỹ năng sau:

- **Ngôn ngữ:** đại đa số trẻ em cần phải có ngôn ngữ nhất định trước khi đọc và viết thành thạo.
- **Hiểu được những chữ viết mang ý nghĩa:** trẻ em cần được nhận thấy mục đích của chữ viết và những chữ viết đó có ý nghĩa.
  - *Những chiến lược giúp giúp trẻ nhận ra chữ viết có nghĩa:*
    - Chắc chắn cho trẻ nhìn thấy khi bạn đọc và viết
    - Chia sẻ sách với trẻ
    - Di tay dưới các từ khi bạn đọc và viết cho trẻ
    - Tận dụng những cơ hội để viết tên của trẻ trước mặt trẻ



- Cung cấp những vật liệu viết khác nhau và những tình huống chơi có sử dụng chữ viết.

- **Gọi lại những biểu tượng thị giác:** đọc và viết đòi hỏi trẻ phải có kỹ năng tốt trong việc gọi lại những biểu tượng thị giác. Đọc đòi hỏi trẻ phải nhận biết các biểu tượng và ghi nhớ ý nghĩa các biểu tượng hoặc âm thanh. Viết đòi hỏi trẻ phải có khả năng ghi nhớ hình dạng của biểu tượng.

- *Các chiến lược giúp trẻ gọi nhớ những biểu tượng thị giác:*

- Khuyến khích trẻ chơi trò chơi ghép hình, phân loại hình dạng và khuyến khích trẻ quan sát các hình dạng đó.

- Chơi các trò chơi để khuyến khích trẻ chú ý đến sự khác nhau và giống nhau.

- Chơi những trò chơi ghép tranh, lô tô hình ảnh và đòi hỏi trẻ phải ghi nhớ các bức tranh đó.

- **Giới thiệu các chữ cái:** chắc chắn để trẻ thường xuyên nhìn thấy tên của mình: làm cho mỗi trẻ một thẻ tên. Những đồ vật thông dụng được đặt tên, ví dụ: nhà vệ sinh, cửa ra vào, bàn học. Sử dụng các cách khác nhau giúp trẻ mừng tượng những con chữ, chẳng hạn như vẽ các chữ cái trên cát.

- **Liên hệ âm thanh với chữ cái:** Trẻ cần có khả năng nghe âm thanh và ngữ điệu của từ. Điều này có nghĩa là khả năng phân biệt thính giác của trẻ cần được phát triển.

- *Các chiến lược giúp trẻ liên hệ âm thanh với chữ cái:*

- Sử dụng những dụng cụ âm nhạc. Trẻ có thể nghe thấy sự khác nhau về nhịp điệu, cường độ âm to hay nhỏ... không?

- Chơi những trò chơi mà trẻ phải phân biệt hoặc đoán âm thanh, ví dụ: âm thanh nào to nhất?

- Cho trẻ liên hệ với âm thanh khi trẻ bắt đầu chú ý tới hình dạng các con chữ.

- Chơi các trò tìm từ... ví dụ, hãy nói tên con vật bắt đầu bằng chữ G...

- **Các kỹ năng vận động thô và tinh:** sự phát triển thể chất đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kỹ năng viết. Trẻ cần được phát triển kỹ năng phối hợp các vận động thô cũng như các vận động tinh. Những trẻ chưa phối hợp được một cách nhuần nhuyễn có thể gặp khó khăn khi sử dụng và điều khiển bút chì và bút mực. Điều này có thể dẫn đến thói quen không tốt về tư thế viết. (Tassoni, 2003)

#### ***4.2. Dạy trẻ học đọc, học viết***

Học đọc và học viết là một quá trình lâu dài và phức tạp đối với hầu hết các trẻ. Chúng sẽ cần học các kỹ năng và các nguyên tắc và thực hành thật nhiều để củng cố kỹ năng này. Nếu trẻ bắt đầu thích thú với các quyển sách, khi đó chắc chắn là điều này sẽ khuyến khích trẻ và tạo cho trẻ một lý do để kiên trì.

Việc dạy đọc và viết thường bắt đầu vào cuối tuổi mẫu giáo và theo đó những trải nghiệm và các hoạt động khác, ít chính thức hơn sẽ góp phần vào sự phát triển kỹ năng đọc và viết. Tuy nhiên với trẻ Tự Kỉ có thể sẽ muộn hơn. Các hoạt động góp phần phát triển kỹ năng đọc, viết bao gồm những hoạt động liên quan tới một hoặc tất cả các vấn đề dưới đây:

- *Các kỹ năng phối hợp tay-mắt và kỹ năng vận động tinh* – trẻ cần điều khiển bút để viết
- *Phân biệt thị giác* – điều quan trọng là phải phân biệt một từ hoặc một chữ cái với từ hoặc chữ cái khác.
- *Chuỗi* – trật tự chữ cái hoặc từ làm thay đổi nghĩa
- *Phân biệt thính giác* – nghe sự khác biệt giữa các âm và sự phối hợp các âm giúp cho việc đọc
- *Sử dụng các biểu tượng* – đọc và viết là các dạng biểu tượng trong đó một dấu hiệu, sự phối hợp các chữ cái thể hiện một ý nghĩa khác.
- *Đọc và viết là các dạng biểu tượng trong đó sự phối hợp các chữ cái biểu thị một ý nghĩa khác.*

Trong giai đoạn này điều vô cùng quan trọng là cần phải sử dụng việc đọc và viết như một trò chơi có ý nghĩa. Ví dụ: "viết" một tin nhắn trên điện thoại trong trò chơi đóng vai, hoặc "đọc" một menu trong một quán cà phê giả vờ.

#### *4.2.1. Dạy trẻ đọc*

Có hai cách tiếp cận cơ bản được sử dụng trong việc dạy đọc:

- *Nhìn và nói* - một cách tiếp cận việc đọc dựa trên việc nhận thức hình dáng hoặc mẫu từ.
- *Âm học* - một cách tiếp cận mà dựa trên việc nhận ra các âm.

Nhìn và nói liên quan tới việc nhận ra cả từ dựa trên hình dáng của nó. Các từ thường được viết trên các thẻ tranh và trẻ sẽ cố gắng ghi nhớ chúng. Sau đó, trẻ có thể đọc các câu chuyện đơn giản gồm các từ mà chúng đã được học. Chúng nhận ra các từ nhờ hình dạng của chúng khi nhìn vào

chúng. Nhược điểm của cách tiếp cận này là trẻ sẽ không có cách nào nhận ra các từ mà chúng chưa được học.

Âm học chia các từ thành các âm và khuyến khích đọc từng âm hình thành từ. Người ta khuyến khích trẻ đọc từng mẫu âm của các từ. Kiến thức về âm học sẽ giúp trẻ có được một chiến lược tốt trong việc thử các từ không quen thuộc, đặc biệt trong ngôn ngữ như tiếng Việt, các âm tiết đọc không thay đổi. Ví dụ như các âm của các chữ cái khi đọc không thay đổi, ngay cả khi các chữ cái được ghép vào với nhau để hình thành các âm tiết và các từ.

Trên thực tế, một sự phối hợp cả hai phương pháp trên thường là một cách tiếp cận tốt nhất nhưng cần phải có các đồ dùng dạy đọc, đặc biệt là các *cuốn truyện*.

Trẻ cần phải được thực hành nhiều. Khi bạn nghe trẻ đọc, bạn có thể giúp chúng bằng cách:

- chú ý tới chúng
- tìm một nơi yên tĩnh nhất
- cho trẻ thời gian suy nghĩ
- giúp trẻ khi cần thiết - đôi khi khuyến khích trẻ một chút hoặc một sự gắn kết nào đó. Ví dụ 'Âm đó là âm gì?' 'Cái gì đang diễn ra trong bức tranh đó?' có thể giúp trẻ tiếp tục.

Nói về quyển sách và khuyến khích trẻ nói với bạn - trẻ có thể làm mất ý nghĩa của một câu chuyện khi đọc từng từ một.

Kiểm soát và ghi lại sự tiến bộ của trẻ - bạn có thể cho rằng trẻ đang đọc một quyển sách nào đó không tốt lắm do đó bạn nên gợi ý một cái gì khác chẳng hạn như một cách tiếp cận khác phù hợp với từng trẻ.

- Nói cho trẻ biết các mẫu từ và âm.
- Có thái độ tích cực đối với những tiến bộ của trẻ.
- làm các quyển sách cá nhân về trẻ với dòng chữ đơn giản về chúng, và gia đình, v.v...

Đọc là một kỹ năng phức tạp, cần phải có nhiều năm mới có thể có được kỹ năng này.

#### 4.2.2. Dạy trẻ viết

Trẻ bắt đầu viết bằng cách vạch các đường. Đối với người lớn những đường vạch này chỉ là những đường nguệch ngoạc không có ý nghĩa gì nhưng đối với trẻ, đó có thể là tên của chúng hoặc một bức vẽ, v.v... Trong những năm đầu tiên trong trường, trẻ cần học các nguyên tắc và các quy ước của việc viết. Nó trở thành một công cụ quan trọng mà chúng sử dụng để giao tiếp với bản thân và với thế giới bên ngoài.

Quy ước của việc viết mà trẻ cần phải học là:

- *Sắp xếp chữ cái* – trẻ cần biết cách hình thành đúng và thống nhất các chữ cái. Điều này có nghĩa là bạn biết bắt đầu và kết thúc ở đâu và cần được thực hành nhiều. Trẻ cũng cần học cách cảm nhận sự chuyển động của tay khi chúng viết chữ cái đó. Vạch ra trong không khí và trên cát giúp tăng cường điều đó.

- *Định hướng* – trong tiếng Việt (và nhiều ngôn ngữ khác) điều này có nghĩa là viết (và đọc) từ trái sang phải và từ trên xuống dưới.

- *Để cách* – các nhóm chữ cái ghép lại với nhau tạo nên các âm tiết và các từ và khoảng cách để phân tách các âm tiết và các từ. Việc để cách các âm tiết và các từ đúng cần phải được thực hành.

□ *Đánh vần* – trẻ cần học một cách chuẩn để đánh vần các từ. Tuy nhiên, sự tập trung quá mức tới điều này ở giai đoạn quá sớm sẽ hạn chế và kiềm chế việc viết của trẻ.

□ *Chấm câu* – đây là một kỹ năng cần nắm bắt sau nhưng trẻ đã chú ý tới dấu đó ngay từ sớm khi chúng đọc và bắt đầu đưa nó vào trong phần viết của chúng. Việc chấm câu cũng bao gồm việc sử dụng các chữ thường và chữ hoa một cách phù hợp.

Việc viết của trẻ không chỉ về các kỹ năng mang tính kỹ thuật được liệt kê trên đây mà nó còn về cả nội dung nữa. Đôi khi trẻ sẽ bị lẫn lộn giữa các kỹ năng mang tính kỹ thuật này và điều này làm ảnh hưởng tới nội dung viết của chúng. Một trẻ luôn lo lắng về việc chúng có đánh vần đúng hay không hoặc sợ mắc lỗi có thể kém tập trung hoặc không thích viết. Nó sẽ chỉ là một nhiệm vụ cần phải hoàn thành vì người lớn yêu cầu điều đó. Một người lớn nhạy cảm sẽ theo dõi tiến bộ của trẻ và đưa ra sự cần thiết phải sửa lỗi đánh vần vào một giai đoạn phù hợp, đảm bảo chắc chắn là trẻ luôn giữ được sự tự tin về khả năng viết của chúng.

Người ta dạy viết theo nhiều cách khác nhau. Mọi cách tiếp cận sẽ đảm bảo là trẻ học cách ghép các chữ cái phù hợp và ngày càng viết thành thạo kiểu chữ của mình. Một số trường học thích cách tiếp cận mà trẻ tự viết hoàn toàn và sau đó đọc lại những gì trẻ viết lại cho người lớn. Sau đó người lớn có thể xác định một chủ đề nào đó với trẻ để có thể cùng thảo luận. Cách tiếp cận này người ta gọi là viết độc lập. Phương pháp này giúp trẻ tiến bộ với những gì trẻ muốn viết mà không phải đợi người lớn chỉ cho chúng cách thức đúng để viết một từ. Các nhà bình luận cho rằng với phương pháp này cần phải mất nhiều thời gian hơn mới có thể đạt tới sự chính xác về mặt kỹ thuật.

Các trường học khác lại đặt việc tập trung vào sự chính xác sớm hơn. Trẻ phải phụ thuộc vào người lớn trong giai đoạn đầu trong việc đánh vần đúng. Các nhà nghiên cứu về cách tiếp cận này cho rằng trẻ sẽ trở nên quá phụ thuộc vào người lớn và không tự tin để tự cố gắng.

Trong thực tế, sự kết hợp cả hai phương pháp này thường là cách tiếp cận tốt nhất với mục đích giúp trẻ viết mà vẫn thể hiện được cả sự độc lập và tính chính xác.

Trẻ bắt đầu học viết cần được thực hành nhiều. Bạn có thể giúp chúng bằng cách:

- Ngồi với trẻ và giúp chúng ghép các chữ cái một cách phù hợp. Những trẻ thuận tay trái có thể cần sự giúp đỡ riêng.
- Hãy là một người làm mẫu tốt. Hãy cho trẻ nhìn thấy bạn viết một cái gì đó. Trẻ sẽ nhận thấy một điều là viết là một phần của cuộc sống hàng ngày.
- Khi bạn viết cho trẻ, hãy đảm bảo là chữ viết của bạn rõ ràng, dễ đọc và chính xác. Nếu trẻ bắt chước chữ viết của bạn, hãy đảm bảo là chữ viết đó đủ to.
- Hãy nói với trẻ về chữ viết của chúng; dùng chúng để trưng bày. Hãy cho chúng biết rằng bạn đánh giá cao giá trị của những chữ viết đó.
- Hãy giao cho trẻ nhiều việc để viết chứ không chỉ là các câu chuyện. Hãy cho chúng viết các danh mục hàng để đi chợ, viết thư và viết giấy mời, v.v.
- Cho trẻ thấy rằng có thể tìm thấy chữ viết ở nhiều nơi khác nhau. Hãy làm các bộ sưu tập - giúp trẻ tham gia vào - làm các quyển truyện tranh, các hộp ngũ cốc, vé xe buýt, các nhãn của đồ thực phẩm, v.v...

- Giúp trẻ viết theo nhiều cách khác nhau như làm các quyển sách.

### **4.3. Kỹ năng nhận thức âm vị và khả năng đọc viết**

Nhận thức âm vị là khả năng nhận ra các âm thanh trong từ. Kỹ năng nhận thức âm vị có thể nói là kỹ năng rất quan trọng, nó là tiền đề cho kỹ năng đọc, viết. Nghiên cứu đã chỉ ra rằng sự phát triển của kỹ năng nhận thức âm vị học bị trì hoãn có thể ảnh hưởng đầu tiên tới sự phát triển lời nói và sau đó là sự phát triển các kỹ năng đọc viết sớm. (Bradley và Bryant, 1983).

Kỹ năng nhận thức âm vị bao gồm:

- Vận điệu – các âm của từ kết thúc giống với âm trong nhóm từ tiếp theo

- Sự điệp âm - của các âm bắt đầu.

- Sự độc lập - của âm trong từ , vd âm đầu.

- Sự phân đoạn - của các câu và các từ vào các phần kết hợp

- Sự kết hợp - của các phần và âm của từ vào trong từ

- Sự trao đổi – của các âm để tạo ra một kết hợp mới, ví dụ mèo - tèo...

Nhiều chương trình luyện tập khả năng nhận thức âm vị đã được phát triển và có sẵn từ các nguồn khác nhau. Mặc dù chúng khác nhau về hình thức và nguồn cung cấp, nhưng vẫn có một mô hình chung cho các giai đoạn phát triển và sự sắp xếp các hoạt động được quy định; chúng bao gồm:

- *Giai đoạn 1: Lắng nghe các âm*

Vận điệu – các hoạt động nhận ra, ghép, tìm âm khác với các âm còn lại.

Sự lặp lại âm – Lặp lại các âm đầu ví dụ: bông bênh, hoa, hoả,....



- *Giai đoạn 2. Nhận ra vần*

Vần: Sự tạo ra vần. VD, âm nào giống với...?/ Nói cho cô biết 1 từ có vần...?

Điệp âm: VD, Từ nào bắt đầu với âm...?

Sự độc lập: các âm đầu và cuối: VD, âm cuối trong từ.... là gì ?

Sự phân đoạn - âm tiết/ âm vị- các từ có 2 và 3 âm tiết/ âm vị. VD, Con có thể nghe thấy bao nhiêu âm tiết trong từ sạch sành sanh....?

- *Giai đoạn 3. Dùng các kỹ năng để phân tích các từ/ âm khác*

Sự phân đoạn – sự xác định của các âm/ âm vị trong từ có 2, 3 và 4 chữ. VD. m/èo, ch/ó, b/óng...

Sự kết hợp - các từ có 3 và 4 âm vị, kết hợp cùng nhau để tạo thành từ. VD. m-è-o,

Sự trao đổi – sự thay thế, sự xoá bỏ, sự nhận ra các mẫu trong các từ. VD, chậu, tậu, đậu

+ Phát triển nhận thức về vần và điệu (âm tiết)

- Từ nào có vần.....?.

- Trẻ cung cấp từ có vần điệu với từ cho trước (gồm cả những từ vô nghĩa).

- Chơi vần có nghĩa bóng.

- Lắng nghe và đếm nhịp nhạc; liên kết điều này với cách chúng ta nói theo giai điệu.

- Vỗ thành nhịp một cụm từ . VD, nu/na/nu/nóng (tức là âm tiết).

+ Phát triển sự nhận thức các từ có chữ đầu

- Dạy cách phát âm từ trong miệng.

- Đảm bảo trẻ được dạy để nhận được sự khác nhau giữa các âm gần giống nhau, sự phân biệt tinh tế giữa các âm.

vd: p/b, t/d, k/c, f/v, m/n

+ Phát triển nhận thức về âm đầu, âm cuối, âm giữa trong các từ

Chơi trò chơi với các thẻ tranh từ vd. nhà, mèo, hoa,... Lần lượt nhặt thẻ và yêu cầu trẻ lắng nghe và xác định vị trí âm đầu, âm cuối, âm giữa. Tất cả trẻ đều có cơ hội để đóng đổi vai làm giáo viên - điều này giúp trẻ phát triển sự tự tin. Phát triển sự xác định vị trí của các âm trong từ đến khi trẻ tự tin hoàn toàn trong việc phân biệt âm thanh.

+ Phát triển nhận thức về khởi đầu và âm vị

- Viết 5 nguyên âm lên bảng trong 1 cột.

- Thêm 1 phụ âm sau nguyên âm, vd em, áp, ít...

#### ***4.4. Những yếu tố cần thiết của chương trình phát triển khả năng đọc, viết***

Gồm 4 thành phần chính:

- Cung cấp những trải nghiệm về từ viết

- Đọc với trẻ

- Viết với trẻ

- Chuyện trò với trẻ về chữ in

*Cung cấp những trải nghiệm về chữ viết:*

- Môi trường: đưa vào khắp nơi trong lớp học, nhà những cái để đọc và những bản viết. Chẳng hạn, dán nhãn các góc, đồ vật, đồ dùng, .... những biểu đồ ghi bằng chữ, áp phích có in chữ, sách, báo, tài liệu in, danh thiếp,....

- Cho trẻ chơi các trò chơi vớ chữ cái

*Đọc với trẻ: để phát triển khái niệm về chữ in*

- Luôn mang tới lớp những cuốn sách được ưa thích và đọc lại những truyện mà trẻ ưa thích.

- Nói về tác giả, chỉ cho trẻ tên tác giả trong cuốn sách

- Đọc sách/ truyện cho trẻ nghe đảm bảo trẻ vẫn nhìn thấy chữ in

- Để cho trẻ lật trang khi bạn đọc

- Thỉnh thoảng chỉ vào những từ và những dấu chấm câu như ! hoặc ?...

- Nói về truyện và ý nghĩa của nó và về những trải nghiệm của bản thân trẻ.

- Trong lúc khác, đối chiếu với những sách đã đọc và liên hệ với cuộc sống.

- Lật ngược cuốn sách và nói với trẻ rằng làm như vậy trông quyển sách thật buồn cười và tại sao như thế thì không thể đọc được.

*Viết với trẻ:* - Trẻ kể chuyện/ sáng tác một câu chuyện, người lớn viết lại

- Làm mẫu: người lớn tỏ ra là người thích đọc, viết.

- Làm cho việc đọc, viết trở nên thú vị và có ý nghĩa.

*Trò chuyện về chữ in:* Cung cấp cho trẻ những cuốn sách tranh có chữ, các thẻ chữ rời; Trò chuyện với trẻ về các con chữ, về đặc điểm của các chữ cái; chơi các trò chơi với các chữ cái.

## **IV. CÁC CHIẾN LƯỢC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN GIAO TIẾP VÀ NGÔN NGỮ CHO TRẺ ASD**

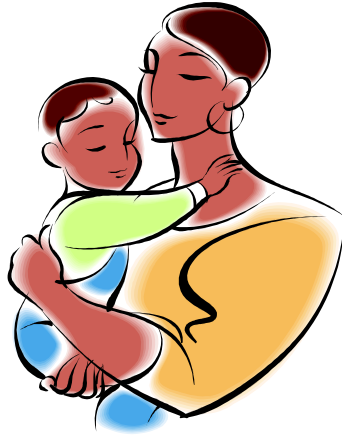
### **1. Lập kế hoạch phát triển ngôn ngữ, giao tiếp**

1. Hoàn thành bảng đánh giá
2. Xem xét các kỹ năng giao tiếp của trẻ và ghi ra những nhu cầu của trẻ.
3. Lựa chọn và viết các mục tiêu dài hạn
4. Quyết định mục tiêu dài hạn cho kỹ năng giao tiếp nào trước.
5. Viết 3 hoặc 4 mục tiêu ngắn hạn cho 1 mục tiêu dài hạn
6. Suy nghĩ về các hoạt động cho các mục tiêu ngắn hạn.
7. Viết ra những người sẽ thực hiện các hoạt động với trẻ
8. Hoàn thành bản kế hoạch và trao đổi với gia đình để thực hiện.

### **2. Các chiến lược hỗ trợ trẻ giao tiếp**

#### **2.1. Các chiến lược hỗ trợ chú ý**

- Thu hút sự chú ý của trẻ bằng hình ảnh
- Tránh những yếu tố gây xao lãng, vd tiếng ồn
- Gọi tên trẻ
- Mặt đối mặt



- Chờ đợi đến khi trẻ thể hiện là trẻ đã nghe thấy trước khi tiếp tục
- Sử dụng hỗ trợ thị giác để giúp trẻ biết sự tương tác sẽ kéo dài trong bao lâu, ví dụ dung đồng hồ

## **2.2. Các chiến lược để hỗ trợ việc hiểu**

- Sử dụng tên trẻ để nhắc trẻ lắng nghe
- Tránh đại từ, vd, “Tôi”, “bạn
- Dùng những từ chính
- Dùng các từ đơn giản
- Chỉ đưa ra một lời hướng dẫn một lần
- Cho trẻ nhiều thời gian để xử lý thông tin
- Sử dụng hỗ trợ hình ảnh để giúp trẻ hiểu, vd tranh ảnh, đồ vật, biểu tượng
- Nói trẻ làm cái gì, không làm cái gì
- Sử dụng “sau đó” để giúp trẻ hiểu trình tự và “kết thúc” để hiểu quá trình.

- Nói về những điều theo thứ tự xuất hiện

### **2.3. Các chiến lược hỗ trợ trẻ hiểu lời nói đùa, chuyện hài hước**

- Trẻ ASD khó khăn trong hiểu chuyện cười, lời bóng gió
- Trẻ có thể hiểu chuyện cười khi được giải thích
- Dùng sách truyện để phát triển tính hài hước và hiểu ý nghĩa từ
- Chơi giả vờ: “Điều gì nếu... chúng ta đi trên lòng bàn tay?”, “Ngốc thế nào..., Bức tranh nào sai ...
- Sử dụng trò chơi mà người chơi phải suy luận thông tin hoặc đoán người khác đang nghĩ gì

### **2.4. Các chiến lược hỗ trợ diễn đạt**

- Dùng đồ vật, tranh ảnh hoặc biểu tượng và nói từ khi bạn chỉ vào nó
- Cùng cố khi trẻ thành công
- Dạy trẻ sử dụng cử chỉ, vd chỉ và duy trì cách bạn sử dụng nó
- Thực hành những gì bạn nói trong tình huống cụ thể, vd chơi đóng vai chào hỏi bạn ở trường.
- Cho trẻ một đồ vật để cầm thể hiện đến lượt trẻ nói
- Sửa lỗi nếu trẻ nói sai và dạy trẻ cách nói đúng



## **2.5. Chiến lược hỗ trợ trẻ ASD có ngôn ngữ nói:**

### *2.5.1. Những khó khăn của trẻ:*

- Lắng nghe hoặc tập trung trong nhóm
- Bắt đầu và duy trì cuộc hội thoại
- Nói luân phiên
- Liên hệ với chủ đề trong hội thoại
- Diễn giải sự tinh tế của ngôn ngữ nói, vd, “Trời ở đây ấm quá”  
có nghĩa là “Bạn có thể mở cửa sổ ra không?”
- Hiểu những ý trù tượng ngoài hiện tại và lúc này
- Hiểu chuyện cười và tiếng lóng
- Điều chỉnh ngôn ngữ phù hợp với tình huống và người nói  
chuyện
  - Đưa ra quá nhiều hoặc quá ít thông tin, không nhận ra chúng quá đột ngột hoặc chán
  - Kết bạn và duy trì tình bạn
  - Nhận ra nhu cầu, tâm trạng và cảm xúc người khác, vd nhận ra ngôn ngữ cơ thể, nét mặt
  - Hiểu rằng sự xuất hiện và ngôn ngữ cơ thể của họ có ảnh hưởng đến người khác (vd, ngáp to trong lớp)
  - Nhận ra có cùng sở thích như bạn khác, vd sưu tầm tem hoặc đĩa nhạc

### *2.5.2. Chiến lược hỗ trợ*

### Nếu trẻ ngắt lời

- Nói với trẻ rằng trẻ đang ngắt lời vì có thể trẻ không nhận ra điều này
- Dạy trẻ giơ tay
- Có dấu hiệu để nói cho trẻ biết khi đến lượt trẻ, vd thẻ, chỉ vào biểu tượng

### Nếu trẻ lặp lại câu hỏi

- Nghĩ xem tại sao trẻ hỏi
- Thử thương lượng với trẻ, vd “Cô sẽ nói với con 1 lần nhưng không nói lại lần nữa đâu”
- Chọn thời điểm khi trẻ có thể hỏi câu hỏi
- Bảo trẻ viết ra câu hỏi và trả lời
- Đưa ra gợi ý hoặc hướng dẫn bằng chữ viết để giúp trẻ học nói cái gì và nói như thế nào
- Nhớ rằng trẻ có thể tìm thấy nó khó khăn xử lí thông tin đặc biệt trong cuộc thảo luận trực tiếp khi nhiều người đang nói. Viết ra những điểm chính và thảo luận những gì đã xảy ra



## V. MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ, GIAO TIẾP CHO TRẺ

### 1. Các hoạt động cho trẻ có một vài từ

Những hoạt động sau đây sử dụng các khối/ viên gạch để khuyến khích luân phiên và sử dụng ngôn ngữ đơn giản, những trò chơi khác có thể được sử dụng ví dụ phân loại hình dạng, trò chơi xếp hình, chơi lô tô. *Điều quan trọng là phải chọn một hoạt động mà trẻ thích.*



- Quyết định bạn muốn khuyến khích cái gì: có thể là lượt của ai (đến lượt mẹ/ đến lượt con), yêu cầu thêm gạch, hoặc nói “xếp lên” khi xếp chồng tháp. Cố gắng sử dụng **cùng** từ ngữ trong hoạt động của bạn.
- Duy trì sự kiểm soát hoạt động bằng cách đảm bảo có gạch trong thùng chứa và đảm bảo trẻ đang ngồi gần bạn.
- Lắc hộp để thu hút sự chú ý của trẻ, có thể đưa lại gần mặt bạn để khuyến khích sự liên hệ mắt.
- Chờ đợi trẻ yêu cầu viên gạch khác hoặc nói đến lượt con và tiến hành xây tháp.

- Mỗi lần tòa tháp được xây lên, hãy nói “Sẵn sàng...” sau đó ngừng lại để trẻ nói “Đỗ”, và làm đổ tháp.

- Mỗi lần trẻ quen với hoạt động và sử dụng từ mục tiêu, tạo ra hoạt động khó hơn, bằng cách:

- Để trẻ khác tham gia cùng, để trẻ phải chờ đợi đến lượt lâu hơn.

- Đưa ra nhiều từ và khái niệm hơn, ví dụ màu sắc (gạch đỏ/ gạch xanh)

## **2. Các hoạt động tương tác cho trẻ không có lời nói hoặc có rất ít**

Khó khăn thường thấy là chia sẻ tương tác với trẻ ASD. Thổi bong bóng có thể khuyến khích trẻ nhỏ và tạo cơ hội tương tác 2 chiều.



- Bạn cần minh họa hoạt động vài lần để trẻ quen
- Đảm bảo thu hút được sự chú ý của trẻ và ngang tầm với trẻ.
- Thổi bong bóng và làm nổ vài lần, sau đó để trẻ làm nổ bong bóng, nói “bốp” khi trẻ làm.

- Khuyến khích tương tác bằng cách chờ đợi trẻ yêu cầu (bằng cử chỉ, âm thanh hoặc từ) cái mà trẻ muốn.

- Chấp nhận các hành động hoặc âm thanh như yêu cầu nhưng thử dùng các từ mà trẻ có thể hiểu, vd “Nữa không? Con muốn nữa không? Và thổi thêm bong bóng.”

Các hoạt động tương tự có thể được chơi bởi thổi bóng bay và để nó bay đi. Chờ đợi trẻ thể hiện trẻ muốn làm lại trước khi lặp lại hoạt động. Đồng thời diễn giải những yêu cầu không lời bằng các từ phù hợp.

### **Trò chơi tương tác để khuyến khích giao tiếp tinh tế hơn**



*Trò chơi “Đoán xem ai đây” tốt cho việc phát triển:*

- *Chú ý đến chi tiết*
- *Các kỹ năng lắng nghe*
- *Luân phiên và theo quy tắc*
- *Nhận biết về người khác*
- *Hiểu rằng người giao tiếp có thể có kiến thức khó khăn*
- *Các kỹ năng diễn đạt và hình thức ngôn ngữ phù hợp*

Mỗi người chơi có bộ tranh ảnh mà người kia không nhìn thấy. Mỗi người chọn một tranh, giữ bí mật, và phải nhớ các đặc điểm của nhân vật trong tranh. Lần lượt, mỗi người hỏi các câu hỏi để giúp tìm ra nhân vật có đặc điểm này.

Ban đầu, trẻ có thể cần khuyến khích để xác định đặc điểm quan trọng trong bức tranh. Vd, Đây là người đàn ông hay đàn bà? Hoặc “Cô ấy có đội mũ không?”

Khi các câu hỏi đã được trả lời, trẻ sẽ được chơi với tranh

Bạn có thể giới thiệu trò chơi bằng:

- Nói về đặc điểm của tất cả các nhân vật trong bức tranh
- Phân nhóm họ, vd tìm tất cả những người đeo kính
- Chơi cùng trẻ để thi đua với ai đó
- Sử dụng cử chỉ và / hoặc tranh để giúp trẻ nghĩ về các loại câu hỏi

### **3.Một số kĩ thuật phát triển kĩ năng diễn đạt cho trẻ ASD**

❶ **Bắt chước theo mẫu:** - Người lớn làm mẫu ngôn ngữ cho trẻ bắt chước ví dụ: Nếu con muốn nước hoa quả hãy nói “con xin nước hoa quả”.

- Sử dụng ngôn ngữ nhắc lại phần cuối câu để giúp trẻ nhớ.
- Kết hợp sử dụng dấu với ngôn ngữ nếu cần.

#### **❷ Lựa chọn**

- Điều này sẽ cho trẻ những từ vựng cần thiết, nhưng không phải là sự bắt chước đơn giản:

Chú ý: Luôn cho trước những cụm từ hoặc từ chính để tránh cho trẻ chỉ chọn một cách đơn giản những từ cuối cùng nghe được.

*Giúp trẻ bằng cách lặp lại các từ đang tìm kiếm*

*Giúp trẻ khi trẻ nói không đúng*

*Giúp trẻ mở rộng cấu trúc câu*

**③** Làm mẫu gián tiếp:

Giáo viên đưa ra câu nói để cung cấp cho trẻ một cách gián tiếp những từ trẻ cần.

Điều này dựa vào sự phân tích linh hoạt mẫu câu và lặp lại câu hoặc một phần trong lời nói của chúng.

Điều này rất hữu ích để khuyến khích những trẻ thụ động trong việc đưa ra yêu cầu

**④** Đưa ra lời nói tương tự

Giáo viên nói mẫu và khuyến khích trẻ dùng một câu tương tự nhưng với những từ khác

**⑤** Mở rộng:

Giáo viên củng cố và mở rộng câu nói của trẻ. Mục đích không chỉ để trẻ nói lại những câu đã được mở rộng của người lớn mà còn để cho trẻ nâng cao dần khả năng ngôn ngữ diễn đạt

**⑥** Đóng vai:

Giáo viên nói mẫu trước. Sau đó GV và trẻ đổi vai và trẻ được khuyến khích để dùng những câu tương tự

Vd: GV: Để gấu bông vào trong hộp. Để cái bút chì dưới quyển sách...

(Sau đó nói với trẻ “Bây giờ con nói cho cô biết phải làm gì nào?)

**⑦** Gây cản trở/ Vật liệu không đầy đủ

Giáo viên xây dựng tình huống bắt buộc trẻ phải đưa ra một lời bình luận hoặc một yêu cầu

vd: Đưa cho trẻ bảng ghép hình nhưng thiếu một vài mảnh.

Yêu cầu trẻ cắt bức tranh nhưng không đưa kéo.

#### **4. Một số gợi ý giao tiếp với trẻ ASD trong hoạt động hàng ngày**

- Giáo viên nên nói rõ ràng và trực tiếp với trẻ, quan tâm tới các từ có âm tương tự nhau. Giáo viên nên luôn có sự giao tiếp mắt-mắt với trẻ và dùng các dấu hiệu thị giác như tranh ảnh, ký hiệu hoặc thẻ hiện nét mặt để hỗ trợ cho lời nói.

- Để thu hút sự chú ý của trẻ, hãy gọi tên trẻ trước khi đưa ra lời hướng dẫn hoặc hỏi chúng một câu hỏi.

- Nên viết các từ mới lên bảng khi trẻ có khả năng đọc. Giáo viên cần nhắc lại các câu trả lời của trẻ khác cho trẻ.

- Để tăng cường sự phát âm và hệ thống âm vị, nên đưa một loạt các hoạt động trị liệu lời nói và ngôn ngữ thông xuyên vào chương trình học tập của trẻ.

- Luôn ghi chép lại các khả năng đọc hiểu và biểu đạt của trẻ.

- Hãy lắng nghe và đáp ứng tất cả các cuộc giao tiếp của trẻ. Hãy tạo thật nhiều cơ hội để trẻ có thể có được những lựa chọn có ý nghĩa.

- Cho trẻ thời gian để tổ chức t duy và tìm các từ mà trẻ muốn sử dụng. Cho trẻ thời gian để suy nghĩ trước khi hành động.

- Sử dụng các kiểu hội thoại để khuyến khích trẻ mở rộng và tăng cường lời nói. Hãy cố gắng tránh các câu hỏi đóng, chỉ yêu cầu câu trả lời một từ; luôn luôn sử dụng câu hỏi mở để khuyến khích việc sử dụng ngôn ngữ.

- Đơn giản hóa ngôn ngữ của bạn một cách phù hợp bất kỳ khi nào có thể.

- Nhắc lại cho cá nhân trẻ mọi lời hướng dẫn mà bạn nói với cả lớp. Hãy cho trẻ thật nhiều cơ hội thực hành ngôn ngữ trong các tình huống có nghĩa đối với chúng. Hãy khuyến khích trẻ giữ vai trò lãnh đạo bất kỳ lúc nào có thể. Ví dụ như đưa ra lời hướng dẫn cho các bạn cùng lớp nh là một giáo viên trợ giảng.

- Cho trẻ thật nhiều cơ hội để được lựa chọn.

- Dùng ký hiệu để tăng cường sự phát triển ngôn ngữ

- Các thẻ hỗ trợ bằng thị giác hoặc các thẻ thể hiện tình cảm có thể tăng cường sức mạnh cho trẻ để thể hiện các nhu cầu của chúng thông qua các cách sử dụng thị giác trước khi chúng có thể làm điều đó bằng lời.

- Điều quan trọng là cha mẹ và các nhân viên trong trường học phải quen với hệ thống ký hiệu của trẻ và có thể hỗ trợ trẻ cả ở trường và ở nhà.

- Các ký hiệu giúp trẻ sử dụng từ mới khi lời nói của chúng khó hiểu.

- Sử dụng kí hiệu như một công cụ trợ giúp trong khi học nói các từ chứ không phải là một công cụ thay thế.

## **5. Các hoạt động giúp phát triển lời nói**

### **\* Các bài tập vận động môi miệng**

Nên thực hiện các dạng hoạt động này cho trẻ hàng ngày. Không nên bắt ép trẻ. ***Hãy làm cho các hoạt động này trở nên thú vị và hãy thực hiện chúng cùng với trẻ.***

**\* Tăng cường điều khiển thở – sử dụng các bài tập về phổi:**

Điều khiển thở cũng quan trọng đối với sự phát triển và điều khiển các âm. Bạn có thể

sử dụng các bài tập sau đây để tăng cường sự điều khiển thở:

- Các bài tập thở sâu (cơ hoành và phổi)
- Các bài tập thư giãn
- Tạo ra các âm đều đều
- Tạo ra các âm đơn.
- Các bài tập thể chất luyện kỹ năng vận động thô (chạy, trèo, đạp xe, các môn điền kinh, v.v)
- Thổi bong bóng dùng dụng cụ thổi bong hoặc qua một cái ống hút.
- Thổi hoặc mút qua một cái ống hút.
- Thổi sáo
- Thổi chiếc thuyền cho nó trôi trong nước
- Thổi bong bóng xà phòng tằm cho nó rơi khỏi tay bạn hoặc tay trẻ.
- Thổi những chiếc lông
- Phả hơi thở vào một chiếc gương hoặc cửa sổ để tạo ra một hình gì đó.
- Thổi chong chóng giấy và làm cho chúng quay.

**\* Các bài tập với các khoang mũi, miệng – nhận thức về lưỡi và miệng:**

- Bôi mật ong hoặc mút lên môi và xung quanh miệng trẻ để bé liếm bằng lưỡi của mình.



- Thè lưỡi của bạn ra ngoài và bảo trẻ bắt chước theo. Hãy đưa lưỡi của bạn lên/xuống, sang phải, sang trái, liếm quanh miệng, uốn cong lưỡi lên, v.v.

- Thổi một chiếc lông, một cái lá hoặc một mảnh giấy cho bé và ngược lại

- Ngậm một mảnh giấy giữa hai môi.

- Phồng má và xem liệu trẻ có bắt chước bạn không

- Búng lưỡi bĩu môi và nhìn xem trẻ có thể bắt chước bạn không.

- Hôn và gửi nụ hôn theo gió.

- Thổi ống hút, tạo ra các âm thanh thông qua việc thổi (ví dụ như thổi sáo), thổi bong bóng, thổi vào một cái gì đó (ví dụ như thổi qua một cái ống hút tới các quả bóng bằng giấy).

- Bắt chước các khuôn mặt trong gương. Tạo ra các nét mặt khác nhau: khuôn mặt với cái môi dẩu ra, khuôn mặt đang mỉm cười, nói 'oo', 'ee', lưỡi thè ra, thụt vào, lên xuống, liếm mép, cong lên, v.v.

- Chơi các trò chơi bắt chước tiếng kêu của các con vật

- Hát các bài hát và các giai điệu

- Chơi các trò chơi với các từ không có nghĩa nhưng có âm điệu.

Chúng ta cũng có thể khuyến khích sự vận động và sự phối hợp các cơ quan phát ra lời nói bằng cách cải thiện các thói quen ăn uống của trẻ.

- Khuyến khích trẻ ăn các thức ăn cứng như: hoa quả, rau, và bánh mì.

- Cho thức ăn vào giữa hai hàm răng ở bên phải hoặc bên trái miệng để khuyến khích trẻ nhai.

- Giúp trẻ ngậm miệng lại trong khi nhai. Khen bé khi bé cố gắng.

- Nhẹ nhàng mát xa các cơ má trẻ bằng cách xoa vòng tròn sử dụng các đầu ngón tay. Tập các bài tập này trong giờ tắm như một phần của hoạt động tắm.

**Lưu ý:** Những gợi ý trên có thể không hiệu quả lúc ban đầu nhưng xin đừng từ bỏ chúng quá nhanh chóng. Hãy cho trẻ thời gian để điều chỉnh và học các kỹ năng mới.

### **\* Các bài tập luyện nghe**

Chúng ta có thể phát triển các kỹ năng lắng nghe của trẻ bằng cách chơi các trò chơi.

Kỹ năng này đến lượt nó sẽ giúp tăng cường khả năng nói cho trẻ.

Điều quan trọng nhất là hãy dành nhiều thời gian mỗi ngày để chơi các trò chơi như các hoạt động dưới đây với trẻ và những hoạt động khác nữa và bạn **hãy làm cho những hoạt động này trở nên thú vị.**

- Khi bạn nói chuyện với trẻ, hãy nhắc trẻ “lắng nghe”.

- Chơi các trò chơi cần phải đợi “chuẩn bị, sẵn sàng, bắt đầu” với bóng, các viên đá, đồ chơi (ví dụ: với bất kỳ cái gì có thể lăn được như bóng hoặc đồ chơi giữa hai người hoặc thả vào cái hộp như thả một viên đá hoặc một quả bóng vào một cái hộp bằng kim loại).

- Chơi một nhạc cụ cho trẻ nhảy theo. Chúng phải lắng nghe và tắt cả phải ngồi xuống khi nhạc tắt. Chơi các trò chơi bắt đầu – kết thúc sử dụng các nhạc cụ như một dấu hiệu âm thanh.

- Khám phá các nhạc cụ: bộ gõ, bộ thổi và bộ rung.

- Chơi trò “đoán bộ nhạc cụ nào” với trẻ: Trẻ lắng nghe trong khi phải nhắm mắt và nhạc cụ đó được phủ bằng một tấm vải. Liệu trẻ có xác định được bạn đang đánh nhạc cụ nào không?

- Gõ theo nhịp điệu vào một cái trống. Trẻ phải nghe và bắt chước nhịp điệu đó.

- Gõ những tiếng thật to trên trống. Trẻ phải nghe và di chuyển minh họa âm thanh đó (ví dụ: giống như tiếng một con vật to như con trâu đang di chuyển). Gõ nhẹ vào trống. Trẻ phải nghe và di chuyển minh họa âm thanh đó. (chẳng hạn giống như một con vật nhỏ như con chuột).

- Lấy ra một bộ tranh ảnh các con vật. Trẻ phải nghe và khi bạn bắt chước tiếng kêu của một con vật nào đó, bé phải ghép âm thanh đó với bức tranh con vật tương ứng.

- Hãy lấy ra cái hộp. Hai hộp này có âm thanh khác nhau. Ví dụ trong hộp 1 âm thanh là “B”, trong hộp 2, âm thanh là “Đ”. Trẻ phải nghe bạn nói “B” hay “Đ” và cho một viên đá vào cái hộp tương ứng. Có thể thực hiện bài tập này theo nhiều cách khác nữa: có thể sử dụng các cách như đơn giản nói các âm chữ cái, nói các từ bắt đầu bằng các âm mà chúng ta muốn trẻ học, cầm các đồ vật thật có chữ đầu là “B” hoặc “Đ” như những cách hỗ trợ về thị giác. Điều này cũng sẽ giúp trẻ tăng khả năng chú ý lắng nghe.

- Hãy gọi tên các đồ vật quen thuộc. Khi nói các từ hãy cố ý nói sai. Ví dụ như nói “kén” thay cho từ cái “chén”. Trẻ phải lắng nghe và sửa lỗi sai cho bạn khi bạn sai.

- Chơi các trò chơi bán hàng. Trong khi chơi, trẻ phải nghe thật kỹ các từ. Ví dụ: bạn đề nghị trẻ “đi và mua một ít đường”.

- Giấu một thứ đồ chơi âm nhạc hoạt động bằng cách lên dây cót và cho trẻ tìm thứ đồ chơi đó bằng cách lắng nghe âm thanh phát ra từ đâu.

**Lưu ý:** những gợi ý này có thể chưa đem lại hiệu quả lúc đầu nhưng xin đừng từ bỏ nó quá nhanh. Hãy cho trẻ thời gian để điều chỉnh và học những kỹ năng mới.

### **\* Nói**

Điều quan trọng nhất cần phải làm là giúp trẻ cảm thấy thích nói và trẻ được khuyến khích “thực hành” nói.

- Khi trẻ cố gắng nói, hãy khuyến khích bé. Chấp nhận mọi nỗ lực của trẻ thậm chí ngay cả khi lời nói của bé chưa chuẩn.

- Hãy dành thời gian nói cùng với trẻ. Hãy lắng nghe những gì bé nói với bạn và thể hiện sự thích thú của bạn đối với những gì bé nói.

- Hãy lắng nghe nhiều hơn là bạn nói. Hãy cho trẻ thời gian để nghĩ về những gì bạn nói với chúng trước khi mong đợi chúng trả lời. Hãy đừng nói với trẻ mà không lắng nghe câu trả lời của trẻ.

- Bạn hãy là những người làm mẫu chuẩn trong việc sử dụng ngôn ngữ và hành động. Điều đó sẽ giúp cho việc hiểu và sử dụng ngôn ngữ của trẻ.

- Hãy lặp lại và nhấn mạnh các từ mới và/hoặc những từ không quen thuộc. Điều đó sẽ giúp trẻ vì khi trẻ nghe các từ đó vài lần, nó sẽ tăng cường khả năng hiểu của trẻ.

- Hãy cùng ngồi nhìn vào tranh ảnh và sách truyện với trẻ. Hãy nói về các bức tranh ảnh, những hình vẽ trong đó. Kể cho nhau nghe các câu chuyện.

- Cho trẻ cùng tham gia vào các cuộc hội thoại. Bạn có thể sẽ giúp trẻ hiểu các từ mới bằng cách nói về những gì mà trẻ thích thú và cảm thấy thú vị. Người lớn có thể khuyến khích các trẻ nói và chơi cùng nhau bằng cách bình luận hoặc nói với những trẻ khác nữa.

- Sử dụng các dấu hiệu thị giác. Dùng các đồ vật, tranh ảnh, và các cử chỉ điệu bộ để hỗ trợ những gì bạn đang nói và khuyến khích trẻ làm như bạn. Đừng kỳ vọng là trẻ học ngôn ngữ chỉ qua nghe; trẻ cần học thông qua việc kết hợp những gì trẻ nghe được với những gì trẻ thấy và làm được.

- Hãy nhấn mạnh sự luân phiên. Điều đó giúp trẻ hiểu rằng bạn sẽ lắng nghe bé nhưng ng-ợc lại bé cũng phải lắng nghe bạn. Việc chơi các trò chơi luân phiên (ví dụ như các trò chơi với bóng) sẽ giúp trẻ phát triển kỹ năng này.

- Hãy đánh giá cao giá trị của những gì trẻ nói. Thậm chí ngay cả khi bạn không hiểu hết những gì bé nói, nhưng xin đừng bỏ qua những lời bình luận của bé.

- Nếu trẻ nói một điều gì đó không đúng, hãy nhắc lại nó nhưng bằng những từ ngữ đúng để sửa cho trẻ. Ví dụ: Trẻ nói “Chiếc ô tô này màu vàng”; người lớn nên nói: “ừ, đúng rồi con ạ, nó màu vàng”. Xin đừng sửa lỗi trẻ và đừng bắt chúng nói lại.

- Hãy sử dụng những từ ngữ đơn giản.

- Hãy đưa ra một lời chỉ dẫn tại một thời điểm. Thêm dần một chút thông tin vào những lời chỉ dẫn đó một cách từ từ theo thời gian. Ví dụ “Đi giày vào” – “Đi giày và mặc áo khoác vào” – “Mặc áo khoác vào và ngồi xuống.”

Cho trẻ thời gian để lắng nghe những gì người ta nói, suy nghĩ về những lời nói đó và sau đó đáp ứng lại.

- Hãy kiểm tra việc hiểu của trẻ. Việc đề nghị trẻ nhắc lại những gì bạn nói với bé có thể có ích mặc dù chúng ta biết rằng nếu một trẻ có thể nhắc lại những gì bạn nói không phải bao giờ cũng có nghĩa là bé đã hiểu những lời nói đó.

- Nhắc lại các thông tin bằng các cấu trúc khác nhau. Nếu trẻ không hiểu, hãy đơn giản hóa hơn nữa câu nói của bạn. Ví dụ: “Thủy, hãy lấy cho mẹ quyển sách lớn màu xanh ở phía đằng kia ra đây”, bạn thay đổi cho đơn giản hơn nếu trẻ chưa hiểu: “Thủy, lấy quyển sách màu xanh” và chỉ về phía quyển sách để hướng dẫn thêm những gì bạn đang nói cho bé.

- Đừng bắt ép trẻ nói trước mặt người khác nếu bé không muốn làm điều đó.

- Đừng cười trẻ khi trẻ phát âm sai từ. Thêm vào đó, bạn hãy khuyến khích bé và nói to từ đúng cho bé nghe.

- Hãy chia sẻ những gợi ý này để mọi người đều biết cách giúp trẻ.

### **Lưu ý:**

- Trước khi thử thực hiện bất kỳ một điều gợi ý nào trên đây, bạn hãy đảm bảo là trẻ đã ngồi ở một vị trí thoải mái.

- Những gợi ý này có thể chưa đem lại hiệu quả gì lúc ban đầu thì bạn cũng đừng nên từ bỏ nó quá nhanh. Hãy cho trẻ thời gian để điều chỉnh và học những kỹ năng mới.

## **VI. DANH MỤC MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG**

Lưu ý: Một số hoạt động này có thể không phù hợp với một số trẻ nào đó. Trước tiên cần phải lưu ý tới các khả năng và nhu cầu của từng cá nhân.

Nên chọn lựa các hoạt động phù hợp để đáp ứng những khả năng và các nhu cầu đó cho từng cá nhân trẻ.

### **1. Một số hoạt động dành cho trẻ chưa nói được**

**Hoạt động 1:** Ôm trẻ lại gần bạn. Thể hiện một khuôn mặt đầy thích thú và phát ra những âm thanh thú vị. Đưa tay trẻ chạm vào mặt bạn và giúp bé cảm nhận khuôn mặt bạn và nhìn vào mắt bạn.

#### **Để phát triển các kỹ năng:**

Xã hội/ Thị giác/nhìn

Sờ

**Hoạt động 2:** Cho trẻ các cơ hội lựa chọn, ví dụ, ban đầu cho trẻ uống nước lạnh, sau đó nước ấm; đưa cho bé thức ăn ngọt sau đó chua. Đối với mỗi hoạt động chú ý xem phản ứng của bé đối với những thứ đó như thế nào, cái gì bé thích, và cái gì bé không thích. Luôn đáp ứng phù hợp với những thể hiện thích và không thích của bé.

#### **Để phát triển các kỹ năng:**

Xã hội

Sờ

Ném

Hành động có mục đích

**Hoạt động 3:** khi cho trẻ ăn, hãy dừng lại trước khi bé no. Hãy chú ý xem bé làm gì để thể hiện là bé muốn nữa. Trong một dịp khác, tiếp tục cho trẻ ăn cho đến khi bé cho biết là bé đã no rồi. Luôn cho bé một cơ hội để thể hiện những gì bé muốn hoặc không muốn và đáp ứng lại một cách phù hợp.

**Để phát triển các kỹ năng:**

Xã hội

Hành động có mục đích

**Hoạt động 4:** chơi các trò chơi với trẻ, đu đưa bé, cù bé, cho bé nhún nhảy trên đầu gối của bạn. Thực hiện những hoạt động đó một vài lần rồi dừng lại. Đợi và chú ý xem bé có thể hiện là bé muốn nữa không. Sau đó tiếp tục và lại dừng lại. Theo cách này, bạn đã xây dựng cho bé cách đề nghị và đáp ứng theo lượt: bé đưa ra một dấu hiệu và bạn đáp ứng. Đây là một dạng "hội thoại".

**Để phát triển kỹ năng:**

Xã hội

Hành động có mục đích

Sờ

Vận động

**Hoạt động 5:** Thu thập một loạt các đồ vật phát ra âm thanh khác nhau. Ví dụ, các viên sỏi trong một cái hộp, cát trong một cái hộp, chuông, các loại hạt trong một cái bình nhựa. Chơi các trò chơi khuyến khích trẻ nghe những âm thanh khác nhau. Giúp trẻ tự lắc các đồ vật đó.

**Để phát triển các kỹ năng:**

Nghe/lắng nghe

Sờ



**Hoạt động 6:** Bé trẻ lên, ghé sát mồm bạn vào tai trẻ khi bạn nói chuyện với bé. Nói bằng một giọng êm ái, rõ ràng, thay đổi âm sắc khác nhau để khuyến khích trẻ lắng nghe.

**Để phát triển các kỹ năng:**

Nghe/lắng nghe

**Hoạt động 7:** hát các bài hát cho trẻ nghe. Bé trẻ và nhún trẻ theo điệu của bài hát.

**Để phát triển kỹ năng:**

Nghe/lắng nghe

Vận động

**Hoạt động:** dùng các đồ vật tạo âm thanh. Lúc này, tạo nên các âm từ các hướng khác nhau. Khuyến khích trẻ tìm nơi phát ra âm thanh.

**Để phát triển các kỹ năng:**

Nghe/lắng nghe

**Hoạt động 8:** thu hút sự chú ý của trẻ tới các âm khác nhau và các sự việc diễn ra xung quanh bé mỗi ngày, ví dụ, tiếng đài, ô tô, xe buýt, tiếng trẻ con khóc, trẻ em chơi, tiếng nước chảy, v.v.

**Để phát triển các kỹ năng:**

Nghe/lắng nghe

**Hoạt động 9:** cho trẻ thấy cách gõ vào một cái chảo hoặc cái trống để tạo ra các âm thanh như thế nào. Giúp trẻ gõ nhẹ để tạo nên những âm thanh nhỏ và gõ mạnh để tạo nên những âm thanh to. Bé sẽ nhận ra là bé có thể tạo nên các âm thanh khi bé cử động tay.

**Để phát triển các kỹ năng:**

Nghe/lắng nghe

Làm cho mọi thứ diễn ra.

Bắt chước

Sờ

**Hoạt động 10:** chơi gõ ngón theo nhịp với trẻ, cù và sờ vào tay trẻ khi bạn hát một giai điệu hoặc một bài hát.

**Để phát triển các kỹ năng:**

Nghe/ lắng nghe

Sờ

**Hoạt động 11:** tìm một mảnh nhựa hoặc mảnh vải lớn phát ra tiếng khi mân mê chúng. Giúp trẻ di chuyển người để những mảnh đó phát ra tiếng. Khuyến khích bé lắng nghe, và di chuyển người lại. Bé sẽ nhận ra là bé có thể tạo ra âm thanh bằng cách di chuyển người.

**Để phát triển kỹ năng:**

Lắng nghe

Cảm giác

Vận động

Tạo ra một thứ gì đó

**Hoạt động 12:** tìm những đồ vật gì đó phát sáng, lấp lánh xung quanh nhà. Chỉ cho bé thấy. Nếu bé không nhìn, hãy di chuyển đồ vật vào tầm nhìn

của bé, hoặc quay đầu bé để giúp bé nhìn vật đó. Hãy di chuyển đồ vật để khuyến khích bé nhìn theo. Hãy cho trẻ cảm nhận và khám phá đồ vật đó.

**Để phát triển các kỹ năng:**

Nhìn/ nhìn chăm chú

Sờ

**Hoạt động 13:** Làm các đồ vật sáng di động. Treo chúng ở nơi trẻ có thể nhìn thấy, và ở nơi mà chúng có thể chuyển động khi có gió. Thu hút sự chú ý của trẻ tới các đồ vật di động đó.

**Để phát triển kỹ năng:**

Nhìn/ nhìn chăm chú

**Hoạt động 14:** buộc một đồ vật dễ thu hút trẻ vào một sợi dây hoặc một sợi dây cao su. Treo nó lên trước mặt trẻ để trẻ có thể nhìn thấy. Đưa vào tay cho bé để bé có thể với tới nó. Giúp bé dùng tay đánh vào đồ vật để làm nó đung đưa.

**Để phát triển kỹ năng:**

Nhìn/ nhìn chăm chú

**Hoạt động 15:** tìm một nơi nào đó để bé có thể nhìn thấy nhiều thứ diễn ra xung quanh bé và mọi người đang làm việc hơn là để bé nằm một mình trong phòng. Để bé ngồi an toàn ở vị trí đó. Nói với bé về tất cả mọi thứ đang diễn ra.

**Để phát triển kỹ năng:**

Nhìn/ nhìn chăm chú

Xã hội

**Hoạt động 16:** Cho bé nằm sấp với một cái khăn tắm cuộn tròn dưới nách. Đặt các thứ đồ chơi ở tầm nhìn của trẻ và chơi với chúng, tạo ra các âm thanh phù hợp, ví dụ, tiếng xe ô tô hoặc tiếng các con vật kêu. Khuyến khích bé nhìn và lắng nghe khi bạn chơi và tham gia vào trò chơi.

**Để phát triển các kỹ năng:**

Lắng nghe

Nhìn/ nhìn chăm chú

Sờ

**Hoạt động 17:** tìm nhiều đồ vật có kết cấu khác nhau như vải lụa, vải thô, len, giấy ráp, giấy, thảm, v.v. Cho trẻ chà xát tay vào các kết cấu đó và cảm nhận chúng. Cho trẻ cảm nhận bằng các bộ phận khác nhau của cơ thể.

**Để phát triển các kỹ năng:**

Sờ

**Hoạt động 18:** sử dụng các mảnh vải có các kết cấu khác nhau làm thành "một quyển sách" với các kết cấu khác nhau trên mỗi trang. Làm một cái bảng trên đó cũng sắp xếp các kết cấu khác nhau. Bạn có thể thêm những vật thú vị khác như: khuy, giấy, chuông, v.v.

Cho trẻ thưởng thức việc sờ tay lên tất cả những kết cấu đó.

**Để phát triển các kỹ năng**

Sờ

**Hoạt động 19:** lấy ra một mảnh vải hoặc một chiếc chiếu lớn. Trên đó đính các đồ hấp dẫn khác nhau với các kết cấu khác nhau, ví dụ, một miếng vải thô, một miếng vải nhung, một mảnh nhựa, mảnh vải màu da cam, vv.

Cho trẻ nằm lên trên chiếc chiếu đó và cho trẻ lăn xung quanh, cảm nhận tất cả các kết cấu khác nhau đó.

### **Để phát triển các kỹ năng**

Sờ

Vận động

**Hoạt động 20:** trong giờ tắm, hãy cho trẻ thưởng thức việc cảm nhận mọi thứ. Ví dụ, cho trẻ cảm nhận bánh xà phòng ướt, giúp trẻ vỗ nước, giúp trẻ cảm nhận nước ở các nhiệt độ khác nhau. Sau đó, khi lau khô cho bé, lấy khăn tắm lau tất cả các bộ phận trên cơ thể bé, lúc nhẹ nhàng, lúc mạnh tay. Quấn trẻ trong một chiếc khăn tắm và cho trẻ cảm nhận chiếc khăn đang quấn quanh người bé.

### **Để phát triển các kỹ năng**

Sờ

**Hoạt động 21:** thu thập các mảnh báo và tạp chí. Bạn hãy ngồi cùng với trẻ vò, xé, cảm nhận và cuộn tròn chúng lại thành các mảnh nát. Thích thú với việc cảm nhận và cả những âm thanh tạo ra từ những hoạt động đó.

### **Để phát triển các kỹ năng**

Sờ

Nghe/lắng nghe

**Hoạt động 22:** cho các thứ gây hấp dẫn vào những cái bồn khác nhau để cảm nhận. Ví dụ, các hạt đậu, cát, nước, lá, v.v. Đặt cho bé ngồi để bé có thể đặt bàn chân lên những chiếc bồn đó và khám phá những kết cấu đó bằng chân của mình.

### **Để phát triển các kỹ năng**

Sờ

**Hoạt động 23:** giúp trẻ nắm các đồ vật bằng tay. Khuyến khích bé gõ các đồ vật đó lên một cái trống hoặc một cái nồi. Sau đó, giúp bé nắm một đồ vật trong mỗi tay và gõ những đồ vật đó vào nhau.

### **Để phát triển các kỹ năng**

Sờ

Nghe/lắng nghe

**Hoạt động 24:** cho trẻ ngửi nhiều thứ khác ở xung quanh nhà, ví dụ, mùi thức ăn, mùi xà phòng, hoa, quả, mùi quần áo sạch, quần áo bẩn, v.v. Chú ý xem bé phản ứng với các mùi bé thích và không thích như thế nào.

### **Để phát triển các kỹ năng**

Sờ

Ngửi

**Hoạt động 25:** đảm bảo chắc chắn là trẻ có cơ hội trải nghiệm các vị khác nhau. Hãy cho trẻ thử nếm các loại thức ăn chua, ngọt, mặn, đắng. Chú ý xem phản ứng của bé đối với các vị này như thế nào. Những phản ứng đó là cách bé nói cho bạn biết bé thích vị nào và không thích vị nào.

### **Để phát triển các kỹ năng:**

Nếm

**Hoạt động 26:** hãy cho trẻ ăn các loại thức ăn có cấu trúc khác nhau như chuối, thịt, bánh mì, mứt, táo, v.v.

Giúp bé làm quen với các loại thức ăn đa dạng.

**Để phát triển các kỹ năng:**

Ném

Sờ

**Hoạt động 27:** cho trẻ nằm trên một cái khăn tắm/ga trải giường. Một người giữ một đầu khăn gần phía đầu trẻ và một người khác cầm đầu kia của chiếc khăn gần phía chân trẻ. Nghiêng bé lên phía trên bên trái và nhẹ nhàng đung đưa bé đang nằm trong chiếc khăn. Ngừng lại và đợi xem bé có tỏ dấu hiệu nào là bé muốn được làm như thế nữa hay không. Sau đó bắt đầu đung đưa bé tiếp. Lại ngừng lại một lúc, chờ bé đáp ứng, sau đó lại tiếp tục đung đưa bé...

**Để phát triển các kỹ năng**

Xúc giác

Vận động

Tác động và làm cho một điều gì đó diễn ra.

**Hoạt động 28:** bế trẻ ở các vị trí khác nhau và đung đưa bé nhẹ nhàng. Giống như các hoạt động trước, ngừng lại một lúc và sau đó cho bé cơ hội để thể hiện là bé muốn được làm như thế nữa.

**Để phát triển các kỹ năng**

Vận động

Làm cho một điều gì đó diễn ra

**Hoạt động 29:** chơi các trò chơi "cảm giác mạnh" với trẻ, ví dụ như cù bé, lăn vằn bé, tung bé lên xuống, ôm chặt bé.

### **Để phát triển các kỹ năng**

Vận động

**Hoạt động 30:** lăn bé từ bên này sang bên kia khi bé ngồi trên chân bạn hoặc trên một cái trục lăn lớn. Đỡ hông bé. Cũng thử cho bé nằm trên một cái trục lăn lớn (như khúc gỗ, đệm) và nhẹ nhàng đẩy bé tới lui.

### **Để phát triển các kỹ năng**

Vận động

**Hoạt động 31:** cho trẻ nằm ngửa. Bạn hãy ngồi quỳ bên trên bé, nhẹ nhàng nắm hai cánh tay bé và chuyển động chúng lên xuống và ra hai bên. Đổi người ngồi ngược lại và làm tương tự đối với chân bé.

### **Để phát triển các kỹ năng**

Vận động

**Hoạt động 32:** chơi trò chơi "kéo cưa lừa xẻ". Cho bé ngồi đối diện với bạn, dạng chân ra. Nắm lấy hai vai của bé và đẩy bé tới lui nhẹ nhàng như kéo cưa.

### **Để phát triển các kỹ năng**

Vận động

**Hoạt động 33:** chơi trò "ú oà" với trẻ, che mặt bạn lại. Trùm một cái khăn tắm lên trên đầu bạn, sau đó lại lấy nó ra. Sau đó, khuyến khích bé kéo chiếc khăn tắm khỏi đầu bạn. Hãy thể hiện sự ngạc nhiên và khen bé.

### **Để phát triển các kỹ năng**

Nhận thức được các đồ vật bị giấu đi



Xã hội

**Hoạt động 34:** sau khi chơi trò chơi trên, trùm lên đầu trẻ một chiếc khăn. Kéo nó ra và thể hiện sự thích thú khi bạn nhìn bé. Sau đó lại trùm chiếc khăn lên đầu bé và khuyến khích bé tự kéo nó ra. Khen bé khi bé làm điều đó.

**Để phát triển các kỹ năng**

Nhận thức được các đồ vật bị giấu đi

Xã hội

**Hoạt động 35:** lấy ra một đồ vật mà trẻ thích. Phủ một chiếc khăn lên trên một nửa đồ vật đó sao cho trẻ có thể nhìn thấy. Cầm tay bé và giúp bé kéo chiếc khăn ra. Thể hiện sự ngạc nhiên. Khi bé đã quen với trò chơi này, bạn làm lại nhưng lần này dùng khăn phủ kín đồ vật. Giả vờ tìm kiếm vật đó, và giúp bé kéo chiếc khăn ra để tìm. Khen bé khi bé làm điều đó.

**Để phát triển các kỹ năng**

Nhận thức được các đồ vật bị giấu đi

Xã hội

**Hoạt động 36:** lấy một thứ đồ chơi mà trẻ thích. Buộc nó vào một sợi dây. Khi trẻ đang nhìn nó, hãy kéo sợi dây để thứ đồ chơi đó biến mất sau chiếc hộp. Hãy hỏi bé: "nó biến đâu mất rồi nhỉ?" và giả vờ tìm kiếm nó. Kéo sợi dây để thứ đồ chơi đó hiện ra và nói: "à, nó đây rồi!" Thường xuyên chơi trò chơi này để trẻ nhận ra là cho dù bé không thể nhìn thấy một đồ vật nào đó nhưng nó vẫn đang tồn tại.

**Để phát triển các kỹ năng**

Nhận thức được các đồ vật bị giấu đi

**Hoạt động 37:** cho trẻ thấy một đồ vật hấp dẫn nào đó. Khi bé trở nên thích thú, hãy lấy đồ vật đó ra và đặt nó ở ngoài tầm với của bé. Nếu bé cố gắng với lấy nó, hãy đợi một giây, sau đó đưa nó cho bé. Mỗi khi bé với lấy một thứ gì đó, hãy đưa đồ vật đó cho bé sao cho việc với trở thành một phương tiện giao tiếp.

### **Để phát triển các kỹ năng**

Hành động có mục đích

**Hoạt động 38:** tiến đến trẻ như thể đang chuẩn bị bế bé lên. Hãy đợi một dấu hiệu nào đó thể hiện bé mong muốn được bế lên. Khi bé làm như vậy, hãy thể hiện một sự thích thú và bế bé lên. Sau đó, làm tương tự như vậy một lần nữa nhưng hãy chờ đợi một dấu hiệu rõ ràng hơn (ví dụ như một cử động, một âm nào đó phát ra, cánh tay bé giơ lên) trước khi bế bé lên.

### **Để phát triển các kỹ năng**

Hành động có mục đích

**Hoạt động 39:** đặt thức ăn ngoài tầm với của trẻ. Nếu bé cử động thể hiện là bé đang cố gắng với tới đồ ăn, khen bé và đưa cho bé đồ ăn đó. Khuyến khích mọi cử động thể hiện bé muốn với lấy một thứ gì đó.

### **Để phát triển các kỹ năng**

Hành động có mục đích

**Hoạt động 40:** buộc một mẫu dây vào một thứ đồ chơi mà bé thích. Đặt thứ đồ chơi đó ra ngoài tầm với của bé nhưng đầu kia của sợi dây nằm trong tầm với của bé. Giúp bé nắm sợi dây và kéo dây để đưa thứ đồ chơi đó tới gần bé. Khuyến khích bé làm điều đó một mình.

### **Để phát triển các kỹ năng**

Hành động có mục đích

**Hoạt động 41:** xây một tháp gạch, hướng dẫn trẻ dùng tay đánh đổ chiếc tháp đó. Cười và thể hiện sự ngạc nhiên. Khen trẻ. Thường xuyên lặp lại trò đó, dần dần trẻ sẽ có thể tự đánh đổ toà tháp đó.

### **Để phát triển các kỹ năng**

Hành động có mục đích

**Hoạt động 42:** khi trẻ đang làm gì đó, ví dụ, vỗ tay, gõ trống, chớp mắt, v.v. hãy bắt chước những hành động đó của trẻ và cùng với bé làm điều đó. Sau đó, chọn một hành động mà bạn đã nhìn thấy trẻ làm trước đó. Làm như vậy và khuyến khích bắt chước bạn.

### **Để phát triển các kỹ năng**

Bắt chước các hành động

**Hoạt động 43:** chọn một hành động mới mà trẻ chưa làm bao giờ. Thực hiện hành động đó và khuyến khích bé bắt chước bạn. Thử vỗ vào đùi, vỗ trống, mở và nắm bàn tay, v.v.

### **Để phát triển các kỹ năng**

Bắt chước các hành động

**Hoạt động 44:** bắt chước tất cả các âm mà bé phát ra.

### **Để phát triển các kỹ năng**

Phát âm

**Hoạt động 45:** giới thiệu các âm mới, sao cho bạn bập bẹ và lên xuống giọng, nói to và nhỏ, và tạo ra các âm thanh khác nhau.

**Để phát triển các kỹ năng**

Phát âm

**Hoạt động 46:** tạo ra nhiều âm thanh khi bạn chơi. Ví dụ, âm thanh của ô tô, tiếng kêu của các con vật, và những âm thanh ngộ nghĩnh khác. Cũng sử dụng các âm trong các hoạt động hàng ngày, ví dụ, tiếng vỗ nước trong khi tắm.

**Để phát triển các kỹ năng**

Phát âm

**Hoạt động 47:** chú ý thời điểm mà trẻ phát ra nhiều âm nhất, ví dụ, như khi chơi trong nước, khi đang bị cù hoặc đang được đung đưa, v.v. Tập dụng những thời điểm này để khuyến khích trẻ phát âm nhiều hơn.

**Để phát triển các kỹ năng**

Phát âm

**2. Một số hoạt động cho trẻ tự kỉ đã biết nói (3-6 tuổi)**

**Hoạt động 48.** Nhận ra âm thanh, lời nói vừa nghe thấy

- Đẽ đồ chơi và nhạc cụ lên bàn
- Bảo trẻ ngồi xung quanh bàn
- Hỏi xem có em nào xung phong để bị bịt mắt không

- Bảo em đó rằng sau khi bịt mắt xong, bạn sẽ cho em nghe một âm thanh, rồi em đó hãy nói xem âm thanh đó phát ra từ loại nhạc cụ nào hay món đồ chơi nào

- Bảo một em khác trong lớp tự chọn một nhạc cụ hay một món đồ chơi và tạo ra âm thanh

- Nếu em bị bịt mắt trả lời đúng, cho em đó chỉ định em khác lên bịt mắt và chơi tiếp

- Nếu em bị bịt mắt trả lời sai, nói cho em đó biết đáp án đúng, cho em đó nghe một âm thanh khác và cố gắng tìm ra câu trả lời

#### **Hoạt động 49.** Nhận ra âm thanh to và nhỏ

- Chuẩn bị một số món đồ có thể tạo ra âm thanh lớn nhỏ khác nhau
- Làm cho trẻ xem các món đồ tạo ra âm thanh lớn nhỏ khác nhau thế nào
- Bảo trẻ hãy nghe và nói xem đó là âm thanh lớn hay nhỏ
- Dùng một món đồ và tạo ra âm thanh lớn
- Hỏi trẻ xem âm thanh đó lớn hay nhỏ
- Thưởng cho trẻ một món quà nếu trả lời đúng
- Luân lượt với những món đồ khác và các em khác trong lớp
- Quay lại vòng hai với những em trả lời sai, khuyến khích gợi ý.

#### **Hoạt động 50.** Phân loại âm thanh

- Bảo một em hãy đứng lên trước lớp
- Thầm thì vào tai em đó một âm thanh

- Bảo em đó hãy bắt chước lại âm thanh đó và gọi một em khác lên nói tên âm thanh đó

- Nếu em đó trả lời đúng, bảo em đó tiếp tục tạo một âm thanh khác cho một em khác đoán

- Nếu em đó trả lời sai, hãy gọi em khác

- Tiếp tục chơi đến khi tất cả các em đều được chơi hai lần

**Hoạt động 51.** Thực hiện 2 yêu cầu đơn giản không liên quan với nhau

- Chia cả lớp thành 2 nhóm

- Giải thích rằng cả lớp sẽ chơi một trò chơi tìm ra các đồ vật theo màu, và tất cả những em cùng nhóm với nhau phải đoàn kết để tìm ra vật đó trước đội bạn

- Mỗi nhóm cử ra một bạn chơi đầu tiên, gọi là bạn A

- Giải thích luật chơi: bạn sẽ nói tên một màu sắc, cả hai nhóm cùng phải tìm ra vật có màu đó và để xuống sàn nhà bên cạnh bạn A, sau đó bạn sẽ bảo bạn A chỗ để những món đồ đó

- Tìm và hoàn thành tất cả công đoạn cho một món đồ sẽ được một điểm

- Tiếp tục chơi, đổi người chơi ở vị trí A và đổi màu sắc

- Nhóm nào nhiều điểm hơn là nhóm thắng cuộc

**Hoạt động 52.** Nhắc lại những từ đơn giản

- Cho trẻ đứng thành vòng tròn

- Cho trẻ xem những con thú đồ chơi như: lợn, chó, bò, ngựa, mèo và mô tả tiếng kêu của từng con

- Đưa cho trẻ một con thú và bảo trẻ hãy mô tả tiếng kêu của con thú đó
- Nếu em đó trả lời đúng, hãy bảo cả lớp vỗ tay hoan hô
- Đưa cho cả lớp xem một con thú đồ chơi và bảo tất cả cùng mô tả tiếng kêu của con thú đó
- Ghi âm lại và cho cả lớp nghe sau đó

### **Hoạt động 53.** Nhắc lại những âm tiết giống nhau

- Làm túi đựng và 9 quân bài (kích cỡ khoảng 7x12cm) cho trẻ, trên mỗi quân bài đánh số từ 1 đến 9
- Đưa cho mỗi em một túi đựng, bên trong đựng 9 quân bài
- Bảo trẻ hãy rải các quân bài ra trước mặt
- Viết tên từng em lên bảng
- Nói với trẻ rằng bạn sẽ gọi tên 3 con số, và trẻ hãy rút ra các quân bài mang những con số đó và xếp theo đúng thứ tự
- Một điểm cho một lần trẻ xếp đúng thứ tự các con số
- Trẻ nào nhiều điểm nhất là người thắng cuộc

### **Hoạt động 54.** Phân biệt giọng nói

- Chọn một em làm quan tòa
- Bảo trọng tài hãy đứng quay lưng lại cả lớp
- Bảo một em khác làm vị khách đứng đằng sau trọng tài và gõ xuống nền nhà
- Bảo trọng tài hãy nói: “Ai đang gõ cửa?”
- Bảo vị khách trả lời: “Xin chào quan tòa”

- Hỏi quan tòa xem vị khách tên là gì

- Nếu vị khách lừa được quan tòa mình là ai, cho vị khách làm quan tòa tiếp tục trò chơi với một vị khách khác; nếu không, bảo vị khách về chỗ và gọi em khác lên tiếp tục trò chơi ở vị trí vị khách

- Tiếp tục đến khi cả lớp đều được chơi

**Hoạt động 55.** Nhận ra những âm khác nhau khi đọc riêng lẻ

- Bảo trẻ rằng bạn sẽ nói những từ bắt đầu bằng âm M, G, T và P

- Nói liên tiếp: “ME, GÁO, TÁO, PHỞ”, dặn trẻ hãy lắng nghe bạn

- Bảo một hoặc hai em lần lượt nhắc lại “ME”, lần lượt gọi những em khác nhắc lại những âm còn lại

- Có thể cho từng em một nhắc lại tất cả các âm

**Hoạt động 56.** Nhận ra âm đầu tiên của từ

- Vẽ một ngôi nhà lớn lên bảng, chuẩn bị những bức tranh nhỏ về động vật

- Chia ngôi nhà thành nhiều ngăn nhỏ, mỗi ngăn để một chữ cái

- Cho trẻ xem một bức tranh

- Nói: “Tôi là con ..., hãy đưa tôi về nhà với”

- Bảo trẻ hãy nói câu đầy đủ có cả tên của con vật trong tranh, rồi nói: “Đây, nhà của bạn đây” và chỉ vào ngăn có chữ cái là chữ cái đầu tiên trong tên của con vật

- Bảo trẻ hãy gắn bức tranh vào đúng ngăn

- Tiếp tục trò chơi đến khi tất cả các ngăn đều kín tranh



- Có thể dùng tranh ảnh khác và thay đổi bối cảnh

**Hoạt động 57.** Làm theo lời nói

- Nói rằng cả lớp sẽ cùng chơi trò chơi “Nào cùng nghe”

- Bảo trẻ hãy chú ý lắng nghe và làm theo những gì bạn nói

- Chỉ vào một em và nói một câu yêu cầu, bảo trẻ hãy làm theo lời bạn yêu cầu

- Cho mỗi em chơi ít nhất 1 lần

- Có thể chia cả lớp thành 2 nhóm, thi xem nhóm nào làm theo yêu cầu của bạn nhanh hơn

**Hoạt động 58.** Trả lời bằng hành động, không dùng lời nói cho câu hỏi về thể chất

- Chuẩn bị 10-15 tấm thẻ, trên đó ghi những câu hỏi như: “Bạn đang ngủ à?”, “Bạn có đói không?”, “Bạn có đau không?”, “Bạn kia đang khóc à?”

- Cho trẻ ngồi thành hình vòng cung trước mặt bạn

- Lần lượt hỏi các câu hỏi, thay “BẠN” bằng tên của từng em

- Bảo các em trả lời bằng cách gật/ lắc đầu, xua tay hay các dấu hiệu khác để chỉ câu trả lời CÓ hoặc KHÔNG

**Hoạt động 59.** Phân biệt trên, trong, bên ngoài

- Chuẩn bị một chiếc hộp có khe và một số món đồ

- Làm một cái lỗ đường kính khoảng 10cm ở mặt trên cùng của hộp

- Chuẩn bị một số miếng bìa 7x12cm, trên mỗi miếng bìa viết một chữ TRONG, TRÊN và BÊN NGOÀI, rồi úp sấp những miếng bìa xuống

- Đưa cho trẻ hộp và các món đồ
- Làm mẫu cho trẻ xem: cho các món đồ vào trong hộp, để ở trên hộp và để ở bên ngoài hộp
- Bảo trẻ hãy lật một miếng bìa lên, và để món đồ theo vị trí ghi trên miếng bìa
- Khích lệ trẻ làm lại nếu chưa đúng vị trí

**Hoạt động 60.** Phân biệt trên, dưới

- Cho trẻ ngồi thành hình vòng cung trước mặt bạn
- Giúp trẻ phân biệt được hai vị trí trên và dưới bằng cách miêu tả và làm mẫu để một vật gì đó ở trên hoặc dưới bàn
- Bảo một em cầm một đồ vật và đặt nó xuống dưới ghế, tủ...
- Bảo các em khác theo dõi bạn và vỗ tay nếu bạn làm đúng
- Cho mỗi em chơi ít nhất hai lần
- Có thể cho trẻ nhắm mắt lại, chỉ bảo một em để vật vào đâu đó, và bảo các em kia mở mắt ra và tìm lại vật đó

**Hoạt động 61.** Phân biệt bên cạnh, đằng sau

- Chọn một em đứng lên trước lớp
- Bảo các em khác nhắm mắt lại
- Nói thầm với em đứng trước lớp những câu ví dụ như: “Hãy ngồi ở bên cạnh bàn”, hay “Hãy ngồi đằng sau ghế”
- Sau đó hỏi các em khác trong lớp: “Bạn...ở đâu?”, và bảo các em hãy mở mắt ra

- Dẫn các em hãy trả lời thật ngắn gọn và dùng từ chỉ vị trí
- Em nào trả lời đúng sẽ được lên đứng trước lớp và tiếp tục trò chơi
- Dùng thêm nhiều vị trí khác như trên, trong, bên ngoài...cho đa dạng

**Hoạt động 62.** Phân biệt trước, sau

- Chuẩn bị cho mỗi em một chiếc hộp không và 6 chân gà dài khoảng 10cm từ bìa cứng
- Đưa hộp và chân gà cho từng em
- Bảo trẻ hãy để chân gà lên trên, dưới, trong, ngoài, bên cạnh, đằng sau, phía trước hộp
- Tiếp tục đến khi trẻ thành thạo và không nhầm lẫn các vị trí với nhau

**Hoạt động 63.** Hỏi các câu hỏi “Ai”, “Cái gì” “Tại sao” “Như thế nào”

- Chuẩn bị một bức tranh/ ảnh lớn có một số nhân vật và hành động
- Thảo luận về bức tranh/ ảnh – có những ai, đang làm gì...
  - Dùng các câu hỏi cụ thể: ai, cái gì, tại sao, như thế nào
- Lần lượt từng trẻ đặt câu hỏi

**Hoạt động 64.** Mô tả 10 hành động, không có mẫu

- Chuẩn bị 10-20 thẻ có hình một hành động nào đó
- Ghim vào mỗi cái thẻ một cái ghim và để tất cả các tấm thẻ vào một chiếc hộp
- Chuẩn bị một cái cần câu, lưỡi câu là một thỏi nam châm
- Hướng dẫn trẻ câu một tấm thẻ lên, sau đó mô tả lại hành động trong thẻ đó

- Nếu trẻ làm đúng, cho trẻ giữ lại tấm thẻ đó
- Nếu trẻ làm chưa đúng, bảo trẻ bỏ thẻ vào hộp và nhường lượt câu cho người tiếp theo

**Hoạt động 65.** Nghe yêu cầu và để vật vào đúng chỗ

- Chuẩn bị một ít đồ chơi (từng cặp một hai món đồ chơi giống nhau), nên dùng thú đồ chơi

- Để tất cả thú đồ chơi vào một cái túi có nhiều màu
- Bảo trẻ hãy đoán xem trong túi có những gì
- Lấy ra một món đồ chơi, đồng thời miêu tả (dùng những câu ngắn)
- Sau đó để món đồ chơi lên bàn
- Bảo trẻ tìm ra món đồ giống vậy ở trong túi
- Tiếp tục trò chơi đến khi trong túi hết đồ chơi

**Hoạt động 66.** Nghe yêu cầu và tái hiện lại hành động, có mẫu

- Cho trẻ ngồi thành hình vòng cung trước mặt bạn
- Cho trẻ chơi trò chơi: hát một bài hát (lồng ghép những câu như: Đứng lên, ngồi xuống, vỗ tay..., và bảo trẻ làm theo

**Hoạt động 67.** Sử dụng danh từ, động từ

- Làm một bảng trò chơi với điểm xuất phát, đường đi và điểm kết thúc/ đích.
- Vẽ quả bóng to ở đường đích
- Dán hoặc vẽ những hình tròn trên đường đi
- Làm những tấm thẻ có hình và chữ thể hiện danh từ và động từ

- Di thẻ và đặt vào bảng
- Bảo trẻ gieo súc sắc để chọn số bước đi
- Trẻ được đứng yên ở vị trí đã đi nếu trẻ làm đúng
- Trẻ phải lùi lại 2 bước nếu trẻ làm sai
- Trẻ nào gần quả bóng ở đích nhất là người thắng cuộc.

**Hoạt động 69. Ghép các chữ cái thành từ và đọc**

- Chuẩn bị một vài từ đơn giản gồm khoảng 3-4 chữ cái
- Chuẩn bị hình vẽ minh họa từng chữ cái, có thể là hình vẽ cách điệu đơn giản của chữ cái để tạo hứng thú cho trẻ
- Ở dưới mỗi hình vẽ ghi chữ cái mà hình vẽ minh họa
- Xáo trộn các chữ cái và bảo trẻ hãy xếp lại để có từ đúng
- Khen ngợi nếu trẻ xếp đúng
- Nếu trẻ xếp sai, gợi ý để trẻ xếp lại cho đúng
- Bảo trẻ đọc từ đó lên
- Tăng dần độ khó của bài tập bằng cách đưa cho trẻ mảnh chữ cái của 2-3 từ để trẻ tìm và xếp ra 2-3 từ

**Hoạt động 70. Xếp 4 câu (nói hoặc viết) theo thứ tự**

- Chọn một câu chuyện vui mà trẻ thích (có hình vẽ và phần kể chuyện ở bên dưới hình vẽ)
- Cắt hình vẽ và phần kể chuyện ra thành những mảnh riêng biệt và xáo trộn tất cả các mảnh giấy

- Sau đó bảo trẻ xếp hình và phân kể chuyện lại với nhau sao cho đúng

--

Cách khác:

- Kể cho trẻ nghe một câu truyện đơn giản, ví dụ truyện về một cô bé cho mèo ăn

- Kể lại một lần nữa, lần này chia câu chuyện thành 4 câu ngắn, mỗi câu miêu tả một hành động của cô bé

- Viết mỗi câu vào một mảnh giấy dài, và xáo trộn các mảnh giấy với nhau

- Bảo một em xếp các mảnh giấy theo đúng thứ tự của hành động

- Nếu trẻ xếp đúng, bảo trẻ kể lại cho cả lớp nghe lại câu chuyện, vừa kể vừa chỉ vào từng mảnh giấy

- Nếu trẻ xếp sai, kể lại câu chuyện cho trẻ nghe để trẻ tự nhận ra chỗ sai và tự sửa

-----

## **CÂU HỎI / BÀI TẬP ÔN TẬP**

1. Lập kế hoạch phát triển ngôn ngữ, giao tiếp cho một trẻ tự kỉ.
2. Tập can thiệp cho trẻ, sử dụng các chiến lược và hoạt động gợi ý, quay băng video khoảng 20 phút.
3. Tự xây dựng và phát triển một số hoạt động phát triển ngôn ngữ, giao tiếp cho trẻ tự kỉ.
4. Trình bày các chiến lược, hoạt động giúp trẻ tự kỉ chưa biết nói phát triển ngôn ngữ, giao tiếp.
5. Trình bày các chiến lược, hoạt động giúp trẻ tự kỉ biết nói vài từ hoặc rất ít phát triển ngôn ngữ, giao tiếp.
6. Trình bày các chiến lược, hoạt động giúp trẻ tự kỉ đã biết nói phát triển ngôn ngữ, giao tiếp.
7. Tư vấn phụ huynh hỗ trợ phát triển ngôn ngữ, giao tiếp cho trẻ.

### **Bài 3. MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP GIAO TIẾP VỚI TRẺ TỰ KỈ**

Ở bài này sẽ đề cập tới một số phương pháp giao tiếp và hệ thống hỗ trợ giao tiếp với trẻ RLPTK như phương pháp INREAL (phương pháp tương quan), PECS (hệ thống giao tiếp bằng trao đổi tranh), AAC (giao tiếp tăng cường và thay thế), giao tiếp tổng hợp. Ngoài ra người học có thể tìm hiểu thêm một số phương pháp giao tiếp khác như TEACCH, Makaton...

#### **I. PHƯƠNG PHÁP GIAO TIẾP TỔNG HỢP**

##### ***1. Khái niệm giao tiếp tổng thể***

Giao tiếp tổng thể có nguồn gốc từ những nghiên cứu về người khiếm thính. Đến nay giao tiếp tổng thể không chỉ được sử dụng trong giáo dục trẻ khiếm thính mà còn được sử dụng thường xuyên trong quá trình làm việc với trẻ khuyết tật trí tuệ và tự kỉ.

*Giao tiếp tổng thể là phương pháp giao tiếp trong đó người ta sử dụng một cách có ý thức tất cả các phương tiện giao tiếp có thể sử dụng được để thể hiện bản thân, để hiểu người khác.*

Giao tiếp tổng thể diễn ra dưới nhiều hình thức và ở nhiều cấp độ giao tiếp khác nhau, ví dụ như nói kết hợp với cử chỉ điệu bộ, nói kết hợp với đưa ra một bức ảnh... Theo cách này, một từ trừu tượng có thể làm rõ nhờ vào một kí hiệu cụ thể, một đồ vật cụ thể hoặc một bức ảnh.

Giao tiếp tổng thể chú ý tới khả năng chứ không phải là hạn chế của trẻ tự kỉ. Mục tiêu quan trọng của giao tiếp tổng thể là tạo cơ hội gợi ý giao tiếp ở mọi nơi, mọi lúc, và điều này có thể thực hiện được bằng các công cụ giao tiếp hỗ trợ hoặc thay thế. Có nhiều công cụ có thể giúp trẻ truyền tải thông tin và tham gia vào giao tiếp, việc lựa chọn công cụ tùy thuộc vào khả năng của mỗi trẻ. Mục tiêu chính là có được giao tiếp (nghĩa là hiểu người



khác và làm cho người khác hiểu mình) còn giao tiếp như thế nào không phải là điều quá quan trọng. Khi trẻ hiểu và biết rằng có thể giao tiếp theo nhiều cách khác nhau thì rất có thể trẻ sẽ điều chỉnh giao tiếp của mình một cách có ý thức.

Trong giao tiếp tổng thể, cá nhân thường sử dụng đồng thời một cách có ý thức nhiều khả năng để diễn đạt. Giao tiếp tổng thể là một hướng tiếp cận trong giao tiếp nó nhằm vào sự thay đổi của thái độ giao tiếp của môi trường trẻ đang sống cũng như sự thay đổi của chính đứa trẻ.

#### ***4.1.1.2. Tầm quan trọng và ý nghĩa của giao tiếp tổng thể đối với trẻ***

Giao tiếp tổng thể tạo ra nhiều cách diễn đạt và huy động tất cả các giác quan. Sử dụng giao tiếp tổng thể mang lại những thuận lợi nhất định trong giao tiếp với trẻ tự kỉ. Đặc biệt là cách sử dụng ngôn ngữ nói, việc hình ảnh hoá thông tin và sử dụng ngôn ngữ kí hiệu có ý nghĩa hết sức quan trọng.

##### *ý nghĩa của cách sử dụng ngôn ngữ nói*

Trong giao tiếp tổng thể, ngôn ngữ nói được sử dụng theo cách khác hơn so với ngôn ngữ nói thông thường. Người ta giao tiếp với trẻ thường nói chậm hơn, ngôn ngữ súc tích cô đọng tập trung vào nội dung chính, nhấn mạnh vào ngữ điệu. Cách sử dụng ngôn ngữ nói như vậy sẽ giúp trẻ có nhiều cơ hội nắm bắt thông tin hơn, nhờ đó trẻ dễ dàng hiểu và thực hiện nhiệm vụ tốt hơn.

##### *ý nghĩa của việc hình ảnh hoá thông tin*

Hình ảnh hoá là một vấn đề hết sức quan trọng, nếu trẻ được nhìn thấy những gì mà người khác đang nói đến thì trẻ sẽ hiểu ngôn ngữ nói và nhớ được dễ dàng.

Việc học các biểu tượng cũng sẽ trở nên dễ dàng hơn khi chúng được hình ảnh hoá. Lời nói tồn tại trong vài giây rất dễ bị quên lãng, trong khi một bức tranh có thể lưu lại và luôn nhắc đứa trẻ về việc đang xảy ra. Các biểu tượng trực quan thường có hình thức cố định hơn lời nói, chúng ta có thể làm cho các biểu tượng trực quan tồn tại lâu hơn bằng cách đưa ra một bức tranh và giữ lại đó, nhưng nếu làm cho ngôn ngữ nói chậm lại thì có thể ngôn ngữ đó sẽ mất hết ý nghĩa. Các biểu tượng trực quan thường cụ thể, ít trừu tượng hơn lời nói. Một bức tranh cái cốc cụ thể sẽ giúp trẻ nhận ra và liên hệ với cái cốc thực tế hơn là khi chúng ta nói với trẻ từ “cốc”. Một điểm nữa là các biểu tượng trực quan thường dễ phân biệt trên nền hơn là so với ngôn ngữ nói. Trong ngôn ngữ nói có rất nhiều từ có cách phát âm hay ý nghĩa tương tự nhau có thể bị nhầm lẫn nếu nó được phát ra trong môi trường có âm thanh gây nhiễu, nhưng với một bức tranh nó dễ dàng nhận được ra hơn trong một môi trường nhiều tiếng ồn.

#### *ý nghĩa của việc sử dụng ngôn ngữ kí hiệu*

Sử dụng ngôn ngữ kí hiệu có thể kích thích trẻ giao tiếp vì dùng các kí hiệu sẽ giảm áp lực đối với việc nói. Nếu trẻ chưa phát triển khả năng nói, ngôn ngữ kí hiệu mang lại cho trẻ cơ hội giao tiếp. Để tạo một kí hiệu trẻ không cần có các kĩ năng vận động chính xác như khi nói. Có thể giúp trẻ tạo các cử chỉ bằng cách cùng làm với trẻ, nhưng việc này không thể làm được với ngôn ngữ nói. Nhìn chung khi trẻ sử dụng các hình thức diễn đạt vô âm chúng ta có thể hiểu được cách trẻ thể hiện bản thân qua quan sát

### ***4.1.1.3. Nguyên tắc trong giao tiếp tổng hợp với trẻ tự kỉ***

*Tương tác:* Giao tiếp cần phải có sự tương tác giữa hai bên, muốn có sự tương tác trong giao tiếp với trẻ Chậm phát triển trí tuệ chúng ta cần phải điều chỉnh bản thân mình theo trình độ giao tiếp của đứa trẻ.

#### ***Thực tế***

Giao tiếp phải diễn ra trong môi trường xã hội của trẻ. Trên cơ sở đó trẻ sẽ hiểu và liên kết được các trải nghiệm lặp đi lặp lại, nhờ đó giao tiếp sẽ có ý nghĩa. Trẻ cần được học để thể hiện những nhu cầu và tình cảm một cách trực tiếp trong chính môi trường sống của mình.

#### ***Thể hiện***

Trong khi giao tiếp cần sự dụng tất cả các hình thức và các phương tiện một cách phù hợp để có thể thể hiện nhu cầu, mong muốn và tình cảm của mình.

## ***4. Sử dụng trung gian liên tưởng***

### ***Trung gian liên tưởng***

Những công cụ để hỗ trợ giao tiếp thường có liên hệ với các đồ vật, con người, hay hoạt động ... chính vì vậy chúng được nhiều chuyên gia tâm lí – giáo dục gọi là trung gian liên tưởng (TGLT)

#### ***\* Trung gian liên tưởng ba chiều:***

Trung gian liên tưởng ba chiều là công cụ giao tiếp cụ thể nhất. Trong giáo dục trẻ người ta sử dụng ba loại TGLT ba chiều.

*TGLT là đồ vật thật:* Loại đồ vật có liên hệ chính xác với tình huống hoặc hoạt động mà nó làm TGLT. Ví dụ: cái bát ăn chính là cái ta dùng để

liên tưởng tới hoạt động ăn, cái cốc uống nước chính là cái được dùng để liên tưởng tới hoạt động uống.

*TGLT dạng mô hình:* Mô hình là đồ vật làm liên tưởng tới một hoạt động cụ thể nhưng nó không được sử dụng cho hoạt động đó, ví dụ: Mô hình cái bát dùng để liên tưởng tới bữa ăn, nhưng cái bát có thể chỉ giống cái bát thật ở hình dáng, còn khác cái bát thật ở màu sắc, kích cỡ, chất liệu.

*TGLT dưới dạng hình nổi:* những TGLT này gồm một hình nổi bằng gỗ hoặc nhựa được gắn trên bề mặt làm cùng một chất liệu.

*\* Trung gian liên tưởng hai chiều:*

TGLT hai chiều chính là ảnh, hình vẽ và các tranh biểu tượng. Những người KT đã sử dụng TGLT ba chiều, đã học các nguyên tắc giao tiếp với một số công cụ và có khả năng giao tiếp ở trình độ ngôn ngữ hoặc tiền ngôn ngữ thì có thể tiến đến sử dụng liên tưởng hai chiều. Có nhiều loại TGLT hai chiều, dưới đây là một số loại:

*Ảnh* có thể được sử dụng như một công cụ khi nó đạt các điều kiện như: đồ vật trong ảnh rõ ràng trên một nền trung tính, các phối hợp màu được lựa chọn cẩn thận, không kết hợp màu đỏ với xanh lá cây hoặc các đại diện màu phức tạp.

*Tranh minh họa:* tranh minh họa chính là hình vẽ diễn tả một số đặc điểm của sự vật, hiện tượng trong thực tế mà ta muốn liên tưởng tới.

*Tranh biểu tượng* là các hình vẽ đã được đơn giản ở mức độ cao, nó sử dụng các đường nét để thể hiện ý nghĩa, biểu đạt ý tưởng trực tiếp nhờ sự tương phản trắng đen .

Tranh biểu tượng (**pictogram/pictogramme/pictograph**) là biểu tượng mã hóa cho một khái niệm, một đồ vật, một hoạt động, một địa điểm hay một sự kiện thông qua hình vẽ. Nói một cách khác, tranh biểu tượng là một dạng khác của ngôn ngữ nói được truyền đạt thông qua hình ảnh vẽ.. Cơ sở của tranh biểu tượng là lối chữ hõnh nờm và hõnh tượng trưng, thường được sử dụng như các chữ cái hoặc vần điệu.

Những biểu tượng chữ cái sơ khai thường được dựa trên các biểu tượng/pictograms (là các bức vẽ mô tả tương đối gần gũi những nội dung chýng biểu hiện) và cộc ký hiệu/ideograms. Những loại chữ cái này được người Trung Quốc cổ xưa sử dụng vào khoảng năm 5000 trước Công nguyên và bắt đầu phát triển thành hệ thống chữ viết tốc ký [/logographic](#) vào khoảng năm 2000 trước Công nguyên. Biểu tượng hiện nay vẫn được sử dụng như một kênh chính của hệ thống giao tiếp chữ viết ở một số quốc gia có nền văn hoá không có chữ viết, ví dụ như một số quốc gia ở châu Phi, châu Mỹ hay châu Đại dương. đồng thời, biểu tượng cũng được sử dụng dưới dạng các biểu tượng đơn giản ở hầu khắp các quốc gia hiện đại ngày nay.

### **Lịch sử hình thành và phát triển**

Việc sử dụng biểu tượng cổ xưa nhất là ở Mesopotamia, là một hệ chữ hõnh nờm nổi tiếng của người xume/ sumerian (được hõnh thành vào khoảng năm 3400 trước công nguyên). Vào khoảng năm 9000 trước công nguyên, những bức tranh đơn giản đó được sử dụng để gọi tên về các sản phẩm nông nghiệp, và đến khoảng năm 6000 trước công nguyên, với sự tăng trưởng số lượng các quốc gia và sự phát triển trõnh độ lao động, hệ thống biểu tượng trở nên phong phú hơn, với mục đích gọi tên cho các sản phẩm lao động. Cuối cùng, các biểu tượng được viết lên các phiến đất sét, người cổ dùng một loại bút làm từ cây sậy để viết các chữ này lên phiến đất

sét ướt, sau đó phơi khô để lựa giữ. Nét viết từ loại bút này trông giống như cái hình nôm, và do đó nó được đặt cho một lối viết, đó là lối viết hình nôm.

Chữ viết Trung Quốc thường được coi là tiêu biểu cho hệ thống biểu tượng, khoảng dưới 4% của các ký tự chữ viết Trung quốc được xây dựng dựa trên các biểu tượng cổ xưa nhất. Hệ thống chữ cái Hy Lạp cũng có sử dụng các biểu tượng cổ xưa. Ví dụ chữ cái A được biểu tượng cho đầu của con bũ đực, và nếu như chúng được lộn ngược xuống, chúng ta sẽ thấy rất rõ biểu tượng của cái đầu và hai cái sừng bũ.

### **Biểu tượng được sử dụng trong xí hội hiện đại như thế nào?**

Các tranh biểu tượng được sử dụng phổ biến trong bản đồ ngoại ô Luân Đôn trong bản đồ Đường sắt Đông bắc và Luân Đôn từ năm 1937 và càng ngày nó càng được sử dụng phổ biến, với mục tiêu sử dụng như các ký hiệu hay cộc hướng dẫn. Bởi vì cộc biểu tượng này mang tính tự nhiên và thực tế, nên chúng thường được sử dụng để định hướng các khu vệ sinh công cộng, các địa điểm như sân bay hay nhà ga. Tuy nhiên các biểu tượng này cũng mang tính đặc trưng văn hoá cao, ví dụ ở một số quốc gia, nam giới có thể mặc váy như một loại trang phục bõnh thường, do vậy biểu tượng cho khu vệ sinh cũng không phải là một biểu tượng mang tính toàn cầu.

Hệ thống đánh giá chuẩn về biểu tượng được định nghĩa bởi tổ chức Tiêu chuẩn quốc tế *ISO 7001: Hệ thống thụng tin cụng cộng*. Một hệ thống thông dụng khác về biểu tượng là các biểu tượng được sử dụng trên nhón mớc quần ỏ và bảo hiệu cộc hoỏ chất nguy hiểm.

#### *Dạy cách sử dụng trung gian liên tưởng*

để trẻ có thể hiểu và nắm được cách sử dụng các TGLT nêu trên, giáo viên và các chuyên gia phải biết cách hướng dẫn và dạy trẻ để những công

cụ này dần để trở thành không thể thiếu đối với trẻ trong hoạt động hàng ngày tại gia đình và trường học cũng như ngoài xã hội. Việc nắm và sử dụng được những loại TGLT này sẽ góp phần không nhỏ vào quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ nhằm phát triển tối đa tiềm năng còn lại của chúng. Một cách khái quát có 6 giai đoạn dạy trẻ sử dụng các TGLT:

*\* Tạo tiếp xúc*

Đây là bước đầu tiên để trẻ làm quen với các TGLT. Người ta thường cho trẻ chơi những đồ vật và dụng cụ mà trẻ yêu thích. Người lớn hướng dẫn sử dụng một cách có ý thức các đồ vật dụng cụ với các mục đích lấy chúng làm trung gian liên tưởng .

*\* Đưa ra các công cụ giao tiếp*

Trọng tâm của giai đoạn này là đưa ra những công cụ giao tiếp trong tình huống cụ thể. Những công cụ giao tiếp đưa ra phải liên quan trực tiếp với kinh nghiệm của trẻ. Đây là giai đoạn giúp trẻ hiểu và nắm vững được khái niệm về các công cụ giao tiếp. Để giai đoạn này đạt kết quả tốt, nhiều cách khác nhau đã được sử dụng nhằm khuyến khích trẻ, như tạo nhiều niềm vui và phấn khích cho trẻ bằng cách chú ý tới bất kì sự chủ động hay gợi ý giao tiếp nào của trẻ.

*\* Tạo giao tiếp*

Đây là giai đoạn tiến hành giao tiếp, thường thì người hướng dẫn trẻ bắt đầu bằng cách cùng làm việc gì đó với trẻ và cùng tạo một kí hiệu hoặc cùng chỉ vào một tấm ảnh ngụ ý về hoạt động sắp tiến hành. Trong quá trình tiến hành hoạt động giao tiếp cần kết hợp khen thưởng vật chất hoặc tinh thần cho trẻ.

*\* Bắt chước*

Thực tế cho thấy có thể dễ dàng kích thích sự bắt chước của trẻ qua tất cả các trò chơi. Tốt nhất là những kích thích này thực hiện một cách phù hợp và nhiều đến mức có thể trong những tình huống nhất định. Người hướng dẫn phải luôn để ý và chỉ vào những thứ mà trẻ nhìn thấy hoặc những gì hiện có trong môi trường trực tiếp xung quanh trẻ; đồng thời phải điều chỉnh trình độ của mình cho phù hợp với mức độ giao tiếp của trẻ. Có như vậy mới có thể hỗ trợ trẻ trong việc học cách liên kết hành động cụ thể (như chỉ tay) với nội dung và ý nghĩa mà nó ngầm biểu đạt.

*\* Tiến hành giao tiếp trong tình huống cụ thể*

Để tiến hành giao tiếp trong tình huống cụ thể ta phải tạo điều kiện cho trẻ chủ động gợi ý hoặc tiến hành giao tiếp, phải có thái độ chờ đón điều này, phải đảm bảo rằng các công cụ giao tiếp nằm trong tầm với của trẻ, phải hình ảnh hoá và làm cho tình huống trở nên dễ hiểu hơn

*\* Khái quát hoá*

Trọng tâm của giai đoạn khái quát hoá và mở rộng giao tiếp. Để làm được điều này cần hướng cho trẻ giao tiếp về những gì trẻ được học và làm trước đây, nói chung là về các tình huống hàng ngày. Điều quan trọng và cũng rất khó khăn là ta phải dạy trẻ phỏng đoán và chờ đợi những gì sẽ xảy ra.

## II. PHƯƠNG PHÁP TƯƠNG QUAN (INREAL approach)

### 1. Lịch sử của INREAL

INREAL được khởi nguồn từ Mỹ, từ những năm 70 và đã làm thay đổi lớn các quan điểm trong nghiên cứu phát triển về ngôn ngữ thời bấy giờ. Theo Chomsky, N. từ việc tập trung tiếp nhận cấu trúc ngôn ngữ (cú pháp) làm nền tảng của lý luận hình thành ngữ pháp trong các nghiên cứu cú pháp và lý luận có ý nghĩa, lý luận về ngôn ngữ là một lý luận hành động, không



chỉ xem xét hệ thống có ý nghĩa của ngôn ngữ đứng độc lập mà còn bắt đầu xem xét hệ thống có ý nghĩa trong việc hoạt động điều chỉnh sự giao lưu giữa những con người với nhau. Cũng vào thời đại này, tiếp sau các nghiên cứu về phát triển ngôn ngữ, các nghiên cứu về lý luận ngôn dụng từ cũng dần được phát triển. Cùng thời kỳ này, khởi đầu là dành cho giáo dục trẻ khiếm thính, các nội dung về trị liệu ngôn ngữ cũng được đưa ra trong các lĩnh vực trị liệu vận động và các phương pháp hướng dẫn trẻ. Trong bối cảnh như vậy, năm 1974, tiến sỹ Weiss, R. và Heublein, E. của trường Đại học Colorado (Mỹ) dựa trên các nghiên cứu của mình đã phát triển các phương pháp hướng dẫn ngôn ngữ - được coi là một trong các phương pháp phù hợp đối với trẻ chậm phát triển ngôn ngữ.

Ban đầu, INREAL được viết tắt từ các chữ cái hoa trong các từ In-class Reactive Language therapy (trong lớp, thông qua các tương tác để thúc đẩy việc học ngôn ngữ). Phương pháp INREAL này cũng được ứng dụng trong hệ thống trường học phổ thông của Mỹ, trong các chương trình trị liệu cho những trẻ chậm ngôn ngữ ở các trường Mẫu giáo, được dùng để hỗ trợ cho những trẻ gặp các vấn đề khó khăn trong giao tiếp cũng như các trẻ có các khuyết tật thứ phát liên quan đến các vấn đề về xã hội và biểu lộ xúc cảm. Ngoài ra, trong các giáo dục trị liệu của Mỹ để chẩn đoán đánh giá trẻ, tại các địa điểm bất kỳ, các chuyên gia trị liệu sẽ “quan sát trẻ” và tập trung đánh giá vào trẻ. Đối tượng chính là các trẻ nhỏ từ 3 ~ 5 tuổi và chậm phát triển ngôn ngữ ở mức độ nhẹ. Phương pháp này cũng được ứng dụng trong chương trình dành cho những trẻ không dùng tiếng Anh như là ngôn ngữ bản địa sống tại Mỹ thời đó.

Năm 1980, INREAL dựa trên nền tảng giao tiếp để phát triển các phương pháp học tập cũng như mở rộng ý nghĩa về giao tiếp và các vấn đề

liên quan đến các khó khăn về học. Năm 1984, INREAL được đổi tên thành Inter Reaction Learning and Communication (thông qua tương tác để thúc đẩy học tập và giao tiếp). Tên của INREAL cho thấy cả người lớn và trẻ có thể phát triển học tập và giao tiếp thông qua tương tác, và để thực hành những điều này, cần phải tiến hành cả việc phân tích, đánh giá qua băng video.

Sau này, phương pháp này được khoác vai trò quan trọng như là một phương pháp hỗ trợ học tập cho những trẻ có khó khăn về học “đọc và viết”. Hiện nay, lấy đối tượng là tập trung vào các trẻ chậm phát triển mức độ nhẹ, INREAL được đổi tên thành Inter Reactive Learning.

INREAL được biết đến ở Nhật từ sau hội thảo về khuyết tật ngôn ngữ tại trường Đại học Colorado vào năm 1979. Bắt đầu từ năm 1980, Takeda – giảng viên của trường Đại học Osaka và đồng thời là một nhà trị liệu ngôn ngữ, học giả - người đã tham gia hội thảo ở Mỹ trước đó – đã bắt đầu thử nghiệm phương pháp tiếp cận này. Năm năm sau đó, dựa trên các kết quả hiệu quả từ thực nghiệm đem lại, INREAL đã được chính thức ghi nhận tại Nhật với tên gọi là Inter Reactive Learning and Communication. Hiện nay, cứ vào tháng 4 hàng năm, nhiều trường Đại học tại Osaka, Kanazawa, đảo Kyushu ở Nhật Bản lại tổ chức các buổi chuyên đề về phương pháp tiếp cận này.

## **2. Những đặc trưng cơ bản của INREAL**

Lý luận phát triển ngôn ngữ nền tảng của INREAL tập trung vào việc xem xét những thay đổi giữa trẻ và những người xung quanh trong giao tiếp. Lý tưởng nền tảng về chăm sóc và giáo dục trong INREAL là luôn “Đặt vị trí tập trung vào đứa trẻ”. Ngay từ lúc ra đời cho đến suốt toàn bộ quá trình

phát triển sau này, **các đặc trưng của INREAL đã được chỉnh sửa từ 15 đặc trưng còn 5 đặc trưng chính** như sau:

- Tiếp nhận ngôn ngữ là một hành động xã hội, trong đó trẻ học cách sử dụng và ý nghĩa của ngôn ngữ thông qua các kinh nghiệm giao tiếp thực tế. Bởi vậy, trong Inreal, có thể tiếp cận với trẻ chậm phát triển ngôn ngữ với tư cách là các trẻ khiếm khuyết về giao tiếp.

- Có rất nhiều cách để giao tiếp với trẻ. Không chỉ có sử dụng ngôn ngữ, còn có thể tiếp cận các hành động giao tiếp với trẻ bằng ánh mắt, biểu hiện xúc cảm, cử chỉ điệu bộ hay hành động phi ngôn ngữ.

- Trong kinh nghiệm về những thú vị khi giao tiếp phong phú với con người của trẻ, cần nuôi dưỡng các khả năng cơ bản và lòng ham muốn với giao tiếp, cũng như có thể phát huy đầy đủ các khả năng tiềm ẩn của bản thân trẻ.

- Ngôn ngữ không chỉ có chức năng biểu tượng mà để có thể tương tác bằng ngôn ngữ với người khác, ngôn ngữ còn có chức năng truyền đạt. Ngoài ra, trong đánh giá và hướng dẫn còn phải cả cách sử dụng theo chức năng – mang tính tự phát và phù hợp với văn cảnh – địa điểm.

- Việc hình thành giao tiếp không chỉ là vấn đề của trẻ mà còn ở nguyên nhân đánh giá khách quan của người lớn khi cùng giao tiếp. Bởi vậy, cần phải quay video cũng như phân tích các vấn đề liên quan và cách sử dụng ngôn ngữ của người lớn để đánh giá về mức độ phù hợp.

### **3. Ứng dụng phương pháp INREAL trong phát triển giao tiếp và ngôn ngữ**

Để hiểu rõ hơn lý tưởng của INREAL cũng như có thể ứng dụng phương pháp này trong việc phát triển giao tiếp và ngôn ngữ hiệu quả cho

trẻ, người lớn – đối tác giao tiếp với trẻ - cần phải tuân theo một số lưu ý như sau.

### ***3.1. Nguyên tắc khi giao tiếp***

Người lớn phải tuân theo một số các nguyên tắc nhất định. Các nguyên tắc này được đưa ra bắt nguồn từ suy nghĩ về “Hợp tác trong hội thoại” của nhà ngôn ngữ học Grice, H.P<sup>\*6</sup> (1975). Điều quan trọng nhất trong nguyên tắc giao tiếp là phải phù hợp với trình độ của trẻ cũng như có sự tôn trọng trẻ.

Các nguyên tắc của giao tiếp bao gồm 6 nguyên tắc cơ bản sau:

- 1) Phù hợp với trình độ của trẻ
- 2) Trẻ có quyền chủ đạo trong trò chơi và giao tiếp
- 3) Chờ đợi để đối phương có thời gian bắt đầu
- 4) Phù hợp với nhịp điệu của trẻ
- 5) Thực hiện luân phiên (Cho – Nhận)
- 6) Cùng vui chơi và trò chuyện, tạo không khí giao tiếp vui vẻ

Về phương tiện giao tiếp, việc Cho và Nhận giữa người nói và người nghe được liên tưởng giống như người ném bóng và bắt bóng. Nếu quả bóng được tung ra, chúng ta sẽ dễ quan sát được người bắt bóng có thể nắm được quả bóng đó hay không một cách dễ dàng, nhưng trong giao tiếp, chúng ta không thể quan sát được trẻ đã nắm bắt được ngôn ngữ giao tiếp hay chưa nếu chỉ quan sát bằng mắt. Đặc biệt, với trẻ chậm ngôn ngữ (trong đó có trẻ Tự Kì), chúng ta càng phải chú trọng hơn đến khả năng giao tiếp này ở trẻ. Do vậy, để có thể tiến hành giao tiếp tốt, thông qua đó phát triển được các kỹ năng giao tiếp, hình thành và phát triển khả năng ngôn ngữ cho trẻ, đòi

hỏi người lớn phải đảm bảo một số nguyên tắc quan trọng và cụ thể mà nhà ngôn ngữ học Grice đã đúc kết như sau:

- \* Nguyên tắc về lượng (cung cấp các thông tin cần thiết, vừa đủ)
  - Cung cấp các thông tin cần thiết
  - Tránh cung cấp các thông tin quá cần thiết
- \* Nguyên tắc về chất (thông tin các sự việc cơ bản)
  - Không nói dối hoặc nói các điều đã được suy nghĩ
  - Không nói thiếu căn cứ
- \* Nguyên tắc về liên kết (nói các thông tin có liên kết với nhau)
  - Không nói các nội dung không có liên quan
- \* Nguyên tắc về trạng thái (nói có trật tự các thông tin một cách đơn giản và rõ ràng)
  - Tránh cách thể hiện khó hiểu
  - Tránh cách thể hiện không rõ ràng
  - Cố gắng thể hiện một cách đơn giản
  - Thể hiện theo trình tự

Theo nguyên tắc này, người Nói không chỉ dựa trên lập trường suy nghĩ của chính mình, thể hiện mục đích của riêng mình mà còn cần phải cân nhắc, suy nghĩ từ lập trường của người Nghe, nhấn mạnh đến cả vai trò của người Nghe trong việc thúc đẩy hội thoại. Để duy trì được giao tiếp, cần phải nhìn nhận từ vị trí của cả hai phía và tôn trọng các luật đề ra.

### ***3.2. Thái độ của người lớn khi giao tiếp***

**Đ**ể duy trì giao tiếp, thái độ chủ động, tích cực từ phía người lớn đóng một vai trò rất quan trọng. Trong nguyên lý của INREAL, những thái độ cần thiết phải có ở người lớn được thể hiện ở trong các nội dung của SOUL. Đó là các chữ cái đầu của các từ: Silence (im lặng) – Observation (quan sát) – Understanding (hiểu) – Listening (lắng nghe).

- Silence (im lặng): làm quen với cách suy nghĩ của trẻ, bảo đảm sự im lặng cần thiết cho đến khi trẻ tự bắt đầu các hành động.

- Observation (quan sát): thường xuyên quan sát xem trẻ suy nghĩ những điều gì, đang làm những việc gì. Quan sát cả thực trạng và các khả năng của trẻ về giao tiếp – cảm xúc – nhận thức – vận động.

- Understanding (hiểu): từ kết quả quan sát và cảm giác, hiểu các vấn đề về giao tiếp của trẻ, suy nghĩ đến những hỗ trợ có thể làm cho trẻ.

- Listening (lắng nghe): lắng nghe đầy đủ ngôn ngữ và các dấu hiệu khác ở trẻ.

Để đảm bảo thực hiện tốt SOUL, có hai điều quan trọng người lớn cần lưu ý. *Trước hết*, người lớn phải làm quen với cách suy nghĩ của trẻ (với vai trò là một đứa trẻ, một cá thể độc lập có những cách suy nghĩ, hành xử riêng) và cung cấp môi trường để trẻ có thể phát huy được năng lực hiện có một cách tự nhiên và tốt nhất. Trước khi thể hiện cách suy nghĩ của mình, người lớn phải coi trọng “Thời gian chờ đợi”, đảm bảo đủ thời gian cần thiết để giữ im lặng, tạo điều kiện cho các hành động của trẻ được diễn ra. Tuy nhiên, trong lúc chờ đợi, bản thân người lớn cũng phải liên tục quan sát trẻ với những biểu hiện nhỏ nhất. Chỉ với thái độ thực sự thoải mái như vậy, trẻ mới có thể tự do cảm nhận được bầu không khí thích thú, có thời gian để thể hiện chính bản thân và thư giãn thần kinh. *Điều thứ hai* cần lưu ý trong thực hiện SOUL là coi trọng quyền chủ đạo trong giao tiếp của trẻ. Tuy nhiên,

không phải lúc nào người lớn cũng chỉ chờ đợi để trẻ bắt đầu các hành động của mình trước, mà đôi khi, với những trẻ khuyết tật và có những khó khăn trong giao tiếp hay ngôn ngữ, người lớn cần linh hoạt thay đổi cách thức giao tiếp của mình. Người lớn cũng có thể làm mẫu để hướng dẫn cho những trẻ không biết cách tự mình vui chơi thay vì vô ích và không có hiệu quả khi chỉ chờ đợi thụ động những trẻ này bắt đầu.

Như vậy, trong INREAL, có hai giai đoạn được đề cập đến.

Giai đoạn 1: cấp độ Thành thật (sincerity level)—giai đoạn thông qua sự thành thật.

#### Bảo đảm thực hiện SOUL

Giai đoạn 2: cấp độ Có ý nghĩa (meaning level)—giai đoạn liên quan đến ý nghĩa. Liên quan đến mục đích cải thiện các vấn đề của trẻ

Chỉ khi đảm bảo thực hiện tốt theo những suy nghĩ nền tảng như thế này thì chúng ta mới có thể giải quyết được các vấn đề khó khăn của trẻ và đề ra được những cách hỗ trợ thực sự hiệu quả cho trẻ.

### ***3.3. Các kỹ thuật tâm lý học ngôn ngữ***

#### **1) Soi chiếu (Mirroring) - Bắt chước các hành động của trẻ**

→ Người lớn bắt chước các hành động của trẻ và nói cho trẻ biết rằng “Bản thân có thể làm các động tác giống như của người khác”. Soi chiếu là sự phản ứng lại bằng động tác, giai đoạn mà trẻ chưa hiểu ngôn ngữ và là một phương pháp cho chúng ta biết rằng trẻ có phản ứng lại với người lớn hay không.

#### **2) Kiểm tra (monitoring) - Bắt chước các âm thanh và từ của trẻ**

→ Mục tiêu của Kiểm tra là mặc dù cũng giống Soi chiếu, nhưng bằng việc bắt chước âm thanh và từ của trẻ, mục đích hướng tới là để thể hiện sự đồng cảm và thấu hiểu với trẻ.

### **3) Trò chuyện ngang hàng (parallel talk) - Ngôn ngữ hóa cảm xúc và hành động của trẻ**

→ Người lớn hiểu được tâm trạng của trẻ và muốn truyền đạt ý đồ được cùng tham gia giao tiếp với trẻ. Điều quan trọng là người lớn phải nắm bắt được đúng thời điểm của trẻ và thể hiện được ý nghĩa và cách sử dụng ngôn ngữ hợp lý.

### **4) Trò chuyện bản thân (self talk) – Ngôn ngữ hóa cảm xúc và hành động của người lớn**

→ Người lớn thông tin tới trẻ về cảm xúc và thái độ của mình bằng ngôn ngữ. Phối hợp với cách sử dụng Trò chuyện ngang hàng, người lớn thông tin tới trẻ về cảm xúc và thái độ của mình, ngôn ngữ hóa một cách tích cực tới trẻ để thể hiện tính đồng cảm và mối quan hệ “qua lại”.

### **5) Phản chiếu (reflecting) – Nghe và sửa lại đúng các từ nói nhầm của trẻ**

→ Những nhầm lẫn trong phát âm, ý nghĩa, ngữ pháp và cách sử dụng được người lớn dùng ngôn ngữ đúng sửa lại cho trẻ. Tuy nhiên, khi trẻ nói sai, việc chỉ ra và sửa lại cho trẻ với các cách như “Sai rồi phải không nào?” hay “Hãy phát âm rõ ràng hơn” sẽ làm giảm ý muốn phát âm của trẻ.

### **6) Mở rộng (expansion) – Mở rộng ngữ pháp và ý nghĩa ngôn ngữ cho trẻ**



→ Ví dụ với một câu đơn như “Bu- bu...”, chúng ta có thể mở rộng ý nghĩa và ngữ pháp cho trẻ bằng cách nói thêm rằng “Bu – bu – Xuất phát!”.

### **7) Làm mẫu – Thể hiện các mẫu ngôn ngữ mới cho trẻ**

→ Không sử dụng các từ mà trẻ đã nói mà thể hiện các mẫu ngôn ngữ mới. Ví dụ, với câu “Xe buýt đấy”, có thể truyền đạt thêm thông tin mới bằng câu “Kia là xe buýt đi đến Vườn bách thú”. Làm mẫu có thể được bắt đầu ở ngôn ngữ Cho - Nhận của trẻ và trong khi thể hiện các mẫu ngôn ngữ mới cần thể hiện cả phương pháp hội thoại cũng như cách đối đáp (trả lời).

Các kỹ thuật tâm lý học ngôn ngữ ở trên được áp dụng tập trung với những trẻ bắt đầu có ngôn ngữ hay bắt đầu xuất hiện những từ đơn, cũng như có tác dụng trong việc giúp trẻ sử dụng và mở rộng vốn ngôn ngữ. Tuy nhiên, không đơn giản chỉ áp dụng các kỹ thuật trên là đã có thể đem lại kết quả tốt. Cần phát huy cả hiệu quả của việc hiểu ngôn ngữ cũng như các vấn đề khó khăn, khuyết tật của trẻ. Người lớn khi sử dụng các kỹ thuật này, khi đưa ra ý nghĩa ngôn ngữ cho trẻ, điều quan trọng là cần phải hỗ trợ cũng như lôi kéo được mong muốn giao tiếp ở trẻ.

### **3.4. Các yếu tố gần ngôn ngữ**

Người lớn cần quan tâm và khai thác tối đa các yếu tố gần ngôn ngữ. Các yếu tố này bao gồm: ngữ điệu (nhịp điệu, giai điệu, trọng âm), tùy thuộc vào cách nói mà sẽ truyền đạt các cảm giác trong sáng, nhẹ nhàng, bình tĩnh, bồn chồn, thư giãn, bức bối cũng như thể hiện được cả các bầu không khí khác nhau. Trong các yếu tố gần ngôn ngữ, biểu lộ xúc cảm, ánh nhìn và cử chỉ điệu bộ là các yếu tố đóng vai trò quan trọng. Người lớn sử dụng các yếu tố gần ngôn ngữ này không chỉ trong các trạng thái thông thường mà còn thể

hiện trong rất nhiều các cảm xúc tự nhiên của xúc cảm hay tâm trạng vào bất cứ lúc nào. Do đó, trong giao tiếp với trẻ nhỏ và trẻ ASD, việc thể hiện ngôn ngữ kết hợp với các yếu tố gần ngôn ngữ như thế này đôi khi mang lại những ý nghĩa ngoài mong muốn. Ví dụ, cùng là sử dụng mệnh lệnh “Không được” đối với trẻ, nhưng nếu người lớn nói một cách nghiêm khắc, trẻ sẽ hiểu và dừng lại ngay hành động của mình; nhưng ngược lại, nếu người lớn vừa nói, vừa cười, thì trẻ sẽ có thể hiểu là “nếu có cố làm thêm một chút cũng sẽ không sao”. Rõ ràng là với hai cách sử dụng ngôn ngữ kết hợp với yếu tố gần ngôn ngữ nêu ra ở đây cho thấy, cách làm thứ nhất đem lại hiệu quả tức thì ngay với trẻ. Đặc biệt với những trẻ ASD mức độ nặng, các yếu tố gần ngôn ngữ này đóng vai trò hết sức nhạy cảm. Trẻ không hiểu được hết nội dung một câu chuyện, một lời nói mà người lớn giao tiếp với trẻ nhưng thông qua các yếu tố gần ngôn ngữ, với việc thể hiện bằng ánh mắt, nụ cười... người lớn vẫn có thể cùng chia sẻ sự thích thú với trẻ và ngược lại, bản thân trẻ cũng cảm nhận và chia sẻ được các cảm xúc cũng như phát huy được các năng lực vốn có của mình. Bởi vậy, trên phương diện của mình, người lớn cần nhìn nhận từ quan điểm tạo sự thích thú và phong phú trong nội dung ngôn ngữ khi sử dụng (What to say – nói cái gì) và cả cách thức truyền đạt nội dung đó (How to speak – nói như thế nào) khi thực hiện giao tiếp với trẻ.

### ***3.5. Phân tích video***

INREAL rất coi trọng việc quay và phân tích video tất cả các nội dung thực hiện khi giao tiếp với trẻ. Những đoạn băng này chính là sự ghi chép trung thực để người lớn có thể kiểm chứng lại tất cả các hoạt động giao tiếp mình đưa ra đã đảm bảo thực hiện được đúng nguyên tắc và kỹ thuật với trẻ hay chưa. Nội dung quay băng rất đơn giản, bao gồm những cảnh quay

liên quan đến trẻ và người lớn, đặc biệt là chú ý ghi lại những điều nghe, nhìn thấy về cảm xúc, âm thanh và ngôn ngữ. Toàn bộ khung cảnh quay trẻ khi chơi tự do hay khi hội thoại với người lớn sẽ được quay trong khoảng thời gian từ 15 phút trở lên. Tiếp theo đó, người lớn sẽ xem lại băng, đưa ra những phân tích (vi mô và vĩ mô) và đánh giá.

1) Phân tích vĩ mô (macro analysis): là việc thực hiện đối với toàn bộ cảnh quay, trong đó xem xét việc người lớn và trẻ có thiết lập được giao tiếp hay không, thái độ của người lớn như thế nào. Đây là cách đánh giá từ phía người lớn tập trung vào đánh giá năng lực giao tiếp ở trẻ. Không chỉ dừng lại ở việc đánh giá khả năng ở trẻ, trên cơ sở đó người lớn còn phải đặt ra các mục tiêu hướng dẫn một cách trực tiếp và cụ thể. Những nội dung cơ bản và quan trọng trong đánh giá của người lớn bao gồm Tự bản thân đánh giá và Đánh giá khả năng giao tiếp của trẻ.

Tự bản thân đánh giá:

i) Những phản ứng của người lớn được thể hiện như thế nào?

- Có phù hợp với nhịp điệu của trẻ hay không?
- Có đợi trẻ bắt đầu hay không?
- Có chăm chú quan sát những việc trẻ làm hay không?
- Có lắng nghe những điều trẻ nói hay không?

ii) Khi cùng chơi với trẻ, có cảm thấy thích thú hay không?

- Có chơi giống trẻ hay không?
- Chơi với trẻ có thấy thú vị không?
- Có đợi trẻ đưa ra suy nghĩ của mình hay không?

- Đề phát huy khả năng chơi của trẻ, có làm mẫu cho trẻ không?

iii) Có dùng ngôn ngữ phù hợp với trình độ của trẻ hay không?

- Có đưa ra quá nhiều các lời hướng dẫn hay không (mệnh lệnh – cảm đoán – câu hỏi)?

- Có nhận thức được các câu nói của trẻ hay không?

- Có nói quá nhanh hay không?

- Có nói quá nhiều và quá dài hay không?

- Có nói các nội dung dễ hiểu với trẻ hay không?

iv) Có tạo ra bầu không khí vui vẻ hay không?

- Có thể hiện cảm xúc phong phú hay không?

- Có sử dụng cử chỉ điệu bộ hay chỉ ngón tay để hỗ trợ việc hiểu ngôn ngữ hay không?

- Có nói quá to hay không (tạo cảm giác bức bối hay không)?

- Có nói quá nhỏ hay không (có truyền đạt được tới trẻ không)?

Đánh giá khả năng giao tiếp của trẻ

i) Khả năng giao tiếp, vận động, nhận thức, tương tác xã hội (những mặt cơ bản)...

ii) Phát triển khả năng giao tiếp của trẻ

- Giao tiếp đang phát triển ở giai đoạn nào? (giai đoạn nghe hiệu quả, giai đoạn truyền đạt ý đồ, giai đoạn truyền đạt mệnh đề hay giai đoạn hội thoại).

- Cách thức giao tiếp nào?

+ Có nhìn theo đồ vật/người hay không?

+ Có phát âm hay tạo ra âm thanh hay không?

+ Có các cử chỉ điệu bộ, chỉ ngón tay, đưa và nhận...hay không?

+ Có nói không?

- Có mở rộng các chức năng hay không?

- Có “bắt đầu và kết thúc” cũng như “phản ứng” trong Cho – nhận hay không?

- Có “chờ đợi” hay “Phối hợp với người khác” hay không?

- Có các vấn đề khi sử dụng ngôn ngữ hay không?

+ Số lượng từ như thế nào?

+ Có sai ngữ pháp hay không?

+ Có sử dụng ngôn từ đúng văn cảnh và địa điểm không?

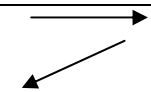
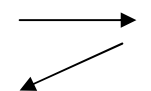

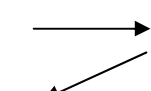
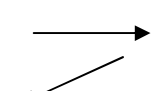
+ Không đề ý đến chủ đề, lúc nào cũng chỉ nói một chủ đề hay không?

+ Có trả lời lại các câu hỏi của người lớn không?

2) Đánh giá vi mô (micro analysis): là các phân tích chi tiết về giao tiếp của trẻ và người lớn trong thực tiễn nói chuyện và tại thời điểm. Để thực

hiện được điều này, lấy một phần đoạn băng, ghi chép những nội dung về hành động và ngôn ngữ của cả trẻ và người lớn theo một trục thời gian và trên cơ sở đó thiết kế Bản ghi chép (transcript). Dựa trên Bản ghi chép này với những hành động và ngôn ngữ cụ thể của trẻ, người lớn sẽ kiểm định được xem cần phải phản ứng như thế nào hay cách phản ứng đó có phù hợp với trẻ hay không?

Ví dụ về một Bản ghi chép:

Trẻ		Mẹ
1) Nhìn chăm chú vào con chó, chỉ ngón tay “a a”		1) Nói “Gì hả con, mẹ không hiểu a a là gì cả”
2) Vừa chỉ ngón tay vừa nói “a a”		2) Nhìn về phía con chó và nói “A, gâu gâu phải không”
3) Vừa cười, vừa chỉ thích thú “a a”		3) Nói “Không phải là a a, mà là gâu gâu”
4) Nói to và lặp lại “a a”		4) Nhấn mạnh “Gâu gâu, con thử nói gâu gâu xem nào”
5) Đưa ra từ “chó”		5) Tức giận “Tại sao lại thế, dễ thương đúng không nào”

Bản ghi chép này cho thấy, hành động 1, 3, 4, 5 của người mẹ đưa ra ở đây là chưa phù hợp với mong muốn giao tiếp và thực tế giao tiếp của trẻ. Như vậy, trong INREAL, điều cần học đầu tiên để giao tiếp được với trẻ là người lớn không chỉ biết hòa nhập cảm xúc với trẻ mà phải nắm bắt được ý đồ của trẻ và phản ứng phù hợp theo các ý đồ đó. Có như vậy giao tiếp giữa người lớn và trẻ mới có thể thành công.

## II. Ph--ng thoc giao tiÖp t'ng c-êng vụ thay thÖ (AAC: Augmentative and Alternative Communication)

### 1. Khái niệm

A A C là viết tắt của Augmentative and Alternative Communication.

Trong đó : “Augmentative” có nghĩa là « hỗ trợ » hoặc ”tăng cường.”

Phương thức giao tiếp tăng cường và thay thế (AAC) là thuật ngữ, dùng để mô tả những cách thức hỗ trợ cho những người gặp khó khăn trong giao tiếp bằng nói hoặc viết. Hình thức giao tiếp tăng cường và thay thế sẽ giúp các em giao tiếp dễ dàng hơn.

AAC bao gồm nhiều phương pháp hay hình thức giao tiếp khác nhau. Các hình thức giao tiếp khác nhau này được chia làm 2 loại:

- Hệ thống có phương tiện trợ giúp: như chỉ vào các đồ vật; chỉ vào các biểu tượng (tranh, ảnh...); máy tính có phần mềm hỗ trợ ngôn ngữ, hệ thống hỗ trợ giao tiếp bằng âm thanh (VOCA), chữ nổi, viết (bằng tay hoặc đánh máy tính)

- Hệ thống không có phương tiện hỗ trợ: cử chỉ, điệu bộ; kí hiệu từ quan trọng bằng tay; ngôn ngữ kí hiệu; viết trên tay; biểu lộ bằng các cử động của mắt.

AAC có thể giúp mọi người hiểu những gì được nói cũng như có thể nói hay viết những gì học muốn.

Mục tiêu của giao tiếp tăng cường và thay thế là đem lại khả năng giao tiếp hiệu quả nhất và có thể lần lượt, khai thác tiềm năng tối đa ở mỗi cá nhân. Vì vậy, một người có thể không chỉ sử dụng một mà là nhiều hình thức giao tiếp.

## ***2. Phân loại***

Phương pháp giao tiếp tăng cường và thay thế (AAC) bao gồm nhiều phương tiện và biện pháp khác nhau. Được chia làm hai loại.

Loại 1: Hệ thống giao tiếp không có sự hỗ trợ .

Loại 2: Hệ thống giao tiếp có sự hỗ trợ

### **Hệ thống giao tiếp không có sự hỗ trợ (Unaided communication systems)**

Hệ thống giao tiếp không có sự hỗ trợ là hệ thống các phương tiện không cung cấp lời nói hay không có thiết bị điện tử. Bao gồm các phương pháp sau:

- + Cử chỉ điệu bộ (gestures)
- + Ngôn ngữ cơ thể (body language)
- + Ký hiệu ngôn ngữ (sign language)
- + Bảng giao tiếp (communication boards)
- + Giao tiếp mắt –mắt

### **Hệ thống giao tiếp có sự hỗ trợ (Aids communication systems)**

Hệ thống giao tiếp có sự hỗ trợ là phương tiện kỹ thuật có thể phát ra lời nói hoặc không. Những phương tiện này có thể hiển thị thư từ, câu mẫu, hệ thống ký hiệu cho phép người sử dụng tạo lập tin nhắn, thông tin giao tiếp. Những thông tin này có thể được máy phát ra, hoặc được biểu hiện trên màn hình hoặc được in ra một trang giấy. Một số phương tiện này có thể kết nối với máy tính để giao tiếp bằng chữ viết. Bao gồm các phương tiện như:

- +Chỉ tay vào sự vật (pointing to objects)
- +Chỉ tay vào hệ thống biểu tượng (Như tranh ảnh, sách giao tiếp)
- +VOCAs (Voice output communication aids)



+Chữ nổi brail

+Bảng giao tiếp điện tử

+Sách giao tiếp

### **3. Lược sử AAC**

AAC xuất hiện vào những năm 1950 và 1960 như một phương pháp giao tiếp dành cho những người đặc biệt. Đây là những phương tiện hỗ trợ cho những người không có khả năng chú ý trong giao tiếp, những người không thể phát triển kỹ năng giao tiếp thông thường bằng lời nói. Trong suốt quá trình phát triển AAC đã có nhiều thay đổi đáng kể. Từ những cơ sở đánh giá đơn giản AAC đã phát triển nhanh chóng về cách đánh giá bằng công nghệ kỹ thuật. Sự ra đời và phát triển của máy tính mang đến hệ quả là sự phát triển những phương tiện hiện đại với các phương tiện giao tiếp là các thiết bị kỹ thuật số. Những thiết bị này góp phần vào khả năng hỗ trợ và phục vụ cho những người gặp khó khăn giao tiếp trong thập niên vừa qua.

Trong suốt những năm 1980, pháp lệnh dành cho người khuyết tật đã phản ánh sự phát triển của nhận thức về sự có mặt của việc ứng dụng khoa học kỹ thuật, bao gồm các thiết bị giao tiếp tăng cường điện tử, các thiết bị hiện đại được dùng để hỗ trợ cho cuộc sống của những người có khó khăn trong giao tiếp, trong sinh hoạt hàng ngày. Chương trình giáo dục hỗ trợ hành động cho những người khuyết tật về thể chất và tinh thần đã cung cấp các thiết bị phục vụ cho những học sinh tàn tật.

Năm 1986 pháp lệnh của người tàn tật cụ thể yêu cầu các trường công lập huyện để thúc đẩy sử dụng các thiết bị hỗ trợ vào việc giáo dục các học sinh khuyết tật. Đến năm 1989, yêu cầu các tiểu bang thực hiện mọi nỗ lực trong việc cung cấp công nghệ trợ giúp, hỗ trợ cho người khuyết tật, không

phân biệt tuổi tác, tình trạng tàn tật hoặc nơi cư trú. Những pháp lệnh có tác dụng mở rộng sự ứng dụng của các thiết bị kỹ thuật, bao gồm phương pháp AAC.

Trong suốt những năm 1990, chương trình giáo dục dành cho học sinh khuyết tật ngày càng tăng lên, kết hợp với chương trình giảng dạy chung và các nguồn lực cộng đồng. Ngày càng nhiều học sinh khuyết tật được học trong những lớp học hòa nhập hơn là hình thức giáo dục chuyên biệt. Quan trọng hơn là AAC đã cung cấp các dịch vụ cho kết quả trực tiếp khi giáo viên tìm cách giúp trẻ khuyết tật tham gia một cách toàn diện hơn trong tất cả các môi trường. Ngày nay phương pháp AAC được sử dụng rộng rãi trên toàn thế giới nhằm giúp đỡ và hỗ trợ những người gặp khó khăn trong giao tiếp đặc biệt là về mặt ngôn ngữ. Trong đó có trẻ tự kỷ.

#### ***4. Phương pháp AAC***

AAC là những phương tiện, hệ thống các phương pháp giao tiếp dùng để giúp đỡ những người gặp khó khăn trong giao tiếp, giúp họ giao tiếp một cách dễ dàng và hiệu quả hơn. AAC được dùng với những người gặp khó khăn trong việc nói, viết hoặc đọc. Các phương tiện được sử dụng để nâng cao việc học, việc thực hành của những người khuyết tật.

##### ***\* Ý nghĩa của việc sử dụng phương pháp AAC***

Giới thiệu các hình thức thay thế và tăng cường đối với trẻ RLPTK sẽ có những ảnh hưởng tích cực sau:

- Giúp trẻ ngăn chặn sự đổ vỡ của chu trình giao tiếp
- Giúp trẻ trao đổi thông tin thành công và do vậy sẽ tăng động cơ cho học sinh trong việc giao tiếp

- cho phép trẻ biểu lộ những suy nghĩ, nhu cầu, câu hỏi hay kiểm tra môi trường của trẻ để giảm bớt những thất vọng.

- giúp trẻ phát triển các kỹ năng giao tiếp

- giảm áp lực cho trẻ trong việc nói. Giảm bớt trong việc không phải nói thường là kết quả của việc cải thiện đồng thời của ngôn ngữ nói.

- ngôn ngữ nói là một quá trình phức tạp và có nhiều đòi hỏi khắt khe cần được nhấn mạnh. Các hình thức giao tiếp tăng cường và thay thế có thể làm giảm sự căng thẳng cho trẻ bởi vì việc sử dụng các kí hiệu, cử chỉ đòi hỏi ít sự phối hợp vận động hơn do vậy dễ dàng thực hiện hơn.

*\* Các phương tiện, biện pháp của AAC*

AAC gồm các loại: hệ thống giao tiếp bằng cách trao đổi hình ảnh (PECS), sử dụng bảng giao tiếp, cử chỉ điệu bộ, ngôn ngữ ký hiệu,... sách giao tiếp.

### **III. Hệ thống giao tiếp bằng trao đổi tranh (PECS- Pictures Exchanged Communication System)**

#### **1. Vài nét về hệ thống giao tiếp bằng hình ảnh -(PECS)**

PECS được giới thiệu vào năm 1985 do hai tác giả Andy Bondy và LA.Frots đồng xây dựng nhằm khắc phục những khó khăn gặp phải khi thực hiện các chương trình dạy giao tiếp khác dành cho trẻ Tự kỉ. Ban đầu PECS được xây dựng để sử dụng cho các trẻ mắc rối loạn phổ Tự kỉ trước tuổi học, các rối loạn giao tiếp xã hội khác, không có ngôn ngữ nói chức năng hoặc phù hợp về mặt xã hội, tức là những trẻ không bao giờ nói hoặc chỉ nói khi được “kích thích”, khi được yêu cầu, gợi ý hoặc những trẻ mắc chứng nhại lời nặng. Khó khăn trong giao tiếp của những trẻ này có liên hệ về mặt xã

hội thể hiện ở chỗ chúng không bao giờ tiến lại gần người khác để giao tiếp, tránh tương tác với người khác hoặc chỉ giao tiếp khi gợi ý trực tiếp. Tuy nhiên sau đó việc sử dụng PECS không dừng lại ở đối tượng trẻ mắc phổ Tự kỉ trước tuổi học mà được mở rộng trên cả trẻ em và người lớn có những mức độ chẩn đoán phân loại giáo dục khác nhau.

Quan điểm tiếp cận của PECS: PECS đưa ra một quan điểm tiếp cận trong việc hỗ trợ về ngôn ngữ và giao tiếp cho những trẻ khó khăn đặc thù về ngôn ngữ, đó là: mục đích của giao tiếp là có thể thể hiện được mình, giúp người khác hiểu mình mà không quá quan tâm đến công cụ sử dụng khi giao tiếp. Đây chính là quan điểm mà chúng ta đã đề cập khi xem xét về giao tiếp tổng thể, việc chúng ta kì vọng, hay áp đặt rằng trẻ có khó khăn về ngôn ngữ và giao tiếp phải giao tiếp theo cách của chúng ta là không thể làm được. Quan điểm này nhấn mạnh đến việc chúng ta đặt mình phù hợp với mức độ giao tiếp của trẻ và tạo cơ hội cho trẻ giao tiếp theo cách trẻ có thể thực hiện.

**Tiếp cận dạy học theo mô hình kim tự tháp:** Đưa ra nhằm sử dụng hình mẫu thực tế mô tả các thành tố cần thiết để sử dụng một mô hình học tập hiệu quả.

Mô hình này bao gồm 8 nhân tố: 4 nhân tố nền tảng và 4 nhân tố tạo thành chóp hình tháp.

Bốn nhân tố nền tảng: Nhằm giải quyết những vấn đề lớn về nội dung dạy học và lý do học tập của học sinh.

+ *Mục tiêu chức năng:*

Mục tiêu lớn nhất chính là việc chúng ta dạy những kỹ năng để sau này ra trường trẻ có được một công việc tốt và có thể sống độc lập tới mức có thể.

Liên quan đến mục tiêu chức năng chính là việc sử dụng các tài liệu học tập, cần phải sử dụng các vật liệu chức năng (tức là các đồ vật liên quan đến bài học có ý nghĩa với trẻ) sẽ giúp các em học sinh tốn ít thời gian hơn để tiếp thu và khái quát kiến thức tốt hơn.

+ *Hệ thống củng cố:*

Có thể là các củng cố xã hội như lời khen, động viên... hoặc củng cố bằng đồ vật thật, nhưng dù là gì thì những củng cố này phải thực sự có ý nghĩa với trẻ.

Khi sử dụng củng cố, có thể sử dụng chiến lược củng cố trước – nghĩa là đưa ra phần thưởng trước khi bắt đầu nhiệm vụ và phải đưa ra càng tự nhiên càng tốt.

Khen thưởng, củng cố cần đến ngay sau khi một hành vi phù hợp được thực hiện, tuy nhiên trong PECS nhóm tác giả khẳng định việc củng cố diễn ra sau 1/2 giây so với bình thường sẽ giảm hẳn tác dụng của việc củng cố.

Liên quan đến tốc độ đưa ra các đồ vật thưởng là việc sử dụng các hình thức củng cố đa dạng. Một gợi ý là có thể “Thoả thuận” với học sinh để học sinh biết được hình thức củng cố mà mình sẽ nhận được khi hoàn thành nhiệm vụ, điều đó sẽ kích thích trẻ hoàn thành nhiệm vụ.

+ *Các kỹ năng xã hội và giao tiếp:*

PECS đưa ra một cách nhìn về giao tiếp: Giao tiếp không nhất thiết đòi hỏi phải có ngôn ngữ, hoàn toàn có thể sử dụng các công cụ khác để thay thế

giao tiếp miễn hoạt động đó đảm bảo là sự tương tác giữa người nhằm đạt một mục đích nào đó.

+ *Ngăn ngừa và hạn chế các hành vi không phù hợp:*

Các chiến lược can thiệp hành vi được đề cập bao gồm tăng cường hành vi mong muốn và hạn chế các hành vi không mong muốn, PECS cũng phân biệt rõ căn nguyên của một hành vi: đó có thể là nhằm giúp trẻ đạt được một kết quả củng cố ưa thích hoặc giúp trẻ tránh đi một hoạt động làm trẻ không thích.

\* Bốn thành tố cấu thành chóp của hình kim tự tháp: phần trên của mô hình kim tự tháp giải quyết các vấn đề cách thức dạy một bài học hiệu quả, nó bao gồm 4 thành tố cơ bản.

+ *Khái quát hoá:*

Khi lập kế hoạch dạy một kỹ năng nào đó, chúng ta phải biết liệu kỹ năng đó có hữu ích cho việc trẻ sinh hoạt độc lập hơn hay không, trong cả môi trường hiện tại và trong tương lai, cần phải khái quát và chuyển tiếp các kiến thức vào môi trường sinh hoạt với việc mở rộng về các yếu tố kích thích: Con người, địa điểm, thời gian, vật liệu.... tất nhiên sự khái quát này thành công tới mức độ nào còn phụ thuộc vào các yếu tố thực hiện, bao gồm số lần thực hiện, độ trôi chảy, tỉ lệ thực hiện, thời gian thực hiện hành vi, tính chính xác thực hiện.

+ *Thiết kế bài học:*

Một bài học hiệu quả cần được thiết kế một cách phù hợp, lựa chọn phương pháp tối ưu với nội dung bài dạy (PECS giới thiệu một số chiến lược đặc thù như: Giảm dần thời gian hướng dẫn/giảm dần thời gian hoàn thành

nhiệm vụ, Xâu chuỗi...) và cần kết hợp với các thành tố khác trong hướng tiếp cận theo mô hình kim tự tháp

+ *Các chiến lược dạy học cụ thể:*

Điều mấu chốt đem lại một bài học thành công là bài dạy đó giúp học sinh có khả năng thực hiện thành công một kỹ năng độc lập, không cần hỗ trợ từ phía bên ngoài, do vậy mục tiêu đặt ra là phải loại trừ việc nhắc gợi ý cho học sinh.

***Các chiến lược cụ thể bao gồm:***

- Dạy chuỗi ngược: Chiến lược dạy chuỗi ngược là một chiến lược nhỏ trong chiến lược dạy xâu chuỗi (bao gồm: chuỗi xuôi, chuỗi ngược và chuỗi toàn bộ). Chiến lược này đòi hỏi việc phân tích nhiệm vụ một cách kỹ càng, đi kèm với nó là việc đánh giá giới hạn khả năng của trẻ. Dạy chuỗi lùi yêu cầu giáo viên bắt đầu hướng dẫn trẻ bằng việc làm toàn bộ hoặc giúp trẻ hoàn thành nhiệm vụ đến tận bước cuối cùng của chuỗi hành vi. Sự hướng dẫn sẽ bắt đầu ở bước cuối cùng, khi trẻ hoàn thành độc lập bước cuối cùng, chuyển sang hướng dẫn bước trước bước cuối cùng. Khi các bước còn lại được dạy, học, thêm vào theo thứ tự giật lùi, toàn bộ chuỗi hành vi sẽ được thực hiện và củng cố.

Trong PECS, chiến lược xâu chuỗi được sử dụng là chiến lược xâu chuỗi ngược vì các kỹ năng sử dụng PECS thường có mức độ khó giảm dần, do vậy khi thực hiện theo chuỗi ngược, trẻ được củng cố nhiều nhất và có cơ hội thực hiện nhiệm vụ tốt nhất.

- Hình thành: là phương pháp dạy học trong đó người hướng dẫn xây dựng kỹ năng thông qua việc củng cố những hành vi liên tục gần giống hành vi mẫu. Mức độ chính xác của hành vi so với hành vi mẫu sẽ dần được nâng cao.

Phương pháp này đòi hỏi giáo viên phải chú ý tập trung vào phản ứng của trẻ và nhanh chóng đánh giá mỗi phản ứng bằng cách so sánh phản ứng với hành vi mẫu. Thay vì chờ cho đến khi trẻ làm đúng, cần củng cố ngay khi trẻ có dấu hiệu tiến bộ, thay thế hành vi mẫu bằng sự chấp nhận những gì tương đối tốt.

Trong PECS phương pháp xây dựng kỹ năng hình thành được sử dụng bởi các kỹ năng sử dụng PECS cần hoàn thành độc lập qua rất nhiều lần thử và nếu như chúng ta luôn chờ đợi cho tới khi trẻ đạt hành vi chuẩn mực mới củng cố thì trẻ sẽ không có động cơ học tập và rất khó hoàn thành nhiệm vụ. Liên tục củng cố sau mỗi sự tiến bộ là một biện pháp hữu hiệu để xây dựng kỹ năng trong PECS nhất là khi hướng dẫn trẻ Tự kỉ – vốn là những trẻ có động cơ học tập rất thấp.

- Chiến lược dạy hai người hỗ trợ: Đây là chiến lược dạy đặc thù được sử dụng trong chương trình hướng dẫn sử dụng PECS. Trong một số phần hướng dẫn, số người tham gia dạy trẻ sẽ là hai người, trong đó một người được gọi là *đối tượng giao tiếp*, người còn lại là *người hỗ trợ*.

- Chiến lược lặp lại các lần thử : Đây là chiến lược được sử dụng khi hướng dẫn các kỹ năng độc lập, là một chiến lược rất hữu ích khi người hướng dẫn muốn có sự lặp lại nhiều lần của hành vi mẫu. Tiến trình thực hiện hướng dẫn sử dụng chiến lược này bao gồm bốn bước: 1. Người dạy đưa ra các hướng dẫn; 2. Đáp ứng của trẻ; 3. Đáp ứng của người dạy trước phản ứng của trẻ; 4. Tạm dừng trước khi đưa ra các hướng dẫn tiếp theo.

- Chiến lược giảm dần hỗ trợ/ giảm dần thời gian hoàn thành: chiến lược này đòi hỏi sự kết hợp các trợ giúp. Tùy vào tình huống trẻ thực hiện nhiệm vụ người hướng dẫn sẽ lựa chọn các loại trợ giúp khác nhau.



Ngoài ra trong PECS còn sử dụng các chiến lược khác không phổ biến, chỉ thích hợp với một số nội dung trong PECS như: Chiến lược dạy phân biệt (sử dụng trong phần phân biệt các tranh mô tả các đặc tính khác nhau của cùng một đồ vật), Chiến lược dạy giảm dần hỗ trợ/ giảm thời gian hoàn thành nhiệm vụ (sử dụng trong phần VI).

+ *Hạn chế và sửa lỗi*: Trong PECS các chiến lược sửa lỗi bao gồm:

- *Trình tự sửa lỗi 4 bước*: Được sử dụng trong các dạng bài thử rời rạc, chiến lược sửa lỗi này bao gồm 4 bước cơ bản .

1. Đầu tiên giáo viên làm mẫu hoặc chỉ ra cho học sinh thấy cách thực hiện đúng.

2. Tiếp theo giáo viên hỗ trợ để trẻ đạt được hành vi mẫu.

3. Giáo viên chuyển hướng.

4. Cuối cùng tạo cơ hội cho học sinh được lập lại hành vi mẫu nhằm củng cố nó.

- *Trình tự sửa lỗi ngược (Back stepping)*: Với những bài dạy liên tục, có thể lỗi được phát hiện ra sau khi lỗi đã xuất hiện từ các bước trước, trong tình huống đó giáo viên giúp học sinh trở lại đúng bước học sinh đã làm sai và sửa lỗi tại đó.

- *Gợi ý dự đoán trước*: Trong một số trường hợp với các bài dạy liên tục chúng ta không thể ngay lập tức quay trở lại các bước thực hiện trước, do vậy giáo viên cần dự tính trước được các lỗi có thể xảy ra ở lần sau một cách tự nhiên để có những biện pháp nhắc nhở hữu hiệu.

### **Các kĩ năng giao tiếp quan trọng**

Khi đề cập tới kỹ năng giao tiếp thường có rất nhiều quan điểm khác nhau, PECS dựa trên quan điểm thống nhất về 9 kỹ năng giao tiếp quan trọng, việc thiết kế nội dung và hướng dẫn sử dụng PECS đều căn cứ trên 9 kỹ năng này, theo đó 9 kỹ năng giao tiếp quan trọng bao gồm:

*- Kỹ năng diễn đạt.*

1. Hỏi xin đồ vật yêu thích: Được coi là kỹ năng giao tiếp cơ bản nhất, việc đề nghị cho phép mỗi người có cơ hội tham gia vào các hoạt động, chơi với các đồ vật một mình hay tương tác với người khác.

2. Yêu cầu được hỗ trợ: Không biết cách yêu cầu hỗ trợ thường là căn nguyên của nhiều hành vi không phù hợp, do vậy đây cũng được coi là một kỹ năng cơ bản.

3. Xin được giải lao: Sẽ có rất nhiều khi chúng ta cần đến sự giải lao vì sự căng thẳng, mệt mỏi do công việc gây ra. Cần phải hướng dẫn cho trẻ hiểu rằng, chúng ta có quyền giải lao khi chúng ta cảm thấy mệt mỏi, tuy nhiên giải lao không có nghĩa là chúng ta sẽ không tiếp tục công việc nữa mà chúng ta sẽ trở lại công việc sau khi nghỉ. Đây cũng là kỹ năng cần thiết cho trẻ, trẻ cần thiết xin được nghỉ giải lao trước khi xuất hiện những hành vi bất thường.

4. Từ chối (trả lời “Không” khi được hỏi “Con có muốn...”) biết cách từ chối là một kỹ năng quan trọng, nó giúp tạo ra sự thoải mái cho cả hai bên tham gia giao tiếp

5. Khẳng định (trả lời “Có” khi được hỏi “Con có muốn...”) trong kỹ năng này cần phân biệt câu trả lời “Có” khi được hỏi “Con có muốn...” với câu trả lời “Phải” (mà đôi khi cả hai câu trả lời đều được thể hiện bằng cách

gật đầu) cho câu hỏi “Đây có phải là...” vì nó yêu cầu những củng cố khác nhau và động cơ của người trả lời cũng khác nhau.

- *Kỹ năng giao tiếp tiếp nhận*

6. Phản ứng với yêu cầu “Hãy đợi”: trẻ thường có những phản ứng rất tiêu cực khi bắt buộc phải đợi để nhận được một củng cố nào đó. Điều quan trọng là phải hướng dẫn cho trẻ biết khi đợi không có nghĩa là trẻ không có được đồ vật ưa thích nữa mà sẽ có nó sau khi chờ đợi, do vậy phải kiên nhẫn chờ đợi.

7. Phản ứng với các chỉ dẫn chức năng: đây được coi là một kỹ năng quan trọng bởi vì nó tiềm ẩn nhiều nguy cơ liên quan đến hiểu sai thông tin, các chỉ dẫn này bao gồm cả chỉ dẫn bằng lời và chỉ dẫn bằng trực quan hóa/ thị giác, khi hướng dẫn giáo viên cần biết liên hệ một cách tự nhiên với các chỉ dẫn với đồ vật, bối cảnh ... trong môi trường và liên hệ với các nội dung khác trong hoạt động học tập.

8. Phản ứng với các chỉ dẫn chuyển tiếp: Thông thường trẻ hay bộc lộ những hành vi không phù hợp khi phải chuyển tiếp hoạt động, bởi vì theo trẻ chuyển sang hành động mới nghĩa là bị tước mất hoạt động ưa thích và phải bắt đầu một hoạt động mới, do vậy giáo viên cần đưa ra củng cố của hoạt động tiếp theo trước để trẻ có cơ hội chuyển tiếp hoạt động dễ dàng hơn.

9. Thực hiện theo kế hoạch, thời gian biểu: Đây là một công cụ hỗ trợ đắc lực giúp học sinh chuyển tiếp hành động một cách độc lập đồng thời rất hữu ích trong việc dạy các kỹ năng sử dụng phân tích nhiệm vụ. Thực hiện theo kế hoạch và làm theo thời gian biểu sẽ giúp trực quan hoá hỗ trợ trẻ thực hiện mọi việc tốt hơn.

**Thu thập và phân tích số liệu:**

Nhằm đánh giá sự tiến bộ của trẻ qua các giai đoạn hướng dẫn và nhằm đánh giá chính giáo viên, công việc bày đòi hỏi việc thu thập thông tin một cách đầy đủ và khách quan.

## **2. Tiến trình xây dựng hệ thống giao tiếp bằng hình ảnh**

Để xây dựng hệ thống giao tiếp bằng hình ảnh cho mỗi cá nhân cụ thể, cần phải tiến hành đánh giá. Ngoài những đánh giá nhằm xác định một số vấn đề ban đầu của trẻ như: nhu cầu giao tiếp, mức độ giao tiếp, chương trình PECS đưa ra hai đánh giá bắt buộc, có ý nghĩa quyết định tới nội dung và quy trình hướng dẫn trong PECS, đó là: Đánh giá các kỹ năng giao tiếp quan trọng; Đánh giá các đồ vật củng cố.

*Đánh giá các kỹ năng giao tiếp quan trọng:* Việc xây dựng và hướng dẫn PECS được tiến hành dựa trên quan điểm về 9 kỹ năng giao tiếp quan trọng. Thông qua đánh giá này, người hướng dẫn sẽ nắm được trong số 9 kỹ năng giao tiếp đó, kỹ năng nào trẻ đã có, kỹ năng nào trẻ chưa có được, và từ đó lựa chọn nội dung hướng dẫn. Việc xác định một kỹ năng nào đó có phù hợp với trẻ hay không hoàn toàn tùy thuộc vào mối tương quan giữa kỹ năng đó với tuổi thực của trẻ. Để hoàn thành bảng đánh giá, người đánh giá có thể quan sát trẻ trong môi trường tự nhiên hoặc tạo ra các tình huống cho kỹ năng này thể hiện.

*Đánh giá đồ vật củng cố:* Công việc cần thiết tiếp theo là đánh giá đồ vật củng cố. Các bài hướng dẫn của PECS đều tiến hành dựa trên việc sử dụng các đồ vật liên quan đến sở thích của trẻ, bao gồm những đồ vật, hoạt động trẻ thích và những đồ vật, hoạt động trẻ không thích. Để lập ra danh sách những đồ vật cụ thể, người đánh giá không chỉ dừng lại ở việc thu thập thông tin từ cha mẹ,

giáo viên, người chăm sóc chính của trẻ mà việc đánh giá còn được thực hiện thông qua một quy trình cụ thể.

*Chuẩn bị cơ sở vật chất:* Sau khi đánh giá kỹ năng giao tiếp của trẻ, tổ chức môi trường dạy học, thiết lập hệ thống thứ bậc củng cố cần phải chuẩn bị cơ sở vật chất cho hoạt động xây dựng PECS.

Công việc chuẩn bị đầu tiên là chuẩn bị tranh. Khi nghiên cứu các phần hướng dẫn của PECS, chúng ta có thể thấy PECS không đặt ra kì vọng là trẻ có thể nói lên được sự khác nhau giữa các tranh khi việc hướng dẫn bắt đầu. Do vậy, loại tranh được chọn tùy thuộc vào người hướng dẫn. PECS không dạy trẻ “hiểu” những bức tranh, chính vì thế trong PECS không có đánh giá về loại tranh phù hợp cho mỗi trẻ.

Có thể sử dụng tranh trắng đen, tranh màu, ảnh chụp, lôgô... PECS đưa ra gợi ý rằng nên tạo lập một cuộc sống hoặc công việc càng dễ dàng bao nhiêu càng tốt, do vậy cũng nên bắt đầu hướng dẫn với những tranh dễ tạo ra nhất trong khả năng của người hướng dẫn.

Việc thiết kế sổ giao tiếp cần phải đảm bảo các yếu tố: bền, chắc, đẹp mắt, dễ làm và tiện dụng. Mỗi trẻ cần có một sổ giao tiếp riêng và có thể thêm trang vào bất cứ lúc nào, đồng thời có thể mang đi một cách dễ dàng.

### **3. Hướng dẫn sử dụng hệ thống giao tiếp bằng hình ảnh**

Quá trình hướng dẫn sử dụng PECS là quá trình cụ thể và tỉ mỉ bao gồm sáu giai đoạn chính và một số nội dung bổ sung. Trong mỗi giai đoạn, nhiều vấn đề được đặt ra: mục tiêu giai đoạn, kỹ năng nền tảng cho việc học tập nội dung giai đoạn mới, các chiến lược dạy, môi trường lớp học, đánh giá người dạy và người học, vị trí của giai đoạn trong tổng quan quy trình

hướng dẫn. Dưới đây, xin được sơ lược giới thiệu quy trình hướng dẫn sử dụng PECS.

### ***Phần I. Bắt đầu với PECS***

Mục tiêu phần I: Dựa trên việc nhìn thấy một vật trẻ đặc biệt yêu thích, trẻ sẽ lấy bức tranh miêu tả vật, vươn tới người giao tiếp và đặt bức tranh vào tay họ.

Các chiến lược dạy học sử dụng trong phần I là: chiến lược xâu chuỗi ngược và chiến lược dạy hai người.

Trọng tâm của phần I là dạy trẻ chủ động. Để khơi gợi trẻ khởi xướng giao tiếp, cần phải đưa ra các đồ vật cũng cố có nghĩa thật sự đối với trẻ. Khi trẻ nhìn thấy vật, trẻ sẽ tìm cách lấy vật hoặc vươn người tới vật, sự vươn tới này có thể coi là sự khởi xướng. Khi đó người hỗ trợ ngay lập tức giúp trẻ nhặt tranh tương ứng, vươn tới người giao tiếp và đặt tranh vào tay người đó, người giao tiếp lập tức đưa đồ vật tương ứng cho trẻ. Lặp lại hướng dẫn nhiều lần cho tới khi hành vi: nhặt tranh, vươn tới người giao tiếp, đưa tranh vào tay họ được hình thành.

### ***Phần II. Tăng cường khoảng cách***

Mục tiêu phần II: Trẻ đi tới chỗ giao tiếp, lấy tranh, đi tới người giao tiếp, gây chú ý với họ rồi đặt tranh vào tay người đó.

Các chiến lược dạy học: chiến lược hình thành, chiến lược dạy theo cấu trúc hai người.

Phần II bao gồm bốn bước trong quy trình hướng dẫn, mức độ khó mỗi bước tăng dần cho tới khi trẻ độc lập hoàn thành nhiệm vụ, đạt mục tiêu phần hướng dẫn.

Bước 1. Lấy tranh từ sổ giao tiếp.

Bước 2. Tăng dần khoảng cách giữa người giao tiếp với trẻ.

Bước 3. Tăng dần khoảng cách giữa sổ giao tiếp và trẻ.

Bước 4. Đánh giá và giảm dần các hỗ trợ.

### ***Phần III. Phân biệt tranh***

Mục tiêu phần III: Trẻ sẽ yêu cầu vật mình yêu thích bằng cách đi sổ giao tiếp, chọn tranh phù hợp từ một nhóm tranh, đi tới người giao tiếp và đưa tranh cho người đó.

Chiến lược dạy được sử dụng trong phần III: hình thành kỹ năng qua các lần thử.

Để hoàn thành mục tiêu phần III, tiến trình hướng dẫn bao gồm ba bước:

Bước 1. Phân biệt giữa một tranh về đồ vật có ý nghĩa cùng cố thật sự với trẻ và một tranh miêu tả vật trẻ không thích.

Bước 2. Phân biệt giữa hai tranh về hai đồ vật trẻ yêu thích.

Bước 3. Phân biệt tranh giữa nhóm tranh.

Các bước sẽ được tiến hành tuần tự và phần III sẽ ngừng lại khi trẻ có khả năng phân biệt tranh trong nhóm 5 tranh.

### ***Phần IV. Xây dựng câu***

Mục tiêu phần IV: Trẻ yêu cầu một vật trong tầm nhìn, vật không trong tầm nhìn bằng cách sử dụng một cấu trúc gồm nhiều tranh theo tiến trình: trẻ đi tới sổ giao tiếp, lấy bức tranh “Con muôn” đặt vào dòng câu, lấy bức tranh về đồ vật yêu cầu đặt vào dòng câu theo đúng trật tự, lấy dòng câu

ra khỏi sổ giao tiếp và mang nó tới cho người giao tiếp. Kết thúc phần hướng dẫn này trẻ phải có được 20 tranh hoặc hơn trong sổ giao tiếp của mình và có thể giao tiếp với nhiều người khác nhau.

Chiến lược dạy được sử dụng trong phần IV: dạy chuỗi ngược, giảm dần hỗ trợ/ giảm dần thời gian hoàn thành nhiệm vụ.

Tiến trình hướng dẫn: phần IV là một trong những phần hướng dẫn có nội dung khó và phức tạp bao gồm ba bước của nội dung chính và một nội dung bổ sung.

Ba bước của nội dung chính:

Bước 1. Thêm tranh về đồ vật yêu cầu vào dòng câu.

Bước 2. Sử dụng tranh “con muốn”.

Bước 3. Đọc dòng câu.

Một số nội dung hướng dẫn thêm vào trong phần IV là: yêu cầu nhiều đồ vật cùng lúc; yêu cầu vật kèm thuộc tính của đồ vật đó (là các tính chất của vật như: màu sắc, kích thước, khối lượng...)

### ***Phần V. Trả lời câu hỏi “Con muốn cái gì?”***

Mục tiêu phần V: Trẻ sẽ chủ động đề nghị các vật khác nhau để trả lời câu hỏi “Con muốn cái gì?”

Chiến lược dạy: giảm dần hỗ trợ /giảm dần thời gian hướng dẫn

Tiến trình dạy: Để hoàn thành mục tiêu phần V tiến trình hướng dẫn bao gồm các bước:

Bước 1: Hỗ trợ ngay lập tức.

Bước 2: Giảm dần hỗ trợ.



Bước 3: Thay đổi cách đáp ứng để trẻ chủ động yêu cầu.

### ***Phần VI. Nhận xét***

Mục tiêu phần VI: Trẻ sẽ trả lời các câu hỏi “Con muốn cái gì?” “Con thấy cái gì?” “Con có cái gì?” “Con nghe thấy gì?” và “Đây là cái gì?” và yêu cầu, nhận xét một cách chủ động.

Các chiến lược hướng dẫn: Giảm thời gian kích thích (Chiến lược này tương tự như chiến lược giảm dần hỗ trợ/ giảm dần thời gian hoàn thành) và hướng dẫn phân biệt.

Tiến trình hướng dẫn phần VI bao gồm 4 bước:

Bước 1: Trả lời câu hỏi nhận xét đầu tiên.

Bước 2: Phân biệt giữa các mở đầu câu.

Bước 3: Duy trì việc yêu cầu chủ động.

Bước 4: Nhận xét chủ động.

Trong nội dung hướng dẫn phần VI còn có rất nhiều kỹ năng bổ sung, mỗi kỹ năng có chiến lược và tiến trình dạy khác nhau. Khái quát có 8 kỹ năng bổ sung như sau:

- Yêu cầu được giúp đỡ
- Ra hiệu “Không” với câu hỏi “Con có muốn...?”
- Ra hiệu “Có” với câu hỏi “Con có muốn...?”
- Yêu cầu “Được nghỉ”
- Đáp ứng với yêu cầu “Hãy đợi”
- Làm theo các hướng dẫn

- Chuyển tiếp giữa các hoạt động
- Làm theo thời khoá biểu bằng hình ảnh

#### **4. Đánh giá kết quả của hệ thống giao tiếp bằng hình ảnh**

Ở tất cả các giai đoạn hướng dẫn sử dụng hệ thống giao tiếp bằng hình ảnh đều có những bảng đánh giá dành cho học sinh và người hướng dẫn. Đối với học sinh những bảng đánh giá này sẽ xem xét xem trẻ đã hoàn thành bước đó hay chưa, và quyết định liệu trẻ có thể học đến bước kế tiếp không. Đối với giáo viên, những bảng đánh giá này sẽ giúp giáo viên tự kiểm tra lại các kỹ năng sử dụng cũng như quy trình hướng dẫn của mình đã phù hợp hay chưa từ đó có những điều chỉnh phù hợp. Trong suốt quá trình hướng dẫn, giáo viên sử dụng bảng “Đánh giá sự tiến bộ trong thời kì dài”.

#### **IV. Hệ thống hỗ trợ giao tiếp bằng âm thanh (VOCA)**

Hệ thống hỗ trợ giao tiếp bằng âm thanh, viết tắt là VOCA (Voice Output Communication Aid). Đây là một hệ thống hỗ trợ giao tiếp công nghệ cao, bao gồm nhiều biến thể khác nhau từ đơn giản tới rất phức tạp.

Hệ thống này - đúng như tên gọi của nó – hỗ trợ việc giao tiếp của trẻ bằng cách phát ra âm thanh thay thế cho khả năng nói đã bị mất (hay chưa được phục hồi) dựa theo yêu cầu của người sử dụng.

*Đối tượng sử dụng?*

VOCA là hệ thống hỗ trợ giao tiếp công nghệ cao, thường được sử dụng cho các đối tượng như: những trẻ tự kỉ sử dụng hệ thống hỗ trợ giao tiếp bằng hình ảnh (PECS) nhưng không phát triển ngôn ngữ nói; những người không phát triển ngôn ngữ nói đồng thời có những khiếm khuyết về mặt thể chất khiến họ không thể sử dụng các phương tiện hỗ trợ giao tiếp khác yêu cầu nhiều vận động cơ thể.

*Một số kỹ năng cần có cho đối tượng chuyển tiếp sử dụng VOCA*

Việc chuyển tiếp cho trẻ sử dụng VOCA khi trẻ đang sử dụng một hệ thống hỗ trợ giao tiếp nào đó (ví dụ như PECS), hay khi trẻ đang tham gia một chương trình trị liệu ngôn ngữ nào đó yêu cầu một sự chuẩn bị kỹ lưỡng từ phía trẻ cũng như gia đình và cộng đồng. Về phía trẻ, có một số kỹ năng trẻ cần học được trước khi bắt đầu với VOCA, các kỹ năng đó bao gồm:

Mức độ khởi xướng: Kỹ năng khởi xướng là một kỹ năng rất quan trọng nhằm hiện thực hoá khả năng giao tiếp của mỗi cá nhân thành cuộc giao tiếp với người khác, nếu như trước khi sử dụng VOCA mà đứa trẻ chưa học được kỹ năng khởi xướng chủ động với người khác nhằm mở đầu hội thoại, thì VOCA sẽ trở nên vô nghĩa bởi vì đứa trẻ chỉ biết ấn những cái nút trên máy và ngồi chờ!

Số lượng từ vựng: Trước khi chuyển tiếp sang VOCA, đứa trẻ phải có một khối lượng từ vựng tương đối lớn (theo nghĩa là trẻ có thể hiểu những từ đó và biết sử dụng những từ đó trong bối cảnh giao tiếp phù hợp)

Cấu trúc câu: Đứa trẻ cũng cần học được những cấu trúc ngữ pháp câu nhất định để có thể xây dựng câu trên máy.

Ngoài ra, giáo viên, cha mẹ và cộng đồng cũng cần chuẩn bị rất nhiều để có thể bắt đầu cho trẻ sử dụng VOCA, ngoài hiểu biết về hệ thống hỗ trợ

giao tiếp này, các thành viên còn cần có nhiều kỹ năng để giúp trẻ sử dụng hệ thống một cách thành thạo và linh hoạt chuyên tiếp khi nhận thấy nó không phù hợp.

### **V. Hệ thống hỗ trợ giao tiếp bằng máy tính**

Hệ thống máy tính hỗ trợ viết tắt là CAI (Computer assist instruction) thông qua những hình ảnh, âm thanh hấp dẫn trên máy vi tính để dạy ngôn ngữ cho trẻ. Mặc dù nó không cung cấp cho trẻ những trải nghiệm giác - động như một cái sáo hay một cái trống nhưng bằng cách sử dụng những biểu tượng âm thanh và hình ảnh nó có thể kích thích hệ thống các giác quan của trẻ, trong đó tập trung chủ yếu vào thị giác và thính giác.

## **BÀI TẬP/ CÂU HỎI ÔN TẬP**

1. Trình bày phương pháp AAC và vận dụng trong giao tiếp và dạy trẻ tự kỉ giao tiếp.
2. Trình bày phương pháp giao tiếp bằng tranh ảnh và lợi ích của nó đối với trẻ tự kỉ.
3. Trình bày phương pháp giao tiếp bằng máy tính với trẻ tự kỉ.
4. Thực hành sử dụng PESC để dạy trẻ tự kỉ giao tiếp.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sự lĩnh hội và phát triển giao tiếp, ngôn ngữ và lời nói - Tài liệu chương trình hợp tác của: Khoa Giáo dục Đặc biệt, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và VSO Việt Nam).
2. Hull learning services. Supporting children with speech and language difficulties.
3. Đinh Hồng Thái (2006). Phương pháp phát triển lời nói cho trẻ mầm non. NXB ĐHSP, Hà Nội.
4. Vũ Thị Bích Hạnh, Đặng Thái Thu Hương (2004), Hướng dẫn thực hành âm ngữ trị liệu, NXB Y học, Hà Nội.
5. Nguyễn Thiện Giáp (chủ biên) (2001). *Dẫn luận ngôn ngữ học*. Tái bản lần thứ chín, Nxb GD.
6. Nguyễn Thị Hoàng Yến (2014). Nghiên cứu biện pháp can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập trẻ tự kỉ ở nước ta hiện nay và trong giai đoạn 2011 – 2020. Báo cáo tổng kết đề tài cấp Nhà nước, Mã số: ĐTĐL.2011-T/11.
7. Giao tiếp với trẻ em (1999), Tài liệu huấn luyện ngôn ngữ. Tổ chức hỗ trợ và phát triển CRS.
8. Hệ thống giao tiếp bằng trao đổi tranh (PECS). Tài liệu dịch (thuộc dự án nghiên cứu khoa học của khoa Giáo dục đặc biệt – ĐHSP Hà Nội).
9. Fred R. Volkmar, Rhea Paul, Ami Klin & Donald Cohen (2005), *HandBook of Autism and Pervasive Developmental Disorder* (Third ed. Vol. 1).
10. Sam Goldstein, Jack A. Naglieri, Sally Ozonoff (2009), *Assessment of autism spectrum disorder*, New York.

**PHỤ LỤC**  
**MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU**

**TRƯỜNG HỢP 1**

---

---

**THÔNG TIN CHUNG**

**Họ và tên trẻ** Lê Anh Cao  
**Ngày tháng năm sinh** 23 tháng 09 năm 2012  
**Ngày tháng năm đánh giá** 13 tháng 11 năm 2014  
**Tuổi thực** 2 tuổi 2 tháng (26 tháng)

**TIỀN SỬ PHÁT TRIỂN**

Anh Cao (Bin) là con trai thứ nhất trong gia đình, cháu có 1 em gái 3 tháng tuổi. Cháu thường được bà chăm sóc. Bin chưa đi học mầm non và chưa tham gia vào chương trình can thiệp sớm nào. Theo lời kể của bà, quá trình mang thai và sinh đẻ không có gì bất thường. Cháu được sinh ra bằng phương pháp mổ đẻ với cân nặng 3,6kg. Tại thời điểm sinh cháu hoàn toàn khỏe mạnh.

Từ khi sinh đến nay Bin có sự phát triển thể chất và vận động khá tốt. Cháu không có vấn đề gì về nghe, nhìn và đi lại. Tuy nhiên về ngôn ngữ, giao tiếp thì rất hạn chế. Theo bà cho biết thì cháu chưa nói được từ nào, ở nhà cháu chỉ phát ra các âm thanh khi chơi. Cháu cũng không chỉ tay để thể hiện nhu cầu, khi muốn gì cháu thường tự lấy hoặc cầm tay người lớn đưa về hướng đồ vật. Bà nội của cháu nhận xét rằng ở nhà cháu rất hiếu động, nếu mở cửa là cháu chạy luôn ra đường không quan tâm đến xe cộ đi lại. Cháu dễ nổi cáu nhưng cũng dễ xoa dịu. Cháu thích âm nhạc và có thể lắc lư người theo điệu nhạc.

## KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

### *\* Kết quả đánh giá bằng thang đánh giá phát triển Kyoto như sau:*

Kết quả đánh giá cho thấy, với tuổi thực là 26 tháng, Bin đạt được tuổi phát triển là 21 tháng, DQ = 81. Trong đó lĩnh vực Tư thế - vận động phát triển tương đương với trẻ 2 tuổi, DQ = 92 và nhận thức – thích ứng có tuổi phát triển là 23 tháng, DQ = 88. Lĩnh vực Ngôn ngữ - xã hội có sự trì trệ đáng kể, tuổi phát triển hiện tại tương đương với 10 tháng, DQ = 38.

Kết quả đánh giá bằng Kyoto cho thấy hiện tại sự phát triển của cháu đang trong vùng ranh giới, trong đó các lĩnh vực như Vận động và nhận thức nằm trong phạm vi trung bình; còn lĩnh vực ngôn ngữ - xã hội rơi vào vùng chậm phát triển mức nặng.

- **Lĩnh vực Tư thế - vận động:** phát triển ở mức trung bình, tuổi phát triển hiện tại là 24 tháng, thấp hơn tuổi thực 2 tháng.

Bin đi lại độc lập, chạy nhảy và leo trèo dễ dàng. Cháu có thể đi lên xuống cầu thang khi vịn tay hoặc có người lớn dắt, có thể nhảy chụm 2 chân.

- **Lĩnh vực nhận thức - thích ứng:** phát triển ở mức trung bình, tuổi phát triển hiện tại là 23 tháng, thấp hơn 3 tháng so với tuổi thực tế.

Bin thực hiện đạt yêu cầu các nhiệm vụ trong giai đoạn 21 – 24 tháng và 18-21 tháng.

Cháu không hoàn thành các nội dung trong giai đoạn 24-27 tháng.

Cháu có thể xếp tháp bằng 5,6 khối, tìm đồ vật bị giấu đi, biết xoay đầu nhọn của bút chì để vẽ, dự đoán được hướng chuyển động của đồ vật, xếp lồng 3 cái cốc, cho miếng vuông vào hộp trước khi làm mẫu, phân



biệt được các hình dạng đơn giản. Cháu lắp được tất cả các hình vào bảng đúng vị trí ngay cả khi xoay ngược vị trí của bảng.

Qua đánh giá cho thấy hiện tại Bin đã tích lũy được năng lực nhận thức ở giai đoạn 18 -24 tháng. Chúng tôi cho rằng khả năng thực hiện của cháu bị ảnh hưởng bởi sự hạn chế về ngôn ngữ - giao tiếp và khả năng tập trung chú ý.

- **Lĩnh vực ngôn ngữ - xã hội:** bị trì hoãn nghiêm trọng, tuổi phát triển hiện tại tương đương với 10 tháng.

Trong khi kiểm tra cháu không nói được các từ đơn, cháu thường phát ra các âm như „aa“, u u“, trong miệng. Cháu cũng chưa biết chỉ tay để thể hiện nhu cầu, hoặc chỉ tay để trả lời câu hỏi „ở đâu“, ví dụ „mũi của con đâu?“ hoặc „con chó đâu?“ .

Cháu thích chơi một mình, không chơi đùa với người kiểm tra hoặc với bà. Cháu dường như không để tâm đến lời yêu cầu hoặc hướng dẫn của người lớn, không đáp ứng với yêu cầu đơn giản như đưa đồ vật, không thực hiện những tương tác xã hội đơn giản như Cho và Nhận. Cháu thường tăng lờ khi được gọi tên. Khi ra về cháu biết vẫy tay bai bai khi bà nhắc nhở.

\* **Quan sát:** Trong suốt buổi kiểm tra, Bin hiếm khi ngồi yên trên ghế được vài phút. Cháu thường ra khỏi chỗ ngồi và đi lại quanh phòng, lấy các đồ chơi để trên giá hoặc trong hộp, mở cửa tủ. Cháu không tập trung vào lời yêu cầu hoặc nhiệm vụ.

Khi đưa cho cháu một đồ chơi nào đó cháu làm rất nhanh rồi bỏ đi, không kiên trì theo đuổi nhiệm vụ, khi không làm được cháu thường bỏ đi hoặc gạt đồ chơi đi. Cháu thường xuyên bỏ dở nhiệm vụ khi có một kích thích khác như tiếng động hoặc nhìn thấy đồ vật khác.

Đôi khi cháu bắt chước hành động của người kiểm tra như lắc chuông, vẽ nguệch ngoạc. Nhưng nhìn chung cháu không chú ý đến người khác mà chỉ quan tâm tới đồ vật.

## **TRƯỜNG HỢP 2**

---

### **THÔNG TIN CHUNG**

**Họ và tên trẻ** Lưu Anh Minh  
**Ngày tháng năm sinh** 22 tháng 07 năm 2010  
**Ngày tháng năm đánh giá** 18 tháng 09 năm 2014  
**Tuổi thực** 4 tuổi 2 tháng (50 tháng)

### **TIỀN SỬ PHÁT TRIỂN**

Anh Minh là một bé trai 4 tuổi 2 tháng, là con cả trong gia đình, đang sống cùng bố mẹ và em bé 6 tháng tại Thái Bình. Cháu học ở trường mầm non 1 năm và chưa từng tham gia can thiệp sớm.

Theo lời kể của mẹ, quá trình mang thai không có gì bất thường. Tuy nhiên, do thời gian mang thai mẹ vất vả (làm nhà) nên cháu được sinh ra khi được 8 tháng 10 ngày với cân nặng là 2,8kg. Khi mới sinh ra cháu bị vàng da, phải ở lại bệnh viện điều trị.

Quá trình phát triển từ khi sinh đến nay của Minh:

- Cháu không có khó khăn về nhìn hoặc nghe.
- Cháu bị viêm họng, dị ứng, thoát vị bẹn trái
- Cháu khó khăn trong ăn uống, khó thay đổi thức ăn
- Cháu khó đi vào giấc ngủ, đêm ngủ hay thức giấc.

- Cháu chưa có một số kỹ năng như tự ăn, uống, mặc quần áo, đi vệ sinh, không lắng nghe người khác kể hoặc đọc truyện, không nói chuyện với bạn đồng trang lứa.

- Dưới 1 tuổi: cháu có một số vấn đề về sinh hoạt và xã hội như phản ứng nhạy cảm với âm thanh phát ra đột ngột; khi được bế, ưỡn người ra và có cảm giác khó ôm; trong thời gian ngủ trẻ hay tỉnh giấc; không giao tiếp mắt ngay cả khi được bế.

- Trên 1 tuổi: cháu có một số khó khăn về xã hội và hành vi như hay chơi một mình, dễ nổi cáu và kêu khóc với những điều nhỏ nhặt, phát ra những âm thanh lạ, hay làm những việc bị cấm, dễ phân tán chú ý, không biết chờ đến lượt, không ngồi im được một chỗ, không hoàn thành được một việc hay chuyển từ việc này sang việc khác, khó khăn trong việc chấp nhận thay đổi thói quen, khó khăn trong giao tiếp với người khác.

18 tháng: biết đi, 2 tuổi biết đi vững. Hơn 2 tuổi biết nói từ đầu tiên như bố, bà, mẹ...

2 tuổi cha mẹ phát hiện ra những bất thường của cháu. 4 tuổi cháu được kiểm tra ở Viện Nhi trung ương và được kết luận là có rối loạn phát triển và tăng động giảm chú ý.

## KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

**\* Kết quả đánh giá bằng thang đánh giá phát triển Kyoto như sau:**

Với tuổi thực là 4 tuổi 2 tháng, Anh Minh đạt được tuổi phát triển là 2 tuổi 10 tháng. Trong đó lĩnh vực tư thế - vận động phát triển như trẻ 3 tuổi 10 tháng, lĩnh vực nhận thức – thích ứng phát triển tương đương với 2 tuổi 11 tháng, lĩnh vực ngôn ngữ - xã hội tương đương với 2 tuổi 9 tháng.

Chỉ số phát triển cho thấy hiện tại mức độ phát triển của cháu đang nằm trong vùng chậm phát triển. Các lĩnh vực nhận thức và ngôn ngữ đều trong vùng chậm phát triển.

- **Lĩnh vực Tư thế - vận động:** phát triển trong giới hạn bình thường, mặc dù hiện tại tuổi phát triển của cháu còn thấp hơn tuổi thực 4 tháng.

Vận động thô: cháu có khả năng giữ thăng bằng và điều khiển vận động như trẻ gần 4 tuổi (nhảy lò cò được 2,3 bước).

Vận động tinh: phát triển không tốt bằng vận động thô. Cháu không thể giữ các khối đúng vị trí khi xếp cái công, do khả năng điều khiển bàn tay và ngón tay còn vụng về.

- **Lĩnh vực nhận thức - thích ứng:** trong vùng chậm phát triển, tuổi phát triển hiện tại như trẻ gần 3 tuổi.

Hiện tại tuổi thực của cháu là 4 tuổi 2 tháng nhưng cháu không hoàn thành được các nội dung trong giai đoạn 3 – 4 tuổi.

Cháu hoàn thành được các nội dung trong giai đoạn: 2 tuổi 3 tháng – 2 tuổi 6 tháng. Cháu thực hiện được 3/5 nội dung trong giai đoạn 2 tuổi 6 tháng – 3 tuổi.

- Cháu xếp được xe tải (+).
- Cháu phân biệt được hình dạng 8/10 hình (+)
- Gấp giấy I (+)
- Cháu xếp được lồng 5 cái cốc vào nhau (+)
- Xếp được ngôi nhà (+)
- Vẽ chữ thập sau mẫu (+)

- Vẽ hình tròn (+)

Cháu không làm được các nhiệm vụ dành cho trẻ 4 tuổi như: xếp cái công, gấp giấy II, III, so sánh trọng lượng, vẽ hình vuông, hoàn thành hình người với 3 bộ phận.

\* Kết quả kiểm tra cho thấy hiện tại mức độ phát triển nhận thức của Anh Minh tương đương với giai đoạn 2 tuổi rưỡi – 3 tuổi. Cháu bắt đầu nhận thức được mối quan hệ giữa 2 sự vật và thực hiện thao tác tư duy theo kiểu „sau khi làm... thì làm“.

- **Lĩnh vực ngôn ngữ - xã hội:** phát triển dưới mức trung bình, hiện tại sự phát triển ngôn ngữ - xã hội của cháu tương đương 33 tháng

Cháu có thể so sánh to – nhỏ, nhắc lại 4, 5 chữ số, nhắc được câu văn ngắn 4-5 chữ, nói tên các bức tranh và nhận ra ý nghĩa tranh đơn giản; nói được tên, tuổi của mình, đếm 5 đồ vật, đếm vệt đến 10, gọi tên 4 màu. Điểm mạnh của cháu là khả năng nhớ và nhắc lại ngôn ngữ. Cháu có khả năng nhắc lại tốt hơn khả năng tự thể hiện hoặc lí giải bằng ngôn ngữ.

\* **Hành vi:**

Anh Minh là một em bé khỏe mạnh, lanh lợi và năng động. Cháu thích đọc thơ, hát, học thơ, học hát nhanh. Cháu có thể hát được bài hát dài (Em đứng giữa giảng đường hôm nay). Cháu thường ra khỏi chỗ, lấy các đồ chơi trong phòng mà không hỏi. Cháu không phản ứng khi được gọi tên, không chú ý đến lời hướng dẫn, yêu cầu. Minh thích chơi thổi bong bóng. Khi muốn đi vệ sinh biết báo mẹ.

Lời nói của cháu thường khó nghe, mất âm đầu, ví dụ „xấu“ thành „ấu“ hoặc „thâm thì“ thành „âm ì“. Cháu bắt chước nói bậy rồi tự nói „nói thể là ấu“.

## TRƯỜNG HỢP 3

### THÔNG TIN CHUNG

<b>Họ và tên trẻ</b>	Nguyễn Anh Khoa
<b>Ngày tháng năm sinh</b>	25 tháng 09 năm 2011
<b>Ngày tháng năm đánh giá</b>	28 tháng 10 năm 2014
<b>Tuổi thực</b>	3 tuổi 1 tháng (37 tháng)

### TIỀN SỬ PHÁT TRIỂN

Anh Khoa là con trai đầu lòng trong gia đình, được bố mẹ đưa đến trung tâm đánh giá vì có rối loạn phổ tự kỉ. Cháu đang học mầm non bình thường và chưa từng được can thiệp ở đâu.

Theo lời kể của mẹ, quá trình mang thai và sinh nở không có gì bất thường. Khi sinh ra cháu hoàn toàn khỏe mạnh.

Quá trình từ khi sinh đến nay: cháu phát triển vận động bình thường nhưng chậm phát triển về ngôn ngữ. Cháu chưa có các kĩ năng như rửa tay, đi giày dép, mặc quần áo, đi vệ sinh, chơi với em bé khác, nói chuyện với bạn hoặc khách đến nhà, không thể hiện được suy nghĩ hay nhu cầu của mình một cách dễ dàng. Cháu tỏ ra quá hiếu động, thích chơi một mình.

Lúc cháu 20 tháng, bố mẹ đã lo lắng về sự phát triển của cháu. Do cháu chưa biết nói nên gia đình đã đưa cháu đến kiểm tra ở Viện Nhi, cháu được kết luận là có rối loạn phổ tự kỉ và tăng động.

### KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

*\* Kết quả đánh giá bằng thang đánh giá phát triển Kyoto như sau:*

Anh Khoa với tuổi thực là 37 tháng đạt được tuổi phát triển là 22 tháng, DQ = 59. Trong đó lĩnh vực Tư thế - vận động phát triển tương đương với tuổi thực; lĩnh vực Nhận thức – thích ứng: DA = 25 tháng, DQ = 67.5; lĩnh vực Ngôn ngữ - xã hội: DA = 9 tháng, DQ = 24.

Kết quả đánh giá bằng Kyoto cho thấy hiện tại sự phát triển của cháu đang trong vùng chậm phát triển, trong đó lĩnh vực Tư thế - vận động phát triển bình thường, các lĩnh vực nhận thức và ngôn ngữ - xã hội đều thấp dưới mức trung bình một cách đáng kể. Đặc biệt, lĩnh vực ngôn ngữ - xã hội bị trì hoãn nghiêm trọng.

### **Cụ thể:**

**- Lĩnh vực Tư thế - vận động:** trong vùng phát triển bình thường

Khoa đi lại độc lập, nhảy chụm 2 chân tiên lên trước, đi lên xuống cầu thang luân phiên 2 chân. Kỹ năng vận động hiện tại của cháu tương đương với trẻ 3 tuổi.

**- Lĩnh vực nhận thức - thích ứng:** phát triển dưới mức trung bình, tuổi phát triển hiện tại như trẻ 2 tuổi 1 tháng, chậm hơn 12 tháng so với tuổi thực tế.

Mặc dù hiện tại tuổi thực của cháu là 37 tháng nhưng các nhiệm vụ ở giai đoạn 2 tuổi 6 tháng – 3 tuổi cháu không thực hiện đạt yêu cầu vì vậy chúng tôi đã tiến hành kiểm tra cháu ở những giai đoạn thấp hơn: 27 – 30 tháng, 24-27 tháng và 21- 24 tháng.

Cháu hoàn thành các nhiệm vụ trong giai đoạn 21 – 24 tháng và một số nhiệm vụ ở giai đoạn 24-27 tháng, 27-30 tháng.

Cháu biết xoay đầu nhọn của bút chì để vẽ, bắt chước vẽ đường ngang và thẳng đứng, dự đoán được hướng chuyển động của đồ vật, chia đều các khối gỗ vào 2 cái bát, cho miếng vuông vào hộp trước khi được làm mẫu, phân biệt được cả 5 hình trong bảng, xếp lồng 5 cái cốc vào nhau.

Cháu chưa thực hiện được một số nội dung trong giai đoạn 2- 3 tuổi như vẽ hình tròn, hình chữ thập, mô phỏng xếp hình xe tải, ngôi nhà,...

Qua đánh giá cho thấy khả năng nhận thức hiện tại của cháu tương đương với trẻ 2 tuổi. Cháu đã có khả năng nhận thức mối quan hệ giữa 2 đối tượng, hiểu hoạt động theo kiểu „không phải làm thế này mà làm như thế kia“. Tuy nhiên khả năng phân biệt mình với người khác, của mình và của người khác còn hạn chế.

- **Lĩnh vực ngôn ngữ - xã hội:** bị trì hoãn nghiêm trọng, tuổi phát triển hiện tại tương đương với trẻ dưới 1 tuổi.

Cháu chưa có các kỹ năng tương tác xã hội đơn giản như Cho – xin, cùng chú ý, chơi đùa với người khác. Cháu có thể bắt chước hành động và âm thanh. Ví dụ khi cô xếp xe tải, đẩy đi và miệng nói „bíp bíp“, cháu bắt chước đẩy xe và phát âm.

**\* Quan sát hành vi:**

Trong suốt buổi kiểm tra, Khoa ít khi ngồi yên một chỗ, kể cả khi bố cháu giúp cháu ngồi vào ghế. Cháu không tập trung vào lời yêu cầu hoặc nhiệm vụ. Cháu thích chơi một mình, không hiểu yêu cầu, không làm theo yêu cầu. Cháu quan tâm tới đồ vật hơn là người.

Cháu thường lặp đi lặp lại một hành động hoặc trò chơi ví dụ: cháu thường xoay bánh xe, đẩy xe ô tô qua lại.



Khoa luôn cầm đồ vật ở trong tay, thỉnh thoảng phát âm lặp lại „a pa chì“. Khi cô chia tay ra nói „cho cô xin“ thì cháu đập vào tay cô.

Thỉnh thoảng cháu chạy đi, chạy lại quanh phòng, lắc bút trong tay hoặc xoay tròn người. Khi cô làm mẫu xếp chồng các khối gỗ lên nhau và bảo cháu xếp thì cháu lấy tay gạt đổ và gạt các khối gỗ xuống đất rất mạnh.

#### **TRƯỜNG HỢP 4.**

##### **THÔNG TIN CHUNG**

**Họ và tên trẻ** Lê Bảo Long  
**Ngày tháng năm sinh** 29 tháng 06 năm 2012  
**Ngày tháng năm đánh giá** 12 tháng 12 năm 2014  
**Tuổi thực** 2 tuổi 6 tháng (30 tháng)

##### **TIỀN SỬ PHÁT TRIỂN**

Bảo Long là một bé trai 2 tuổi rưỡi đến từ Tuyên Quang. Cháu được bố mẹ đưa đến trung tâm để đánh giá vì có biểu hiện chậm phát triển. Long là con trai thứ 2 trong gia đình có 2 người con.

Theo lời kể của mẹ quá trình mang thai và sinh nở diễn ra bình thường. Cháu được sinh ra khỏe mạnh.

Quá trình phát triển từ khi sinh đến nay không có gì đặc biệt. Cháu phát triển thể chất bình thường nhưng ngôn ngữ chậm phát triển. Hiện nay cháu chưa nói được từ đơn. Cháu thường chơi một mình và xem ti vi nhiều.

##### **KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ**

Với thang kiểm tra Kyoto, Bảo Long có tuổi thực là 30 tháng đạt được tuổi phát triển là 22 tháng. Mức độ phát triển hiện tại của cháu đang rơi vào vùng chậm phát triển mức nhẹ. Trong đó lĩnh vực vận động phát triển bình thường, lĩnh vực nhận thức nằm trong vùng ranh giới còn lĩnh vực ngôn ngữ xã hội bị trì hoãn nặng nề. Tuy nhiên cháu có một số biểu hiện tích cực như

bắt chước phát âm, liên hệ mắt và có kỹ năng cho – nhận, luân phiên, chơi tương tác.

Cụ thể khả năng của cháu ở các lĩnh vực như sau:

\* **Lĩnh vực Tư thế - vận động:** trong giới hạn bình thường, tuổi phát triển hiện tại tương đương với trẻ 28 tháng, thấp hơn 2 tháng so với tuổi thực.

Vận động thô: Cháu đi lại độc lập, vững vàng. Có thể nhảy xuống từ trên ghế xuống đất với 2 chân tiếp đất cùng lúc.

Vận động tinh: cầm bút vẽ nguệch ngoạc và cầm được các đồ vật nhỏ bằng đầu ngón tay.

\* **Lĩnh vực Nhận thức – thích ứng:** nằm trong vùng ranh giới, tuổi phát triển hiện tại tương đương 24 tháng, thấp hơn 6 tháng so với tuổi thực

Hiện nay tuổi thực của cháu là 2 tuổi 6 tháng (30 tháng) nhưng cháu không thực hiện được các nhiệm vụ trong giai đoạn 2 tuổi 6 tháng – 3 tuổi nên chúng tôi tiến hành kiểm tra cháu ở các giai đoạn thấp hơn: 27-30 tháng, 24-27 tháng và 21-24 tháng.

Bảo Long thực hiện đạt yêu cầu ở hầu hết các nội dung kiểm tra ở giai đoạn 21 – 24 tháng, đạt 1/3 nội dung trong giai đoạn 24-27 tháng và 1/5 nội dung trong giai đoạn 27-30 tháng.

- Cháu xếp được tháp với 8 khối gỗ: Bảo Long cầm và xếp các khối bằng tay trái, khi xếp cháu tỏ ra rất chăm chú và biết điều chỉnh chồng khối gỗ cho thẳng. Cháu có thể chuyển khối gỗ từ tay trái sang tay phải.

- Với bảng ghép hình và các hình tròn, vuông, tam giác cháu xếp đúng các hình vào bảng không cần làm mẫu. Khi làm xong mà được khen thì Bảo Long cười và vỗ tay.

- Với nội dung phân biệt hình: Long ghép được tất cả 5 hình vào các hình tương ứng trên bảng.

- Nội dung xếp lồng 5 cái cốc: Long thực hiện đạt yêu cầu.

Long chưa thực hiện được một số nội dung trong giai đoạn 2-2 tuổi rưỡi: cho miếng vuông vào hộp trước làm mẫu, ghi nhớ các hình trong bảng, mô phỏng xếp xe tải, xếp nhà, phân biệt hình dạng II, gấp giấy, mô phỏng đường ngang, dọc, hình tròn.

Như vậy, với những gì cháu thực hiện trong buổi đánh giá, chúng tôi nhận thấy mức độ về phát triển nhận thức – thích ứng của cháu hiện nay tương đương với 2 tuổi. Cháu có năng lực nhận thức thế giới 1 chiều và có khả năng tư duy nghịch đảo trong thế giới 1 chiều nhưng chưa có khả năng nhận thức thế giới 2 chiều. Vì vậy, cha mẹ và giáo viên nên lưu ý để đưa ra các hoạt động phù hợp và phát triển các kỹ năng nhận thức cho cháu.

\* **Lĩnh vực ngôn ngữ - xã hội:** kém phát triển, tương đương với trẻ 11 tháng

Long không sử dụng ngôn ngữ nói hoặc cử chỉ để giao tiếp. Tuy nhiên thỉnh thoảng cháu bắt chước nói „này“ hoặc „một, hai, ba“ khi chơi với người kiểm tra. Cháu có khả năng tương tác mắt – mắt: thỉnh thoảng cháu nép sau lưng mẹ rồi nhìn người kiểm tra cười, khi chơi đẩy xe qua lại cháu nhìn người kiểm tra để chờ cô đẩy xe qua.

Long biết làm theo hướng dẫn đơn giản như „nhặt lên“, „đưa cho cô“, „lại đây“...

Cháu có khả năng bắt chước hành động đơn giản như vỗ tay, giơ tay lên, lắc chuông...

Cháu thỉnh thoảng quay lại nhìn khi được gọi tên nhưng khi mãi chơi thì cháu không quay lại.

Cháu chưa có kỹ năng sử dụng cử chỉ như chỉ tay để thể hiện nhu cầu.

Khi ra về cháu biết vẫy tay tạm biệt khi được nhắc nhở.

\* Như vậy, lĩnh vực ngôn ngữ - xã hội của Bảo Long có sự chậm trễ đáng kể. Song điều đáng mừng là hiện tại cháu có một số kỹ năng ngôn ngữ và xã hội đơn giản như hiểu và làm theo hướng dẫn đơn giản, bắt chước phát âm, tương tác mắt, đưa vật khi được yêu cầu và nhận vật từ người khác... Cha mẹ và giáo viên có thể mở rộng và phát triển các kỹ năng này đồng thời phát triển lời nói cho bé.

**Quan sát:** Bảo Long là một bé trai khỏe mạnh, đáng yêu. Nhìn chung, cháu tỏ ra hợp tác trong buổi kiểm tra ngoại trừ thời gian đầu cháu chưa quen nên tỏ ra lo lắng và không hợp tác.

Cháu thích ô tô đồ chơi nên thường cầm nó trên tay kể cả khi chơi các trò chơi khác mà người kiểm tra đưa ra. Khi cháu chơi với ô tô cháu thường không chú ý đến lời yêu cầu hoặc lời gọi của cô hoặc mẹ.

Cháu thỉnh thoảng tự chỉ vào tranh nhưng khi hỏi (vd, con chó đâu) thì cháu không chỉ. Cháu cũng chỉ tay lần lượt vào từng khối như đếm nhưng không phát ra âm, đôi khi cháu chỉ phát ra từ „hai“.

Khi chơi lăn bóng qua lại với người kiểm tra cháu tỏ ra thích thú, nhìn cô và chờ đợi cô lăn qua rồi lăn lại cho cô. Khi cô đếm „1 2“ cháu bắt chước khuôn miệng nhưng không phát ra âm. Khi cô đếm đến 2 rồi dừng thì cháu nói „ba“ để cô lăn bóng cho.

## TRƯỜNG HỢP 5

### THÔNG TIN CHUNG

**Họ và tên trẻ** Kiều Bảo Châu  
**Ngày tháng năm sinh** 03 tháng 01 năm 2010  
**Ngày tháng năm đánh giá** 18 tháng 02 năm 2014  
**Tuổi thực** 4 tuổi 1 tháng (49 tháng)

### TIỀN SỬ PHÁT TRIỂN

Bảo Châu là một bé gái 4 tuổi, được mẹ đưa đến đánh giá vì có rối loạn tự kỉ. Bé là con gái đầu lòng và hiện tại chưa có em. Cháu đang học tại trường mầm non bình thường và tham gia chương trình can thiệp cá nhân tại trung tâm và tại nhà. Cháu đi học cách đây 1 năm.

Theo lời kể của mẹ, quá trình mang thai và sinh nở bình thường. Cháu được sinh ra khỏe mạnh với cân nặng 3,4kg. Từ khi sinh đến nay cháu không có vấn đề gì về nghe, nhìn nhưng thường để đồ chơi gần sát mắt và mắt thường nhìn xéo.

Cháu có khả năng vận động bình thường như những trẻ khác cùng tuổi. Cháu chậm nói và nói kém. Hiện tại cháu chỉ nói được vài từ và phát âm ngọng.

Cháu có thể tự xúc ăn, rửa tay, đi giày dép, mặc quần áo, chơi với em bé khác và làm theo hướng dẫn đơn giản. Tuy nhiên cháu khó khăn khi thể hiện được suy nghĩ hoặc nhu cầu của mình cũng như hiểu người khác.

Về ăn, ngủ, tiêu hóa: cháu không ăn một số loại thức ăn như cá, cua; rất khó ngủ buổi trưa; hay bị táo bón.

Sở thích của cháu là cắt dán hoa, xếp hình, nghe nhạc thiếu nhi vui nhộn.

Hành vi: thường cử động ngón tay, giơ ngón tay trước mặt, xoay người, vòn tròn, nói nhảm, ít giao tiếp mắt, kém tập trung.

Khi cháu 15 tháng tuổi bố mẹ phát hiện những dấu hiệu bất thường của cháu. 2 tuổi cháu được kiểm tra ở Viện Nhi và được chẩn đoán là có dấu hiệu tự kỉ, tăng động, giảm tập trung.

Ngoài ra cháu có hạn chế về kĩ năng chơi và hoạt động nhóm.

## KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Với tuổi thực là 49 tháng, Bảo Châu đạt được tuổi phát triển là 31 tháng. Trong đó, lĩnh vực Tư thế - vận động tương đương với trẻ 3 tuổi 1 tháng, Nhận thức thích ứng như trẻ 3 tuổi, Ngôn ngữ xã hội như trẻ 2 tuổi 3 tháng.

Chỉ số phát triển cho thấy hiện tại cháu đang rơi vào vùng chậm phát triển nhẹ. Cụ thể là:

**Lĩnh vực Vận động:** phát triển tương đương với 3 tuổi 1 tháng

Cháu có thể đi lại độc lập, lên xuống cầu thang bằng cách thay đổi chân. Cháu có thể bắt chước cô nhảy lò cò nhưng chưa thực hiện được đúng.

\* **Lĩnh vực Nhận thức – thích ứng:** phát triển tương đương với 3 tuổi

Cháu hoàn thành các nội dung trong giai đoạn 2 tuổi 6 tháng – 3 tuổi nhưng không thực hiện được các nội dung trong giai đoạn 3 – 4 tuổi.

Bảo Châu biết ghép hình chữ nhật sau mẫu, xếp ngôi nhà, gấp giấy II, vẽ chữ thập sau mẫu, vẽ hình tròn. Cháu bắt chước xếp được một nửa cái cổng sau khi nhìn mẫu. Cháu có thể quan sát và làm theo cô gấp giấy nhưng không gấp tờ giấy được 3 lần.

Khi yêu cầu cháu vẽ một hình người, cháu biết vẽ đầu với mắt, mũi, miệng, cổ, chân, tay nhưng các chi tiết này chưa rõ ràng và chưa được liên kết với nhau theo logic.

Qua kiểm tra cho thấy cháu có khả năng hiểu và thực hiện hành động trong không gian 2 chiều đơn giản.

\* **Lĩnh vực ngôn ngữ - xã hội:** phát triển tương đương với 2 tuổi 3 tháng

Bảo Châu có thể nhắc được 2 số, nói tên bức tranh quen thuộc và chỉ được biểu hiện tình cảm đơn giản như khóc – cười, so sánh được to – nhỏ.

Cháu chưa chỉ được ý nghĩa tranh, chưa nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, chưa phân biệt được các màu sắc cơ bản.

\* **Quan sát:** Bảo Châu là một em bé có vóc dáng nhỏ nhắn, nhanh nhẹn. Trong buổi đánh giá, cháu thường thích chơi một mình. Thỉnh thoảng cháu kéo tay người kiểm tra để xếp cùng hoặc vẽ cho cháu hình vuông. Cháu hay rời khỏi ghế nhưng khi gọi tên và nhắc nhở cháu ngồi vào chỗ thì cháu cũng làm theo.

Châu có những hành vi rập khuôn như xòe tay và ngo nguậy các ngón tay, miệng phát ra các âm không có nghĩa, thích lặp lại một hành động.

## PHỤ LỤC 2. MỘT SỐ CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG GIAO TIẾP, NGÔN NGỮ

### BẢNG ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG GIAO TIẾP SỚM

(+) trẻ làm được; (-) trẻ không bao giờ làm; (/) thỉnh thoảng làm được; (?) không rõ

Các kĩ năng GT sớm	Gđ1	Gđ2	Gđ3	Gđ4	Gđ5
Tập trung	- Trẻ quay lại để đáp ứng âm thanh - Nhìn vào những vật có màu sắc - Nhìn mẹ	- Nhìn vào đồ vật trong một thời gian ngắn - nhận biết được âm thanh - Dễ phân tán	- Chia sẻ sự tập trung với người lớn - Nhìn và lắng nghe người khác nói chuyện	- Nhìn lâu hơn và đợi một dấu hiệu - Hiểu tính chất nhân – quả	- Tập trung vào sự chỉ dẫn của người lớn - Làm việc trong nhóm - Tập trung vào một nhiệm vụ và có thể lắng nghe được những hướng dẫn
Bất chước và lần lượt	- Cười và chuyển động khi	Làm lần lượt trong các hoạt	Làm lần lượt sử dụng đồ vật	Bất chước những từ trẻ nghe	Chơi các trò chơi có luật. Chơi lần lượt

	<p>nói chuyện</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quay về phía có tiếng động</li> <li>- Biểu lộ tình cảm</li> <li>- Đáp ứng</li> <li>- Cha mẹ đợi trẻ phản hồi</li> </ul>	<p>động và người bắt đầu là trẻ.</p> <p>Nhắc lại những âm thanh của người khác</p> <p>Chuyển động và yêu cầu “nữa” khi người lớn dừng chơi</p>	<p>Lặp lại hành động của người lớn</p> <p>Đầu tiên nghe người lớn giới thiệu về trò chơi</p> <p>Bắt chước từ Lần lượt trong hội thoại, sử dụng những từ đơn giản</p>	<p>thấy.</p> <p>Khởi đầu hội thoại để người lớn đáp ứng</p>	<p>trong nhóm</p> <p>Lần lượt trong hội thoại</p> <p>Thêm thông tin/ từ mới</p>
Chơi	<p>Hầu hết là sử dụng tay và mắt + tiếp xúc bằng mắt</p> <p>Với đồ vật</p> <p>Trẻ cử động để đáp ứng.</p> <p>Thích thú với những trò chơi có tính xã hội, vận động cơ thể</p>	<p>Cho và nhận đồ vật.</p> <p>Thích đập tay mình vào tay người khác</p> <p>Với, lắc, đập, khám phá đồ vật.</p> <p>Nhìn khi đồ vật biến mất</p> <p>Đứng + dùng đưa</p>	<p>Thích các trò chơi lặp lại</p> <p>Đẩy, làm rơi, ném đồ vật</p> <p>chơi với 2 đồ vật. Chơi giả vờ đơn giản.</p> <p>kéo đồ chơi</p>	<p>Bắt chước người lớn làm việc nhà.</p> <p>Chơi với các trẻ khác.</p> <p>Xếp mô hình, vẽ...</p> <p>Đá, ném bong</p>	<p>Chơi các trò chơi có luật.</p> <p>Tham gia chơi nhóm.</p> <p>Làm tốt một số hoạt động như: xếp hình, nhảy cò, cầm được quả bóng to.</p> <p>Dùng các câu chuyện từ đồ chơi</p> <p>Giả vờ mặc quần áo cho búp bê</p>
Cử chỉ và tranh ảnh	<p>Biết khóc, thể hiện nét mặt.</p> <p>Với, dùng</p>	<p>Giơ tay khi muốn được bế</p> <p>Nhìn vật</p>	<p>Nhắc lại các hoạt động, cử chỉ.</p> <p>Yêu cầu đồ</p>	<p>Sử dụng cử chỉ để có cái trẻ muốn</p>	<p>Vẽ tranh.</p> <p>Có thể sử dụng cử chỉ/ tranh để truyền đạt thông</p>



	<p>mắt để thể hiện sự vui thích. Vận động theo phản xạ</p>	<p>mà trẻ muốn Chỉ theo vật.</p>	<p>vật bằng cách nhìn vào vật, người lớn rời nhìn vào vật Nhận biết được các bức tranh Vẫy tay tạm biệt, cảm ơn, xin và từ chối</p>	<p>Có thể học dấu hiệu cho các đồ vật và hành động Hiểu tranh và chỉ vào tranh được nêu tên</p>	<p>tin. Giao tiếp sử dụng những dấu mà trẻ đã học hoặc tranh ở trên bảng. đặt một vài dấu hiệu hoặc tranh cùng nhau để có thể làm thành câu</p>
<p>Kĩ năng xã hội và sử dụng ngôn ngữ</p>	<p>Đáp ứng với người lớn bằng cách nhìn mặt và quay theo tiếng động</p>	<p>Muốn và thu hút sự chú ý Cần yêu cầu nhắc lại trò chơi xã hội, yêu cầu vật và thức ăn. Khám phá môi trường, hoạt động thể hiện cảm giác</p>	<p>Giao tiếp có lí do Khởi đầu giao tiếp. Chào, yêu cầu vật, hành động, gọi tên vật. Hỏi các câu hỏi đơn giản: cái gì?</p>	<p>Nhận 2 – 3 lượt trong hội thoại đưa ra cho người lớn các thông tin, trả lời câu hỏi về cái trẻ nhìn thấy. Lôi cuốn mọi người cùng chơi nhưng vẫn thích đối thoại 1 – 1 Dùng ngôn ngữ để mô tả và lập kế hoạch việc xảy ra tiếp theo</p>	<p>Có thể sử dụng giao tiếp cho tất cả các lí do. Hỏi các câu hỏi tại sao để hỏi thêm. Bình luận, kể về những điều trẻ không nhìn thấy, những sự kiện trong quá khứ và tương lai. Giải quyết được sự hiểu lầm.</p>

## LƯỢC ĐỒ SHANE

Mức độ	Vô âm	Hữu âm
<i>Mức độ phi biểu tượng Phi ngôn ngữ</i>	<input type="checkbox"/> Cử động của chân tay <input type="checkbox"/> Tư thế đầu và người <input type="checkbox"/> Nhìn <input type="checkbox"/> Nét mặt <input type="checkbox"/> Ăn mặc <input type="checkbox"/> Cầm nắm/sờ đồ vật ....	<input type="checkbox"/> Khóc <input type="checkbox"/> Cười <input type="checkbox"/> Rên rĩ <input type="checkbox"/> Thở dài <input type="checkbox"/> Lâu bầu <input type="checkbox"/> Gào thét <input type="checkbox"/> Cầu nhàu
<i>Mức độ tiền biểu tượng Tiền ngôn ngữ</i>	<input type="checkbox"/> Cử chỉ/ ký hiệu <input type="checkbox"/> Chỉ, cầm nắm/sờ đồ vật <input type="checkbox"/> Ảnh <input type="checkbox"/> Hình vẽ <input type="checkbox"/> Tranh biểu tượng ....	<input type="checkbox"/> Bất chước các âm: mmm, brr... <input type="checkbox"/> Các âm có chức năng: gây chú ý, biểu hiện sự không thích <input type="checkbox"/>
<i>Mức độ biểu tượng Ngôn ngữ</i>	<input type="checkbox"/> Ngôn ngữ ký hiệu <input type="checkbox"/> Chữ cái ngón tay <input type="checkbox"/> Chữ viết <input type="checkbox"/> Chữ cái <input type="checkbox"/> Tranh biểu tượng ....	<input type="checkbox"/> Nói <input type="checkbox"/> Đọc <input type="checkbox"/> Hát <input type="checkbox"/> .

*R. Verpoorten 1982, điều chỉnh mô hình Shane 1980*

**BẢNG 3. Đánh giá các kỹ năng ngôn ngữ**

Tên.....

Ngày.....

2: Có thể làm được

1: Thỉnh thoảng có thể làm được

0: Không thể làm được

Mức độ hiểu ngôn ngữ		Diễn đạt ngôn ngữ	
1. Hiểu ngữ cảnh		1. Phát ra những âm thanh ban đầu	
2. Hiểu tên người. Theo dõi mọi người nói chuyện		2. Nói những từ có tính xã hội: bố, mẹ, ...	
3. Chỉ được một số bộ phận cơ thể		3. Làm các tiếng động của con vật/ đồ vật	
4. hiểu tên của đồ vật khi sử dụng dấu hiệu		4. Nói một số từ ban đầu	
5. Hiểu tên đồ vật mà không sử dụng dấu hiệu		5. Làm dấu hoặc nói tên nhiều đồ vật và tranh ảnh	
6. Hiểu các từ hoạt động Chỉ ra các đồ vật khi bạn nói về cách sử dụng của chúng		6. Nói các từ hành động Những vật này để làm gì	
7. Hiểu câu có 2 từ - Ghép hai đồ vật vào với nhau - Tên và hành động		7. Nói hai từ cùng nhau a. Tên và từ ban đầu b. 2 danh từ c. Tên và hành động d. Hoạt động và danh từ	
8. Hiểu những từ mô tả		8.	

<ul style="list-style-type: none"> <li>a. To/ nhỏ</li> <li>b. Dài/ ngắn</li> <li>c. Những cái này của ai</li> <li>d. Màu sắc</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>a. Nói các từ mô tả</li> <li>b. Nói các từ chỉ vị trí</li> <li>c. Nói các đại từ</li> <li>d. Nói các từ để hỏi</li> </ul>	
<p>9. Hiểu một câu có 3 từ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Nhớ lại 3 đồ vật</li> <li>b. Nơi để các đồ vật</li> <li>c. Số lượng</li> <li>d. Các câu hỏi Ai, cái gì, ở đâu</li> </ul>		<p>9. Nói 3 từ cùng nhau</p>	
<p>10. Hiểu các câu khó + từ diễn tả</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Giữa, bên cạnh, sau, trước</li> <li>b. Thì quá khứ và tương lai</li> <li>c. Các từ khác</li> </ul>		<p>10.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Nói các câu dài, thử kể 1 câu chuyện. Sử dụng các từ diễn tả đúng:</li> <li>b. số nhiều, số lượng</li> <li>c. Sở hữu cách</li> <li>d. Tân ngữ gián tiếp, từ yêu cầu</li> <li>e. Thì quá khứ</li> <li>f. Thì quá khứ và hiện tại</li> </ul>	